

Số:1730/BVĐKĐN-VTTBYT
V/v mời chào giá Mua sắm gói vật tư y tế của
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện đa khoa Đồng Nai với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Nguyễn Thu Hằng

Chức vụ: Nhân viên

Số điện thoại: (02518) 825 606

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản Scan gửi qua mail: tothauvtbytt@gmail.com (tiêu đề : Công ty... .. gửi báo giá theo yêu cầu báo giá số.... ..)

- Bản cứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện

Địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế (P331), Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai).

(Lưu ý: Có giấy giới thiệu khi gửi báo giá trực tiếp).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 phút ngày 21/09/2026

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư: (theo file danh mục đính kèm).

2. Giá chào giá: đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật

3. Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai).

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo hợp đồng thỏa thuận.

5. Hồ sơ chào giá của nhà thầu gồm các tài liệu sau

- Văn bản đề nghị chào giá có thể hiện cam kết, chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với: mặt hàng chào giá đáp ứng các yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật mời chào giá (kèm theo các tài liệu pháp lý và thông tin của doanh nghiệp); bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Các thông báo, quyết định trúng thầu của mặt hàng chào giá (nếu có) trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký Thông báo mời chào giá trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia - Bộ Tài chính.

- Các công ty cam kết không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Các công ty cam kết Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc BV;
- Website BV;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>.
- Lưu: VT, VTTBYT.

(Hangnt6)



Đinh Cao Minh

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:
MÃ SỐ THUẾ:....
SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

Theo Công văn mời chào giá số: /BVĐKĐN-VTTBYT ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Mã số chào giá	Tên hàng hóa thông thường yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành	Phân loại BHYT	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá báo giá (VNĐ) (Ghi rõ % VAT và số tiền tương đương)	Công ty báo giá	Đơn giá đã trúng thầu dưới 12 tháng (Nếu có)	Quyết định trúng thầu (Nếu có)	Nơi trúng thầu (Nếu có)	Ghi chú

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày 21/09/2026

- Chúng tôi cam kết:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày... tháng... năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC
LIÊN QUAN MỜI CHÀO GIÁ MUA SẮM GỒI VẬT TƯ Y TẾ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI
 Định kèm công văn số 1730/BVĐKDN-VTTBYT ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai

STT	Mã chào giá	Tên hàng hóa, vật tư (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu
1	BVYTDN1	Bộ dụng cụ mở đường dùng cho can thiệp mạch loại dài	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: phủ lớp ái nước với chiều dài 25cm - Kích thước: 6F và 7F - Chiều dài: 15, 30, 45, 55, 65, 80 và 90 (cm) - Đánh dấu cân quang ở đầu xa 2. Tính năng, công nghệ: - Dây cuộn tròn dạng xoắn - Chống xoắn gấp - Bao gồm: ống dẫn; đầu nối chữ Y & ống nối đầu thon 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	50
2	BVYTDN2	Bộ kết nối chữ Y	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: polycarbonate - Áp lực tối đa 180 psi - Đường kính trong tối đa: 2.8 mm, cho phép sử dụng với nhiều loại dụng cụ hơn. - Torque (màu xanh) và Introducer tương thích với dây dẫn từ 0.014" - 0.021" - Có thêm ống nối dài (dạng fixed hoặc Removable) 2. Tính năng công nghệ: - Thiết kế công tắc đặc biệt có khả năng tự động bật lại dễ dàng, giúp giảm thiểu mất máu hiệu quả - Núm xoay lớn, thiết kế ren xoắn ốc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 4. Xuất xứ: G20	Cái	200
3	BVYTDN3	Bộ van cầm máu có cổng kết nối 30 và 40 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate - Có 2 loại: 02 và 03 cổng - Chiều dài: 54, 78 và 80 mm - Cổng kết nối có góc: 30 và 40 độ - Kích thước: 7Fr và 9 Fr 2. Tính năng, công nghệ: - Giảm thiểu mất máu và chảy máu ngược dòng - Bộ sản phẩm bao gồm: 1 van, 1 torque và 1 kim 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	250
4	BVYTDN4	Bóng tắc mạch	- Bao gồm ống thông có gắn bóng đơn kèm vi dây dẫn 0.010". Dùng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch thẳng. - Đường kính 4mm. Chiều dài bóng 15mm. Đường kính đầu gần 2.8F, đường kính đầu xa 2.2F - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	5
5	BVYTDN5	Chất tắc mạch dạng lỏng	- Thành phần bao gồm EVOH (Ethylene-vinyl alcohol), DMSO (di-methyl sulfoxide) và Tantalum để có tính cản quang. - EVOH với thành phần 48 mol/l Ethylene và 52 mol/l Vinyl alcohol hòa tan trong dung môi DMSO với 2 tỷ lệ khác nhau 6% và 8%. - Dung tích 1.5ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Lọ	10
6	BVYTDN6	Cuộn nút mạch não	- Chất liệu Platinum - Có các loại 3D; Frame 3D và Helix. - Đường kính sợi coil có các loại: 0.0108", 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145". - Đường kính coil có các loại từ 1 - 25mm. - Chiều dài từ 1 - 50cm. - Cấu trúc dụng cụ cơ học. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: OECD	Cái	50
7	BVYTDN7	Cuộn nút mạch não	- Chất liệu Platinum - Có 2 loại 3D và Helix. - Đường kính sợi coil có các loại: 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145". - Đường kính coil có các loại từ 1.5 - 25mm. Chiều dài từ 1 - 50cm. - Cấu trúc dụng cụ cơ học. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: OECD	Cái	100
8	BVYTDN8	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính: 0,035", chiều dài: 45cm - 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.035", chiều dài khác nhau: 45 cm - 180cm 2. Tính năng, công nghệ: Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak	Cái	200
9	BVYTDN9	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước, đường kính 0,035", chiều dài 200 - 260cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.035", chiều dài khác nhau: 200cm - 260cm 2. Tính năng, công nghệ: Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak	Cái	100
10	BVYTDN10	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên	Dụng cụ bảo vệ mạch được sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) 3,4,5,6,7mm, độ dài dây dẫn 190cm và 320cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" Chất liệu lưới lọc: Nitinol Đường kính vượt tổn thương(Crossing Profile): 3.2Fr Miếng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE,FDA-CFG	Cái	6
11	BVYTDN11	Giá đỡ mạch máu não	- Cấu tạo 48 sợi đan vào nhau tạo thành khung cơ bản. Stent được thiết kế bằng hợp kim tự bung trong đó có 25% platinum - Tungsten và 75% cobalt chromium. - Đường kính: 2.5mm; 2.75mm; 3mm; 3.25mm; 3.5mm; 3.75mm; 4mm; 4.25mm; 4.5mm; 4.75mm; 5mm - Chiều dài: 10mm; 12mm; 14mm; 16mm; 18mm; 20mm; 25mm; 30mm; 35mm - Có lớp phosphorochololn (PC) tổng hợp liên kết với bề mặt kim loại có tác dụng chống kết tập tiểu cầu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	6
12	BVYTDN12	Giá đỡ mạch thần kinh	- Thiết kế mở, gấp cuộn. Chất liệu Nitinol - Đường kính 3mm; 4mm và 6mm. - Chiều dài 20mm; 24mm và 40mm. - 1 marker đầu gần, 3 marker đầu xa (với loại đường kính 3mm; 4mm), 4 marker đầu xa (với loại đường kính 6mm) và các marker trên thân stent. - Sợi dây có đường kính 0.018" và dài 200cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	120

13	BVYTDN13	Hệ thống phòng ngừa thuyên tắc động mạch cảnh	1. Chất liệu: Stent được thiết kế hai lớp: khung stent (thiết kế dạng open-cell) bằng chất liệu Nitinol nhớ hình, tự bung được phủ lớp lưới bảo vệ (thiết kế dạng closed-cell) bằng chất liệu PET kích thước siêu nhỏ giúp bảo vệ thành mạch, niêm phong màng xơ vữa và cho phép máu lưu thông qua động mạch Cảnh ngoài. 2. Thông số kỹ thuật: Lưới: Kích thước sợi lưới: 20µm, Kích thước ở trạng thái được bung rộng: 150µm - 180µm, Độ dày thành chống: 240µm ± 12µm, Đường kính stent: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, Chiều dài stent: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, Chiều dài của Catheter: 135cm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hệ thống phòng ngừa tắc động mạch cảnh dùng để mở thông hẹp động mạch cảnh ngoài sọ, dễ đẩy, cân quang tốt, độ căng với lực hướng tâm áp sát thành mạch, Sheath tương thích: 6F, Hệ thống dây dẫn: 0,014". 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10
14	BVYTDN14	Khung giá đỡ mạch cảnh	- Loại stent động mạch cảnh tự bung bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), có thiết kế mắt cáo đầu hờ, chiều dài ống thông có gắn stent 135cm, tương thích với dây dẫn 0.014". - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn phù hợp với động mạch cảnh: - Khung thẳng: đường kính 6-10mm, chiều dài 20,30,40,60mm. Tương ứng kích thước lòng mạch 4.5, 5.5, 6.5, 7.5, 8.5, 9.5 mm - Khung hình nón (khung thuôn): đường kính 2 đầu to nhỏ loại 8mm-6mm tương ứng kích thước lòng mạch (6.5mm-7.5mm) - (4.5mm-5.5mm), loại 10mm-7mm tương ứng kích thước lòng mạch (8.5-9.5mm)-(5.5-6.5)mm ứng với chiều dài stent là 30mm và 40 mm. - Có công nghệ giúp hệ thống bung stent giúp loại bỏ hiện tượng bung sớm hoặc nhảy. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA-CFG	Cái	10
15	BVYTDN15	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ - Kích thước: 4; 5 F. Chiều dài: 65cm; 70cm; 80 cm; 100 cm và 125cm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu tạng và ngoại biên. - Mức độ xoay cao - Độ cân quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu	Cái	200
16	BVYTDN16	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh	1. Thông số kỹ thuật: Đoạn phủ hydrophilic dài 5cm/15cm, kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng), đường kính trong/ ngoài của bộ ống thông: 1,8/ 2,09mm (4F), 2,05/ 2,4mm (5F), 2,28/ 2,7mm (6F), chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thân ống cân bằng, tăng độ cứng giúp ổn định quy trình, tối ưu hóa lực đẩy, bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100
17	BVYTDN17	Ống thông can thiệp mạch thần kinh	- Cấu tạo trực composite linh hoạt. - Đường kính trong: 0.021" và 0.027". Đường kính ngoài đầu gần - xa: 2.6F - 2.3F và 3.1F - 2.8F. - Chiều dài: 150cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: OECD	Cái	8
18	BVYTDN18	Ống thông can thiệp mạch thần kinh	- Cấu tạo gồm các sợi Nitinol dệt, lớp lót PTFE, lớp Polymer kết dính các lớp. Marker đầu xa được tạo thành bởi sợi Platinum cuộn tròn quanh đầu ống. - Đường kính trong: 0.058", 0.072". Đường kính ngoài: 0.070", 0.084". - Chiều dài: 115cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	10
19	BVYTDN19	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp	Vật liệu thép không gỉ phủ lớp ưa nước. Vùng linh hoạt 4cm. Đóng gói dạng vỏ bọc ngoài kích cỡ 6F. Được phủ lớp ưa nước. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài: 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F. có loại đầu thẳng và đầu MP Bao gồm dụng cụ nong mạch và Y kết nối, van cầm máu	Chiếc	150
20	BVYTDN20	Ống thông hút huyết khối	- Cấu trúc Nitinol từ đầu đến cuối. - Đường kính 0.068" và 0.071", đường kính ngoài 0.083" và 0.0855". - Chiều dài: 132cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	100
21	BVYTDN21	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch	Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. Đường kính trong đầu xa có các kích thước: 0.062"; 0.068"; 0.072". Chiều dài ≥ 132 cm Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Bộ	80
22	BVYTDN22	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu gần: >1,26mm; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 160cm	Cái	30
23	BVYTDN23	Stent chẹn cổ tử phình	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính: 1.5 - 4.5mm - Chất liệu: Nitinol và Tantanum - Chiều dài: 32mm - Tương thích Microcatheter: 0,021" ID 2. Tính năng, công nghệ: Stent chặn cổ tử phình dạng lưới, không gây tắc nghẽn dòng chảy, dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	5
24	BVYTDN24	Stent kéo huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nitinol siêu nhỏ được gia công bằng công nghệ cắt laser, kết hợp với các vùng chức năng độc lập - Đường kính stent: 3-6mm + 3mm tương thích vi ống thông 0.017" - 0.027"; đường kính mạch máu 1.5mm - 3.0mm + 4mm tương thích vi ống thông 0.021" - 0.027"; đường kính mạch máu 1.5mm - 4mm + 5mm, 6mm tương thích vi ống thông 0.021" - 0.027"; đường kính mạch máu 2.0mm - 5.5mm - Chiều dài stent: 20mm, 40mm - Có 12 markers cân quang bằng bạch kim được ôm sát khung nitinol' 2. Tính năng, công nghệ: - Lực bung stent 0.22N. - Có cấu trúc mắt lưới giúp giảm tình trạng phân mảnh huyết khối và thuyên tắc mạch xa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60
25	BVYTDN25	Stent lấy huyết khối mạch não	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính: 1,5mm - 6mm - Chất liệu: Nitinol và Tantanum - Tương thích microcatheter 0,021" ID - Chiều dài 32mm 2. Tính năng, công nghệ: Cấu trúc Stent có lớp bên đặc biệt cho lực xuyên tâm cao hơn. - Thiết kế đầu "J" mềm, dài 7mm, đường kính đầu 0,015" 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	20
26	BVYTDN26	Vi dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ưa nước đường kính: 0.014", chiều dài các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn can thiệp mạch máu angius phủ lớp ưa nước hydrophilic. Cấu tạo Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.014". Có 02 kích thước chiều dài: 200cm - 300cm. 2. Tính năng, công nghệ: Có 03 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; Double Angled.	Cái	100

27	BVYTDN27	Vì dây dẫn can thiệp mạch máu não	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: + Lớp phủ ái nước trên nền polymer dài 170 - 180 cm. + Đường kính 0,008 inch, 0,018 inch: Chiều dài 200 cm. + Đường kính 0,010 inch, 0,014: Chiều dài 200 cm, 300 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Có cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phân hồi momen xoắn tốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Cái	150
28	BVYTDN28	Vì ống thông (micro-catheter) hỗ trợ thả coil	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Coil bọc Tungsten chống vận xoắn; lớp lót PTFE bên trong, phủ lớp ái nước Hydrophilic Kích cỡ: - Chiều dài: 130cm và 150cm - Phủ lớp ái nước dài: 60cm và 110cm - Đường kính trong: 0,021" - Đường kính ngoài đầu gần/ đầu xa: 2,8F/1,9F - Tương thích vì dây dẫn: 0,018" 2. Tính năng, công nghệ: - Vì ống thông hỗ trợ thả coil - Đầu tip 2 marker Platinum tạo điều kiện thuận lợi giúp định vị nhanh, chính xác và hỗ trợ việc thả coil	Cái	30
29	BVYTDN29	Vì ống thông đầu tip 1.4F, thân ống 1.9F	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: - Đầu tip đoạn xa: Polyurethane + Tungsten - Trục ống: Polyurethane, Polyamide elastomer - Đường kính ngoài đầu tip siêu nhỏ: 0.48mm (0.019"(1.4F)) thích hợp mạch máu khúc khuỷu, mạch bàng hệ. - Đường kính ngoài: 2.6 F (0.85 mm), 1.9 F (0.62 mm). - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm. - Ống thông có đường kính 6Fr 2. Tính năng công nghệ: - Công nghệ bọc dây độc quyền đem lại độ linh hoạt cao và đảm bảo toàn vẹn của ống, chống xoắn vặn. - Lớp phủ ái nước: 70cm, 85 cm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 4. Xuất xứ: ASEAN	Bộ	100
30	BVYTDN30	Bộ đinh chốt dùng cho thân xương đùi và đầu trên xương đùi, đường kính đầu xa 09-12mm, dài 300-460mm, trái/phải kèm vít	Bộ đinh nội tuỷ xương đùi bao gồm: 1. Đinh nội tuỷ xương đùi - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). - Đường kính đầu gần 13, 14mm. Đường kính đầu xa 9mm, 10mm, 11mm, 12mm. Chiều dài từ 300/ 320/ 340/ 360/ 380/ 400/ 420/ 440/ 460mm. - Độ cong thân đinh 7.5 độ. - Hướng bắt vít 125/130 độ. - Thiết kế 2 vít song song giúp đinh chống xoay, lỗ vít di động đầu gần rộng 5mm, lỗ vít di động đầu xa rộng 4mm. - Đinh sử dụng vít chốt cổ 6.5 và vít chốt thân 4.0/4.8mm. 2. Vít chốt đinh (6.5mm) dùng cho cổ xương đùi - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 6.4mm. Chiều dài: 65-120mm. 3. Vít chốt đinh (4.0mm/4.8mm) dùng cho thân xương đùi - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Chiều dài vít chốt đinh 4.0mm: 20-70mm. Chiều dài vít chốt đinh 4.8mm: 20-90mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	50
31	BVYTDN31	Bộ đinh chốt nội tuỷ xương đùi	"- Đinh chốt chống xoay đầu trên xương đùi PFNA đinh rỗng thiết kế theo chiều cong sinh lý xương, có vis động cổ định cổ xương đùi, vis chốt tĩnh / động cho đầu xa, có rãnh 2 bên thân đinh giúp đưa vào lòng tuỷ dễ dàng và phân tán lực tốt hơn. Đường kính : 9-11mm Độ cong: 5 độ Góc CCD : 125-130 độ Kích thước chiều dài : 170-240mm Chất liệu : Titanium - Vít khóa PFNA: chất liệu Titanium - đường kính 5mm - chiều dài 20 mm - 120 mm - Vít khóa chống xoay đinh nội tuỷ: chất liệu Titanium, đường kính 11mm, chiều dài 65 mm -120 mm - Vít nén đinh nội tuỷ PFNA: chất liệu Titanium, đường kính 7mm, chiều dài 65mm - 120 mm - Vít đẩy nắp đinh nội tuỷ PFNA: chất liệu Titanium Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Bộ	50
32	BVYTDN32	Bộ đinh chốt Titanium dùng cho xương chày các cỡ kèm vít	Bộ đinh nội tuỷ xương chày bao gồm: 1. Đinh nội tuỷ xương chày - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). - Đường kính đầu gần 10mm. Đường kính thân đinh 8mm, 9mm, 10mm, 11mm. Chiều dài từ 260/ 280/ 300/ 320/ 340/ 360/ 380/ 400/ 420mm. - Độ cong thân đinh 7,5 độ, lỗ bắt vít di động rộng 3mm. - Đinh sử dụng vít chốt đinh: 4.0mm hoặc 4.8mm. 3. Vít chốt đinh (4.0mm/4.8mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Chiều dài vít chốt đinh 4.0mm: 20-70mm. Chiều dài vít chốt đinh 4.8mm: 20-90mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	50
33	BVYTDN33	Bộ đinh nội tuỷ xương đùi Gamma rỗng nông	1. Chất liệu: Đinh và vít chất liệu titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Bộ đinh gồm: 1 đinh + 1 lưỡi chốt cổ 10.5mm + 2 vít chốt ngang 5.0mm + 1 nắp đinh. Đầu đinh đường kính 16.2mm, sử dụng lưỡi chốt cổ 10.5mm; thân đinh gần đường kính 9.4/10/11/12mm dài từ 170-240mm, thân đinh dài đường kính 9.4/10/11mm dài từ 320-440mm, sử dụng vít chốt ngang 5.0mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật. Sử dụng Lưỡi chốt cổ đường kính 10.5mm, đường kính dây dẫn 3.2mm, dài 75-120mm, bước tăng 5mm và Vít chốt ngang đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi 4.2mm, bước ren 1.25mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE	Bộ	30
34	BVYTDN34	Bộ đinh nội tuỷ xương đùi rỗng nông	1. Chất liệu: Đinh và vít chất liệu titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Bộ đinh gồm: 1 đinh + 2 vít chốt cổ 7.0mm + 2 vít chốt khóa 5.0mm + 1 nắp đinh. Đầu đinh đường kính 13.5mm, sử dụng vít chốt cổ 7.0mm; thân đinh đường kính 9.4/10/11mm, dài 320-420mm, trái/phải, sử dụng vít chốt khóa 5.0mm, hướng vít mẫu chuyển lớn tới mẫu chuyển bé 130 độ. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật. Sử dụng vít chốt cổ đường kính 7.0mm, dài 65-110mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi 4.8mm, bước ren 2.75mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 5.2mm, đường kính dây dẫn 2.8mm và vít chốt khóa đường kính 5.0mm, dài 25-85mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi 4.2mm, bước ren 1.25mm, đầu lục giác, đường kính đầu vít 8mm, mũi khoan 4.2mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE	Bộ	50

35	BVYTDN35	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài	1. Thông số kỹ thuật: a. Chòm bán phần:- Cấu tạo chòm bán phần gồm 2 phần tách rời được lắp ráp theo cơ chế ấn và xoay vỏ chòm trên lớp lót: + Vỏ chòm bằng hợp kim cobalt chrome (CoCr) + Lớp lót bằng Polyethylene - Kích cỡ: + Với loại đường kính trong 22.2mm, có 3 cỡ từ 38mm đến 40mm, bước tăng 1mm + Với loại đường kính trong 28mm, có 20 cỡ từ 41mm đến 60mm, bước tăng 1mm - Có vòng kim loại riêng đi kèm sẵn với vỏ chòm để khóa vỏ chòm và lớp lót b. Chòm khớp: - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum (CoCrMo) - Có 8 cỡ chòm tương ứng với các kích thước + Có 2 loại đường kính: 22.2; 28 (mm) + Đối với chòm có đường kính 22.2mm, có 3 loại offset -2; 0; +3 (mm) + Đối với chòm có đường kính 28mm, có 5 loại offset -3.5; 0; +3.5; +7; +10.5 (mm) - Chòm tương thích với côn 12/14 c. Chuỗi khớp háng: - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Titanium Ti-6Al-4V), phủ Plasma với độ dày từ 30 - 70 (µm) - Chuỗi thiết kế cố định ở đầu gần dạng hình nêm, thân chuỗi thiết kế có rãnh tạo kênh dẫn cho máu trong quá trình cấy ghép. - Góc cổ chuỗi 131 độ, cổ chuỗi côn 12/14 - Có 35 cỡ chuỗi tương ứng với các kích thước: + Độ rộng bề ngang đầu xa của chuỗi từ 4mm đến 22.5mm + Chiều dài chuỗi có từ 107mm đến 144mm + Độ dài cổ chuỗi từ 28mm đến 53mm tùy thuộc vào kích cỡ chòm xương đùi + Offset từ 33mm đến 63mm tùy thuộc vào kích cỡ chòm xương đùi	Bộ	10
36	BVYTDN36	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương	1. Cuống xương đùi (Stem): + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuỗi: 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi. 2. Đầu xương đùi (Head): + Vật liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm). 3. Chòm xương đùi (Shell): + Vật liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trượt. - Kích cỡ: phổ biến từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm với kích cỡ từ 39mm đến 57mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 57mm đến 59mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: nhóm G7.	Bộ	30
37	BVYTDN37	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi thường	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V), bên ngoài được phủ titanium dạng sợi - Dạng bán cầu, có từ 2 đến 3 lỗ bắt vít với góc bắt vít xoay 33 độ - Có 12 rãnh chống xoay cách nhau 30 độ cho lớp lót polyethylene và mặt trong ổ cối được thiết kế vát nghiêng 18 độ để khóa lớp lót - Có 16 cỡ ổ cối tương ứng với các kích thước: + Đường kính từ 44mm tới 74mm, bước tăng 2mm + Độ dày thành ổ cối từ 4.6mm đến 4.9mm + Khoảng cách từ tâm đến đáy ổ cối từ 22.3mm đến 37.4 mm b. Vít ổ cối: Ti-6Al-4V - Loại tự ta-rô - Đường kính 6.5mm: Từ 15mm đến 40mm, bước tăng 5mm c. Lót ổ cối: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử, liên kết chéo cao, có vitamin E - Có 37 cỡ lớp lót ổ cối tương ứng với các kích thước: + Có 3 loại đường kính trong: 28; 32; 36 (mm). + Đường kính trong 28mm, đường kính ngoài từ 44mm đến 68mm, bước tăng 2mm. + Đường kính trong 32mm, đường kính ngoài từ 48mm đến 74mm, bước tăng 2mm. + Đường kính trong 36mm, đường kính ngoài từ 52mm đến 74mm, bước tăng 2mm. + Độ dày thành lớp lót ổ cối từ 2.9mm đến 17.7mm - Có gờ chống trượt d. Chòm xương đùi : - Vật liệu: Ceramic chứa khoảng 82% nhôm (Al₂O₃), 17% zirconia (ZrO₂) và các nguyên tố vi lượng khác. + Có 3 loại đường kính 28; 32; 36 (mm) + Đối với chòm có đường kính 28mm, có 3 loại offset -3.5; +0; +3.5 (mm) + Đối với chòm có đường kính 32mm, có 4 loại offset -3.5; +0; +3.5; +7 (mm) + Đối với chòm có đường kính 36mm, có 4 loại offset -3.5; +0; +3.5; +7 (mm)	Bộ	10
38	BVYTDN38	Bộ nẹp khóa 3,5 chất liệu thép không gỉ	1. Chất liệu: Thép không gỉ 2. Thông số kỹ thuật: Độ dày 3,3mm. Chiều cao 4mm. Chiều rộng 11mm. Có 2/ 3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 14/ 16/ 18/ 20/ 22/ 24 lỗ ứng với chiều dài 33/ 46/ 59/ 72/ 85/ 98/ 111/ 124/ 137/ 150/ 163/ 189/ 215/ 241/ 267/ 293/ 319mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Khoảng cách giữa các lỗ vít 13mm Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi Có lỗ nén và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học Dùng vít khóa 3,5mm, vít vỏ 3,5mm; đầu vít chống trượt 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	30
39	BVYTDN39	Bộ nẹp khóa bán nhỏ, 4-12 lỗ, chất liệu titanium	Chất liệu titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp dày 3.3mm, rộng 11mm, thân nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương thích chiều dài 52/65/78/91/104/117/130/143/156mm, khoảng cách lỗ 13mm. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm, từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm, từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Bộ	80
40	BVYTDN40	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng	1. Chất liệu: Nẹp và vít chất liệu titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng gồm: 1 nẹp + 9 vít khóa 2.7mm + 1 vít xương cứng 2.7mm. Nẹp có 9 lỗ đầu, đầu nẹp dày 2.9mm, rộng 24mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm; thân nẹp dày 2mm, rộng 7.6mm, thân có 3/4/5/6 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 45/54/66/75mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật. Thân nẹp lỗ kết hợp sử dụng vít khóa 2.7mm và vít xương cứng 2.7mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE	Bộ	120

41	BVYTDN41	Bộ nẹp khóa đầu gần xương cánh tay	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm. Loại trái/ phải. Có 3/ 4/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài 90/ 106/ 132/ 158/ 184/ 210mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Điều trị chấn thương chóp xoay vai. Đầu mặt khớp được thiết kế theo nguyên lý kết hợp xương 9 điểm với 9 lỗ vít trong đó có vít chịu lực giúp cố định tối đa ổ gãy để ngăn khớp vai không bị xẹp sau phẫu thuật. Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn giúp bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Góc vít đa hướng nâng 20° hỗ trợ tối đa cho mặt ngoài và mặt trong khớp vai. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	10
42	BVYTDN42	Bộ nẹp khóa đầu gần xương trụ có móc	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm Loại trái/ phải Có 2/ 4/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài 73/ 96/ 118/ 141/ 163/ 186mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Vít khóa tối ưu hóa các mảnh gãy ở mỏm khuỷu và mỏm vẹt. Vít khóa/vít nén đầu gần mỏm khuỷu để cố định mảnh gãy. Thân nẹp được thiết kế dài hơn phù hợp với giải phẫu xương trụ. Hình dáng móc thiết kế cắt cạnh. Móc để cố định tối ưu các mảnh xương nhỏ và tăng tính ổn định. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	5
43	BVYTDN43	Bộ nẹp khóa đầu xa xương quay chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 2,4mm/3,5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải. Có 2/ 4/ 6/ 8 lỗ ứng với chiều dài 66/ 85/ 104/ 123mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ. Thiết kế hình quạt giúp tái tạo lại hình dáng giải phẫu ban đầu. Lỗ vít nén cố định ổ gãy. Vít khóa đa hướng - hướng vào mỏm trám quay. Nẹp mỏng giảm khả năng bám dính gân. Thiết kế các cạnh được vát nhọn bo tròn giúp giảm kích ứng, dễ bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Thiết kế kết hợp xương theo nguyên lý 3 cột (cột quay, cột giữa, cột trụ). 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	10
44	BVYTDN44	Bộ nẹp khóa đầu xa xương quay chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 2,4mm/3,5mm, vít vò 3.5mm. có 2/ 4/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài 52/ 74/ 96/ 118/ 140/ 162mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Vít khóa 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp. Đầu mặt khớp 5 lỗ và 7 lỗ. Lỗ vít nén cố định ổ gãy. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	28
45	BVYTDN45	Bộ nẹp khóa đầu xa xương quay đầu khớp có móc chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 2,4mm, vít vò 3,5mm Loại trái/ phải. Có 1/ 2/ 3/ 4/ 5/ 7/ 9/ 11 lỗ ứng với chiều dài 39/ 55/ 64/ 73/ 82/ 99/ 116/ 133mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: 3 móc có các cạnh tròn dễ uốn cong. 3 móc ở đầu mặt khớp để cố định những mảnh gãy. 2 vít khóa hướng mỏm trám quay. Có lỗ vít nén ép cố định ổ gãy. Thiết kế các cạnh được vát nhọn bo tròn giúp giảm kích ứng, dễ bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Vít khóa được bắt liên kết chéo. Thân nẹp có góc vít đa hướng $\theta = 5^\circ$ để cố định trục. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	5
46	BVYTDN46	Bộ nẹp khóa đầu xa xương trụ chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 2,4mm/3,5mm, vít vò 3.5mm. Loại trái/ phải. Có 1/ 2/ 3 lỗ ứng với chiều dài 52/ 60/ 68mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Vít khóa 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp có góc cố định liên kết chéo. Có lỗ K-pin cố định tạm thời. Thân nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm. Đầu và đuôi nẹp được vát cạnh bo tròn. Kiểu dáng thiết kế mỏng phù hợp với bề mặt khớp đầu xa xương trụ. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	5
47	BVYTDN47	Bộ nẹp khóa DHS 3-12 lỗ	1. Chất liệu: Nẹp và vít chất liệu titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Bộ nẹp khóa DHS gồm: 1 nẹp khóa + 1 vít DHS đường kính 12.5mm, + 4 vít khóa 5.0mm + 2 vít xương cứng 4.5mm Nẹp có hướng vít có góc 135 nông dài 38mm, thân có 3/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 77/94/128/162/196/230mm, dày 5.7mm, rộng 19mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 5.0mm tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE.	Bộ	10
48	BVYTDN48	Bộ nẹp khóa dùng trong phẫu thuật xương đòn chữ S	1. Chất liệu: Thép không gỉ (stainless steel) 2. Thông số kỹ thuật: Có lỗ nén và lỗ khóa phù hợp với giải phẫu học Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống trơn ren Nẹp hình chữ S uốn cong theo thân xương đòn Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm; đầu vít chống trượt Loại trái/phải Có 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với các chiều dài 70/ 85/ 99/ 114/ 124mm Có 6/ 7/ 8/ 9 lỗ ứng với các chiều dài 94/ 110/ 120mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống trơn ren Nẹp hình chữ S uốn cong theo thân xương đòn 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	30
49	BVYTDN49	Bộ nẹp khóa dùng trong phẫu thuật xương đòn chữ S	Chất liệu titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp dày 2.6 mm, rộng 10mm, thân nẹp có 6/7/8/9/10 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 69.14/81.92.63/99/114.77mm, khoảng cách lỗ 12mm, cong 13 độ/ 7.3 độ. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm, từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm, từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Bộ	50

50	BVYTDN50	Bộ nẹp khóa gót chân chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm Loại trái/ phải. Có 1/ 2/ 3 lỗ ứng với chiều dài 58/ 64,5/ 71,5mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Vít khóa đa hướng điểm bám gân gót (gân Achilles). Có chặn xương gót. Có chặn dây xương gót. Có chặn Achilles. Thân nẹp có lỗ trống để ghép xương. Thân nẹp có 15 lỗ vít, 17 lỗ vít và 19 lỗ vít. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	2
51	BVYTDN51	Bộ nẹp khóa khớp cùng xương đòn có móc chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Chiều cao móc 17mm và 14,5mm. Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm. Loại trái/ phải. Có 3/ 4/ 5/ 6 lỗ ứng với các chiều dài 70/ 82/ 93/ 104mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thân nẹp hình dạng mắt xích để uốn (nếu cần) để đáp ứng các lựa chọn điều trị. Đầu mặt khớp có 4 lỗ, thiết kế móc giải phẫu 100° theo đường cong xương người châu á cho các trường hợp gãy đầu ngoài xương đòn hoặc trật khớp xương đòn. Nẹp được thiết kế mỏng giảm kích ứng mô mềm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	10
52	BVYTDN52	Bộ nẹp khóa mâm chày chữ T chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 3,5mm/5,0mm, vít vò 4,5mm. Loại trái/ phải. Có 4/ 6/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ ứng với chiều dài 126/ 158/ 190/ 222/ 254/ 286 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Khu vực gần mặt khớp có 5 lỗ, sử dụng vít khóa 3.5mm. trong đó có vít chịu lực giúp cố định tối đa ở gãy để ngăn mặt khớp mâm chày không bị xẹp lún sau phẫu thuật. Lỗ vít nên cố định ở gãy. Nẹp được thiết kế mỏng. Thân nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm. Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn giúp bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Cấu trúc trục vít phân kỳ và hội tụ để cố định ở gãy. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	5
53	BVYTDN53	Bộ nẹp khóa mâm chày ngoài	1. Chất liệu: Thép không gỉ (stainless steel) 2. Thông số kỹ thuật: Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống trơn ren Dùng vít khóa 5,0mm, vít vò 4,5mm; đầu vít chống trượt Loại trái/ phải Có 5/ 7/ 9/ 11/ 13 lỗ ứng với chiều dài 140/ 180/ 220/ 260/ 300mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	20
54	BVYTDN54	Bộ nẹp khóa mắt cá ngoài	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 2,4mm/3,5mm, vít vò 3,5mm. Loại trái/ phải. Có 2/ 4/ 6/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ ứng với chiều dài 74/ 100/ 126/ 152/ 178/ 204/ 230mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn giúp bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Thân nẹp sử dụng vít khóa 3,5mm. Lỗ vít nên cố định ở gãy. Đầu mặt khớp có 7 lỗ, sử dụng vít khóa 2,4mm. Đầu nẹp có 2 móc cố định ở gãy đầu xa xương mác vỡ nhiều mảnh. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	5
55	BVYTDN55	Bộ nẹp khóa mắt cá trong	1. Chất liệu: Thép không gỉ (stainless steel) 2. Thông số kỹ thuật: Có 6/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ ứng với chiều dài 144,5/ 170,5/ 196,5/ 222,5/ 248,5mm Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm; đầu vít chống trượt Loại trái/ phải 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống trơn ren 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	30
56	BVYTDN56	Bộ nẹp khóa mặt sau đầu trên xương chày chất liệu titan	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm. Loại trái/ phải. Có 2/ 4/ 6 lỗ ứng với chiều dài 55/ 81/ 107mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Nẹp được đặt mặt sau phía trong đầu trên xương chày. Sử dụng hệ thống vít 3,5mm đa hướng, giúp cố định ở gãy mặt sau đầu trên xương chày. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	15
57	BVYTDN57	Bộ nẹp khóa mắt xích sử dụng trong phẫu thuật tái tạo, 4-18 lỗ các cỡ, chất liệu titanium	Chất liệu titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/ Nẹp dài 2.8mm, rộng 10mm, thân nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16/18 lỗ, tương thích chiều dài 46/58/70/82/94/106/118/130/142/166/190/214mm, khoảng cách lỗ 12mm. 2/ Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm, từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm, từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Bộ	90
58	BVYTDN58	Bộ Nẹp khóa Mini (nẹp thẳng chữ T/ Y) các cỡ	Chất liệu titanium. Gồm: 1/ Nẹp thẳng sử dụng vít khóa 1.5mm, nẹp dài 1.5mm, rộng 4.3mm, thân có 4/5/6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 21/26/31/41/51mm. Nẹp thẳng sử dụng vít khóa 2.0mm, nẹp dài 1.5mm, rộng 5.5mm, thân có 2/3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 17/24/31/38/45/52/59/66/73mm. 2/ Nẹp chữ T sử dụng vít khóa 1.5mm, nẹp có 3/4 lỗ đầu, dài 1mm, rộng 14.3mm, thân nẹp dài 1mm, rộng 4.3mm, có 8 lỗ thân dài 45.8mm. Nẹp chữ T sử dụng vít khóa 2.0mm, nẹp có 2 lỗ đầu, dài 1.1mm, rộng 14.2mm, thân nẹp dài 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5 lỗ thân tương ứng chiều dài 25.3/32.1/38.8mm. Nẹp chữ T sử dụng vít khóa 2.0mm, nẹp có 3 lỗ đầu, dài 1.1mm, rộng 18.5mm, thân nẹp dài 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5/9 lỗ thân tương ứng chiều dài 25.9/32.7/39.5/66.5mm. 3/ Nẹp chữ Y sử dụng vít khóa 1.5mm, nẹp có 3 lỗ đầu, dài 1mm, rộng 15mm, thân nẹp dài 1mm, rộng 4.3mm, nẹp có 8 lỗ thân dài 46.1mm. Nẹp chữ Y sử dụng vít khóa 2.0mm, nẹp có 3 lỗ đầu, dài 1.5mm, rộng 17.6mm, thân nẹp dài 1.5mm, rộng 5mm, có 4/5/6/7/8/9 lỗ tương ứng chiều dài 34.7/41.5/48.2/55/61.8/68.5mm. 4/ Vít khóa đường kính 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm, bước ren 0.5mm, tự taro/ vít khóa đường kính 2.0mm, dài 6-30mm với bước tăng 2mm, bước ren 0.9mm, tự taro. 5/ Vít xương cứng đường kính 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm, bước ren 0.5mm, tự taro/ vít xương cứng đường kính 2.0mm, dài 6-30mm với bước tăng 2mm, bước ren 0.9mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Bộ	30

59	BVYTDN59	Bộ nẹp khóa mini 2,0	1. Chất liệu: Titan Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Độ dày 1,2mm, có nhiều hình dạng khác nhau như L, Y, ARC, X, H, thẳng, T, Dừng vít khóa 2,0mm, vít vò 2,0mm Nẹp chữ L có 3/ 4 lỗ ứng với chiều dài 37/ 45mm Nẹp chữ Y có 5/ 6/ 7 lỗ ứng với chiều dài 30/ 35/ 39mm Nẹp chữ ARC có 8 lỗ ứng với chiều dài 23mm Nẹp chữ H có 4 lỗ ứng với chiều dài 12mm Nẹp chữ X có 4 lỗ ứng với chiều dài 16mm Nẹp thẳng có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài 24/ 30/ 36/ 42/ 48/ 61/ 73mm Nẹp chữ T có 4/ 5/ 6/ 7 lỗ ứng với chiều dài 34/ 41/ 47/ 53mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	30
60	BVYTDN60	Bộ nẹp khóa nén ép 3.5	1. Chất liệu Ti6Al4V. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế cho giải pháp trực xương nhỏ hoặc thân xương cánh tay. Nẹp được thiết kế mỏng. 2 đầu nẹp vát nhọn bo tròn giúp giảm kích ứng, dễ bóc tách mô mềm phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. Thân nẹp được thiết kế uốn lượn, đường viền tự động Dùng vít khóa 3.5mm, vít vò 3.5mm Có 4/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ ứng với chiều dài 34/ 54/ 74/ 92/ 112mm	Bộ	20
61	BVYTDN61	Bộ nẹp khóa tái cấu trúc, dày 3,5mm	1. Chất liệu: Thép không gỉ 2. Thông số kỹ thuật: Chiều rộng 10,1mm Độ dày 3,5mm. Dùng vít khóa 3,5mm, vít vò 3,5mm. Có 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 13/ 14/ 15/ 16/ 17/ 18/ 20/ 22 lỗ ứng với chiều dài 56/ 70/ 84/ 98/ 112/ 128/ 142/ 156/ 171/ 185/ 200/ 215/ 228/ 243/ 257/ 286/ 315mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Khoảng cách giữa các lỗ vít 14mm Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi Đầu vít chống trượt 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	40
62	BVYTDN62	Bộ nẹp khóa Titanium chữ S thân xương đòn	Bộ nẹp khóa: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2,7, 3,5mm và vít nén ép 3,5, vít xỏ 4,0mm + Rộng 10mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 4-12 lỗ dài 49/60/72/84/96/107/118/129/140 mm + Vít khóa 2,7mm: Chiều dài từ 10-20mm (mỗi bước tăng 1), từ 20-50mm (mỗi bước tăng 2) - Vít khóa 3,5mm: Chiều dài: Từ 10-60mm (mỗi bước tăng 2), từ 60-70mm (mỗi bước tăng 5) - Vít xương cứng 3,5 mm: Chiều dài từ 10-50mm (mỗi bước tăng 2), từ 50-90mm (mỗi bước tăng 5) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	50
63	BVYTDN63	Bộ nẹp khóa Titanium đầu dưới xương cẳng chân mặt trong	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3,5mm và vít nén ép 3,5mm, vít xỏ 4,0mm. + Rộng 14mm, Dày 3,2mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 113/129/145/161/177/193/209/225/241/257/273mm - Vít khóa 3,5mm: Chiều dài: Từ 10-60mm (mỗi bước tăng 2), từ 60-70mm (mỗi bước tăng 5) - Vít xương cứng 3,5 mm: Chiều dài từ 10-50mm (mỗi bước tăng 2), từ 50-90mm (mỗi bước tăng 5) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	20
64	BVYTDN64	Bộ nẹp khóa Titanium đầu ngoài xương đòn	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2,7 mm - 3,5mm và vít xương cứng 3,5mm, hoặc vít xỏ 4,0mm + Rộng 10mm, dày 3,4mm + Thân nẹp có từ 3-10 lỗ dài 54/67/80/93/106/119/132/145mm - Vít khóa 3,5mm: Chiều dài: Từ 10-60mm (mỗi bước tăng 2), từ 60-70mm (mỗi bước tăng 5) - Vít xương cứng 3,5 mm: Chiều dài từ 10-50mm (mỗi bước tăng 2), từ 50-90mm (mỗi bước tăng 5) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	10
65	BVYTDN65	Bộ nẹp khóa Titanium đầu trên xương cánh tay	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3,5mm và vít nén ép 3,5, vít xỏ 4,0mm + Rộng 12mm, Dày 4mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ dài 105/122/139/156/173/190/207/224/241/258/275mm - Vít khóa 3,5mm: Chiều dài: Từ 10-60mm (mỗi bước tăng 2), từ 60-70mm (mỗi bước tăng 5) - Vít xương cứng 3,5 mm: Chiều dài từ 10-50mm (mỗi bước tăng 2), từ 50-90mm (mỗi bước tăng 5) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	20
66	BVYTDN66	Bộ nẹp khóa Titanium đầu trên xương chày	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5,0mm và vít nén ép 4,5mm, vít xỏ khoá 5,0mm. + Rộng 15mm, Dày 4,5mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 112/131/150/169/188/207/226/245/264/302mm - Vít khóa 5,0 mm: Chiều dài từ: 16-110mm. (mỗi bước tăng 2) - Vít xương cứng 4,5 mm: Chiều dài từ: 14-70mm (mỗi bước tăng 2) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	20
67	BVYTDN67	Bộ nẹp khóa Titanium đầu trên xương quay	Bộ nẹp khóa kèm vít sử dụng cùng với bộ dụng cụ ART: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2,5mm và vít nén ép 2,5mm. + Rộng 9mm, Dày 1,9mm + Thân nẹp có từ 2-6 lỗ tương ứng với chiều dài 33/42/51/60/69 mm + Vít khóa 2,5 mm: Chiều dài từ 6-20mm (mỗi bước tăng 1), từ 20-40mm (mỗi bước tăng 2) + Vít xương cứng 2,5mm: Chiều dài từ 6-20mm (mỗi bước tăng 1), từ 20-40mm (mỗi bước tăng 2) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	7
68	BVYTDN68	Bộ nẹp khóa Titanium nâng đỡ mấu chày chữ T	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5,0mm và vít nén ép 4,5mm, vít xỏ khoá 5,0mm. + Rộng 15,5mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 3-8 lỗ tương ứng với chiều dài 89/105/121/137/153/169mm - Vít khóa 5,0 mm: Chiều dài từ: 16-110mm. (mỗi bước tăng 2) - Vít xương cứng 4,5 mm: Chiều dài từ: 14-70mm (mỗi bước tăng 2) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	20
69	BVYTDN69	Bộ nẹp khóa Titanium xương đùi	Bộ nẹp khóa kèm vít: + Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5,0mm, lỗ nén ép dùng vít xương cứng 4,5mm. + Rộng 18mm, Dày 5,5mm + Thân nẹp có từ 5-20 lỗ dài 105/123/141/159/177/195/213/231/249/267/285/303/339/375 mm - Vít khóa 5,0 mm: Chiều dài từ: 16-110mm. (mỗi bước tăng 2) - Vít xương cứng 4,5 mm: Chiều dài từ: 14-70mm (mỗi bước tăng 2) + Tiêu Chuẩn : ISO 13485, CE, FDA	Bộ	2
70	BVYTDN70	Chỉ khâu gân	1. Chất liệu: lõi bằng UHMWPE, lớp ngoài bằng polyethylene 2. Kích thước: bán rộng 1,3mm, dài 91,4 cm, kèm kim dài 26,5mm, đường kính kim 8,76mm 3. Màu sắc: trắng xanh 4. Lực tái tải là 286N Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA. Xuất xứ: G7	Cái	100

71	BVYTDN71	Chỉ siêu bền	1. Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. 2. Thân chỉ màu xanh để quan sát. 3. Chỉ dài 38inches liên kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn.. 4. Lực tái tối đa đạt 88lb, tương đương 391.5Nm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA. Xuất xứ : G7	Cái	500
72	BVYTDN72	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp	Dùng cố định mô mềm trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), kim bằng chất liệu thép không gỉ. - Màu sắc: trắng hoặc xanh - Lực kéo $\geq 576,12$ N/mm² - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Sợi	1.000
73	BVYTDN73	Đầu đốt bằng sóng Radio frequency (dao RF), các cỡ	1. Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic 2. Kích thước: - Chiều dài: 160mm - Đường kính thân: 3.75mm - Chiều dài và chiều rộng điện đốt: 3.75mm 3. Khác: - Đầu đốt 90 độ - Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật - Dễ dàng sử dụng, có thêm 3 phím chức năng điều khiển trên tay cầm điều khiển đầu đốt - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA. Xuất xứ: Châu Mỹ	Cái	200
74	BVYTDN74	Đầu đốt lưỡng cực bằng sóng radio, loại cong 90°	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio - Chất liệu: Đầu điện cực phẫu thuật được làm bằng thép không gỉ 304, bạch kim, vonfram, molybden/ titan... - Kích cỡ: 90 độ. Đường kính ≥ 3.5mm. Phạm vi làm việc ≥ 135 mm. - Có ống hút - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	100
75	BVYTDN75	Dụng cụ tháo ghim tay cầm bằng nhựa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa y tế, đầu tháo ghim bằng thép y tế không gỉ	Cái	25
76	BVYTDN76	Ghim khâu da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế, thép không gỉ. - Có hai loại kích thước: 6.4mm x 4.0mm x 0.57mm; 5.6mm x 3.8 mm x 0.57mm.	Cái	700
77	BVYTDN77	Khớp gối toàn phần di động	1. Thông số kỹ thuật: - Lõi cầu đùi (Femoral Component): Chất liệu: CoCrMo. Kích cỡ: Có 6 cỡ trái/ phải. - Mâm chày (Tibial Baseplate): Chất liệu: CoCrMo. Kích cỡ: 6 cỡ đồng dạng - Lót đệm (Tibial Insert): Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12, 14, 16mm. - Xi măng: sinh học có kháng sinh 2. Tính năng, công nghệ: - Lõi cầu dày 9mm và không có hộp (Boxless). Nghiêng trước 4° để giảm notchng. Rãnh bánh ché 6 độ; Đa bán kính: bán kính thứ nhất mở rộng đến góc gấp 30 độ, bán kính thứ hai hoạt động đến góc gấp 90 độ. - Mâm chày đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug), dạng mô đun hoàn hảo: bất kỳ size nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ size nào của mâm chày. Bề mặt tiếp xúc được đánh bóng như gương để giảm mài mòn lớp đệm. - Lót đệm kiểu UC. Dạng hy sinh dây chằng chéo sau, mặt trước nhỏ cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	20
78	BVYTDN78	Khớp gối toàn phần di động có xi măng, thiết kế bảo tồn xương.	1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ phải/trái từ 1 đến 9, thiết kế kiểu ổn định trước UC (Ultra-Congruents), không cần cắt xương để tạo hộp PS (Posterior-Stabilized), giúp bảo tồn xương tối đa cho bệnh nhân. Kích thước chiều rộng ngang lõi cầu 55/58/61/64/67/70/73/76/80mm tương ứng các size từ 1 đến 9. 2. Mâm chày (Tibial Baseplate): - Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ từ 0 đến 8, thiết kế phải/trái. - Mâm chày thiết kế kiểu di động (Rotating Baseplate), biên độ xoay quanh trục của lớp đệm 20 độ, có thể gắn thêm miếng chêm và cuống dài. Miếng chêm có độ dày 5 mm và 10mm, có 9 kích cỡ từ 0 đến 8. Cuống dài có đường kính 13mm với các chiều dài 20mm, 40mm, 70mm, 110mm. 3. Lót đệm (Tibial Insert) - Vật liệu: PEXEL UHMWPE theo tiêu chuẩn ISO5834-1&2. Kích cỡ: có 3 độ dày 10mm, 12mm, 15mm. Thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents). 4. Bánh ché (Patellar): - Vật liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: 23mm, 25mm, 28mm. 5. Xi măng có kháng sinh Gentamycine. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7.	Bộ	2
79	BVYTDN79	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Thông số kỹ thuật: - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm. - Đầu chòm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: thép không gỉ/ Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 28mm (-3.5, +0, +3.5, +7, +11) gồm các cỡ S, M, L, XL, XXL - Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head): Chất liệu: thép không gỉ (ISO5832-1)/ Cobalt Chrome Molybden (ISO 5832-4). Kích thước 39-58mm, bước tăng 1mm; - Lót đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) (ISO 5834-2). Đường kính trong: 28mm. Kích cỡ: 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-54mm, 55-58mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuôi xương đùi: Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	20
80	BVYTDN80	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	1. Cuống xương đùi (Stem): - Kích cỡ: có 7 kích cỡ 1-7, chiều dài tương ứng 182mm, 187mm, 192mm, 197mm, 202mm, 207mm, 212mm. - Đường kính đầu xa Ø8 với size 1, 2; Ø10 với size 3,4,5; Ø11 với size 6,7. - Thân chuôi có rãnh dọc, mặt cắt thân chuôi hình bầu dục. - Vật liệu: anodized TA6V, phủ 80µm Hydroxyapatite toàn thân (HAP) - Góc cổ chuôi (Neck Angle): 135 độ, taper 10/12. 2. Đầu xương đùi (Femoral head): - Chất liệu : hợp kim M30NW, kích cỡ 22.2mm, 28mm. 3. Chòm xương đùi: bên ngoài làm bằng thép không gỉ, bên trong là lớp đệm polyethylene UHMWPE kèm khóa chống trật đầu xương đùi, kích cỡ từ 40mm đến 58mm với bước đệm 2mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: nhóm G7.	Bộ	60

81	BVYTDN81	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Thông số kỹ thuật: - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm. - Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), chỏm 28mm (-3.5, +0, +3.5), 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), 40mm (-4, +0, +4, +8) gồm: S, M, L, XL - Ổ cối (Acetabular): Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400±100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300±100micron); kích thước từ 44mm-72mm - Lớp lót (Liner): Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/ XLPE+Vitamin E, đường kính 28,32,36mm; kích thước: 42mm; 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. Có hoặc không có bờ chống trật - Vít ổ cối: Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuôi xương đùi: Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). - Ổ cối: Có 3 vảy cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	20
82	BVYTDN82	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính 32mm; gồm các cỡ S (-3.5), M (+0), L (+3.5), XL (+7), XXL (+10.5). - Ổ cối (Acetabular): Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN, 0SN, 1SN,... 10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các rãnh nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm; - Lớp lót (Liner): Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo (UHMWPE HC) dạng Hooded/ Flat . Kích cỡ: đường kính trong 28, 32mm. - Vít ổ cối: Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ổ cối: Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa rãnh. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm. - Chuôi xương đùi: Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip - Lớp lót: Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	10
83	BVYTDN83	Khớp háng toàn phần không xi măng	Stem: có taper 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp. * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dây 0.35mm. * Ổ cối: Phù công nghệ độc quyền Plasmapore 40% CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 44mm - 62mm thích hợp cho những bệnh nhân có Ổ cối nhỏ, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). * Liner: Có bờ chống trật phía sau. Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2), kết hợp Vitamine E. - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. * Head: Chất liệu bằng Biolox® delta Alumina matrix composite ceramic thể mới nhất. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. * Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu hợp kim Titanium (ISOTAN F). Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Bộ	10
84	BVYTDN84	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Thông số kỹ thuật: - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm. - Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), chỏm 28mm (-3.5, +0, +3.5), 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), 40mm (-4, +0, +4, +8) gồm: S, M, L, XL - Ổ cối (Acetabular): Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400±100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300±100micron); kích thước từ 44mm-72mm - Lớp lót (Liner): Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), đường kính 28,32,36,40mm. Kích thước: 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. - Vít ổ cối: Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuôi xương đùi: Có rãnh chống lún và chống xoay, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). - Ổ cối: Có 3 vảy cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	40
85	BVYTDN85	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Thông số kỹ thuật: - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm. - Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ, đường kính 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), gồm: S, M, L, XL - Ổ cối (Acetabular): Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400±100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300±100micron); kích thước từ 44mm-72mm - Lớp lót (Liner): Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/XLPE+Vitamin E, đường kính 32,36mm; kích thước: 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. Có hoặc không có bờ chống trật - Vít ổ cối: Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuôi xương đùi: Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). - Ổ cối: Có 3 vảy cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	5

86	BVYTDN86	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: BioloX Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474), đường kính 28,32,36mm; gồm: S (-4), S (-3.5), M (+0), L (+3.5), L (+4), XL (+7) - Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm. - Chuôi xương đùi (Stem): Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các rãnh nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm; - Lớp lót (Liner): Chất liệu: BioloX Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474). Kích cỡ: đường kính 32,36mm. - Vít ổ cối: Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ổ cối: Dạng Ellip dầy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đối; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trượt vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa rãnh. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm. - Chuôi xương đùi: Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Bộ	10
87	BVYTDN87	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Ceramic	1. Cuống xương đùi (Stem): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi: 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi. 2. Đầu xương đùi (Head): + Chất liệu: Ceramic Composite, kích thước 32mm (-4, +0, +4), 36mm (-4, +0, +4). 3. Ổ cối (Cup): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm. 4. Lớp đệm (Insert): + Chất liệu: Ceramic (hợp chất Alumina và Zirconia), lớp đệm được thiết kế thấp hơn ổ cối 2.6mm nhằm ngăn ngừa sự va chạm giữa cổ chuôi và vành lớp đệm. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm, 36mm, 40mm. 5. Vít ổ cối (Screw): + Chất liệu: titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: nhóm G7.	Bộ	30
88	BVYTDN88	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Poly	1. Cuống xương đùi (Stem): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi: 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi. 2. Đầu xương đùi (Head): + Chất liệu: Composite Ceramic, kích thước 32mm (-4, +0, +4); 36mm (-4, +0, +4). 3. Ổ cối (Cup): - Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm. 4. Lớp đệm (Insert): + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mật vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm cổ xương đùi. Cổ định lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm. 5. Vít ổ cối (Screw): + Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7.	Bộ	10
89	BVYTDN89	Lưới bảo khớp	- Lưới bảo khớp, dùng 1 lần, tiết trùng - Chất liệu: thép không rỉ - Đường kính: 2.0 – 4.2 mm - Chiều dài: 70 -150mm - Tiết trùng sẵn - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	100
90	BVYTDN90	Lưỡi cắt bảo, luồn mô khớp vai	- Dùng trong phẫu thuật nội soi chóp xoay khớp vai. - Chất liệu: được làm bằng Nitinol. - Tương thích với hầu hết các công cụ. - Dễ dàng neo tải từ hai bên, lên hoặc xuống. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	100
91	BVYTDN91	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong 90 °	- Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng radio - Chất liệu: thân bằng thép không rỉ, đầu tip bằng titanium, tay cầm bằng nhựa PVC. - Kích cỡ: Góc 90 độ. Đường kính lưỡi 3.75mm, chiều dài 160mm, trong đó chiều dài trục là 135mm - Đầu đốt với phạm vi rộng giúp cầm máu trong các phẫu thuật nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	100
92	BVYTDN92	Nẹp bán hẹp; 4-12 lỗ; dài 63-161mm	Bộ nẹp khóa bán hẹp (3.5mm) bao gồm: 1. Nẹp khóa bán hẹp (3.5mm) - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, tương ứng với chiều dài 59/72/85/98/111/124/137/150/163mm. - Độ dày thân nẹp 3.2mm, chiều rộng thân nẹp: 11.5mm. - Nẹp sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khoá (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	15

93	BVYTDN93	Nẹp bán hẹp; 5-16 lỗ; dài 98-296mm	Bộ Nẹp khóa bán hẹp (4.5mm) bao gồm: 1. Nẹp khóa bán hẹp (4.5mm) - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16 lỗ, tương ứng với chiều dài 98/116/134/152/170/188/206/224/242/260/278/296mm. - Độ dày thân nẹp: 4.8mm, chiều rộng thân nẹp: 14mm, độ dày đầu nẹp: 2.4mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm. 2. Vít khóa (5.0mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 5.0mm. Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4mm. Chiều dài: 14-100mm. 3. Vít xương cứng (4.5mm) - Chất liệu Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 4.5mm. Đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	60
94	BVYTDN94	Nẹp bán rộng 5-18 lỗ; dài 98-332mm	Bộ Nẹp khóa bán rộng bao gồm: 1. Nẹp khóa bán rộng - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/17/18 lỗ, tương ứng với chiều dài 98/116/134/152/170/188/206/224/242/260/278/296/314/332mm. - Độ dày thân nẹp 5.9mm, chiều rộng thân nẹp 17.3mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm. 2. Vít khóa (5.0mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 5.0mm. Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4mm. Chiều dài: 14-100mm. 3. Vít xương cứng (4.5mm) - Chất liệu Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 4.5mm. Đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	40
95	BVYTDN95	Nẹp đầu dưới xương chày mặt trong 4-14 lỗ; dài 117-252mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/6/8/10/12/14 lỗ, tương ứng với chiều dài 117/144/171/198/225/252mm. - Độ dày thân nẹp 4.0mm, chiều rộng thân nẹp 11mm, chiều rộng đầu nẹp 22mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	30
96	BVYTDN96	Nẹp đầu dưới xương đùi 5-13 lỗ; dài 155-315mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng với chiều dài 155/195/235/275/315mm. - Độ dày thân nẹp 5.5mm, chiều rộng thân nẹp 16mm, chiều rộng đầu nẹp 35mm. - Nẹp bao gồm vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm. 2. Vít khóa (5.0mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 5.0mm. Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4mm. Chiều dài: 14-100mm. 3. Vít xương cứng (4.5mm) - Chất liệu Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 4.5mm. Đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	50
97	BVYTDN97	Nẹp đầu dưới xương mác 3-7 lỗ; dài 73-125mm; trái/phải	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu dưới xương mác - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 3/4/5/6/7 lỗ, tương ứng với chiều dài 73/86/99/112/125mm. - Độ dày thân nẹp 3.5mm, chiều rộng thân nẹp 9.5mm, chiều rộng đầu nẹp 15mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 2.7mm và 3.5mm; vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (2.7mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 2.7mm. Đường kính đầu khóa vít 3.5mm, đường kính đầu bắt vít 2.4mm. Chiều dài: 8-60mm. 3. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 4. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	20
98	BVYTDN98	Nẹp đầu trên xương cánh tay 3-13 lỗ; dài 110-290mm	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ, tương ứng với chiều dài 110/128/146/164/182/200/218/236/254/272/290mm. - Độ dày thân nẹp 4.0mm, chiều rộng thân nẹp 12mm, chiều rộng đầu nẹp 20mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	30
99	BVYTDN99	Nẹp đầu trên xương chày mặt ngoài; 5-13 lỗ; dài 145-305mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 3/5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng với chiều dài 105/145/185/225/265/305mm. - Độ dày thân nẹp 4.8mm, chiều rộng thân nẹp 15.5mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm. 2. Vít khóa (5.0mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 5.0mm. Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4mm. Chiều dài: 14-100mm. 3. Vít xương cứng (4.5mm) - Chất liệu Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 4.5mm. Đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	50

100	BVYTDN100	Nẹp đầu trên xương chày mặt trong chữ T; 4-8 lỗ; dài 60-108mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/6/8 lỗ, tương ứng với chiều dài 60/84/108mm. - Độ dày thân nẹp 4.0mm, chiều rộng thân nẹp 11mm, chiều rộng đầu nẹp 30mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	30
101	BVYTDN101	Nẹp đầu trên xương đùi 4-12 lỗ; dài 139-283mm; trái/ phải,	Bộ Nẹp khóa đầu trên xương đùi bao gồm: 1. Nẹp khóa đầu trên xương đùi - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng với chiều dài 139/175/211/247/283mm. - Độ dày thân nẹp 5.5mm, chiều rộng thân nẹp 17.5mm, chiều rộng đầu nẹp 25.2mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm và 6.5mm, vít xương cứng 4.5mm. 2. Vít khóa (5.0mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 5.0mm. Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4mm. Chiều dài: 14-100mm. 3. Vít khóa (6.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 6.5mm. Đường kính đầu khóa vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 50-120mm. 4. Vít xương cứng (4.5mm) - Chất liệu Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 4.5mm. Đường kính đầu vít 8.0mm, đường kính đầu bắt vít 4.5mm. Chiều dài: 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	5
102	BVYTDN102	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, hình quạt thân dài	1. Chất liệu: Ti6Al4V. 2. Thông số kỹ thuật: Đầu nẹp có 9 lỗ và 12 lỗ. -Lỗ vít trên thân nẹp kết hợp dùng vít khóa 2,4mm/3,5mm và vít vó 3,5mm tự taro. - Loại trái/ phải. -Có 2/ 4/ 6/ 8 lỗ ứng với chiều dài 66/ 85/ 104/ 123mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế hình quạt giúp tái tạo lại hình dáng giải phẫu ban đầu. - Vít khóa đa hướng - hướng vào móm trám quay. - Thiết kế các cạnh được vát nhọn bo tròn giảm kích ứng, dễ bóc tách mô mềm, hạn chế bám dính gân phù hợp với kỹ thuật mổ ít xâm lấn. - Thiết kế kết hợp xương theo nguyên lý 3 cột (cột quay, cột giữa, cột trụ). 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	20
103	BVYTDN103	Nẹp khóa đầu xa xương đùi các cỡ	1. Chất liệu: Thép không gỉ (stainless steel) 2. Thông số kỹ thuật: - Loại trái/ phải - Có 5/ 7/ 9/ 11/ 13 lỗ ứng với chiều dài 156/ 196/ 236/ 276/ 316mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật - Dùng vít khóa 5,0mm; vít vó 4,5mm; đầu vít chống trượt 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	10
104	BVYTDN104	Nẹp khóa móm chày chữ L	1. Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V) 2. Thông số kỹ thuật: - Loại trái/ phải - Có 4/ 6/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ ứng với chiều dài 130/ 162/ 194/ 226/ 258/ 290mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Nẹp được đặt mặt ngoài giúp hạn chế tổn thương mô mềm - Có lỗ khóa và lỗ nén phù hợp với giải phẫu học - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống trơn ren - Khu vực gần mặt khớp có 8 lỗ; nẹp được thiết kế mỏng; với thiết kế vít chịu lực hỗ trợ cho ổ gãy ở phía bên trong xương chày, - Dùng vít khóa 3,5mm/5,0mm; vít vó 4,5mm; đầu vít chống trượt 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10
105	BVYTDN105	Nẹp khóa móm chày chữ T	1. Chất liệu: Titanium Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: - Loại trái/ phải - Có 4/ 6/ 8/ 10/ 12/ 14 lỗ ứng với chiều dài 126/ 158/ 190/ 222/ 254/ 286mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Khu vực gần mặt khớp có 5 lỗ; thiết kế vít chịu lực để chống xẹp mặt khớp sau phẫu thuật, - Nẹp được thiết kế mỏng, - Dùng vít khóa 3,5mm/5,0mm; vít vó 4,5mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10
106	BVYTDN106	Nẹp mắt xích thẳng 4-22 lỗ; dài 52-264mm	Bộ nẹp khóa mắt xích thẳng bao gồm: 1. Nẹp khóa mắt xích thẳng - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/16/18/20/22 lỗ, tương ứng với chiều dài 56/70/84/98/112/126/140/154/168/182/196/224/252/280/308mm. - Độ dày thân nẹp 3.4mm, chiều rộng thân nẹp 10.5mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 3. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5 mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 4. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	20
107	BVYTDN107	Nẹp móm khuỷu 2-12 lỗ; dài 86-216mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa móm khuỷu bao gồm: 1. Nẹp khóa móm khuỷu - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 2/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng với chiều dài 86/112/138/163/190/216mm. - Độ dày thân nẹp 2.5mm, chiều rộng thân nẹp 10.5mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	5

108	BVYTDN108	Nẹp xương đòn chữ S có 6-8 lỗ; dài 94-120mm; trái/phải	Bộ nẹp khóa xương đòn chữ S bao gồm: 1. Nẹp khóa xương đòn chữ S - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 6/7/8 lỗ, tương ứng với chiều dài 94/110/120mm. - Độ dày thân nẹp 3.2mm, chiều rộng thân nẹp 10mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	50
109	BVYTDN109	Nẹp xương đòn có móc 4-7 lỗ; chiều cao móc 15mm và 18mm; trái/ phải	Bộ nẹp khóa xương đòn có móc bao gồm: 1. Nẹp khóa xương đòn có móc - Chất liệu: Commercially Pure Titanium Grade 2 (ISO 5832-2). - Kích cỡ: 4/5/6/7 lỗ, tương ứng với chiều dài 41/53/64/74mm. - Độ dày thân nẹp 3.6mm, chiều rộng thân nẹp 11mm, chiều rộng đầu nẹp 24mm, chiều dài móc 30mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. 2. Vít khóa (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu khóa vít 5.0mm, đường kính đầu bắt vít 3.3mm. Chiều dài: 10-90mm. 3. Vít xương cứng (3.5mm) - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 ISO 5832-3 (Ti6Al4V). Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính đầu vít 6.2mm, đường kính đầu bắt vít 3.0mm. Chiều dài: 10-50mm. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Xuất xứ: Châu Úc.	Bộ	30
110	BVYTDN110	Troca khớp vai các cỡ	Cannulla dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: nhựa ABS - Kích cỡ: (đường kính x chiều dài) 6/6.5/8 x 74mm, cổng điều chỉnh chất lỏng 0,6 mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	50
111	BVYTDN111	Troca nội soi khớp có ren xoắn	1. Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp 2. Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. 3. Thiết kế: chặn dịch kép 4. Chặn ngoài giúp phân tán áp lực giảm thiểu tối đa tràn dịch. Chặn trong giúp duy trì áp lực cho phẫu trường dễ nhìn 5. Kích cỡ có 5 loại: 8.25mm x 7cm, 8.25mm x 9cm, 7mm x 7cm, 6mm x 7cm, 6mm x 9cm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA. Xuất xứ : G7	Cái	50
112	BVYTDN112	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo dùng cho xương chày	1. Vật liệu: Titanium 2. Kích thước: có 06 loại sử dụng thiết kế 2 lỗ luôn chỉ - Vít treo: 8mm x 12mm - Vít treo tròn: đường kính 14mm - Vít treo dẹt (chiều rộng x chiều dài): 3.4mm x 13mm - Vít treo lõm: 11mm và lõm 4mm, độ sâu của phần lõm là 2.7 mm - Vít treo lõm: 14mm và lõm 7mm, độ sâu của phần lõm là 2.1 mm - Vít treo lõm: 20mm và lõm 9mm, độ sâu của phần lõm là 2.2 mm 3. Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, CE, FDA. Xuất xứ: G7	Cái	50
113	BVYTDN113	Vít chốt neo cố định dây chằng tự điều chỉnh	Vít neo cố định dây chằng có thể điều chỉnh dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside và có thể kết hợp tăng cường chiều rộng lên 5mm, dài lên 15mm - Chất liệu: Bề mặt titanium, vòng treo chỉ UHMWPE. - Kích cỡ: thiết kế 4 lỗ chống đứt chỉ, có vòng treo UHMWPE UPS số 7 fiber suture - Lực kéo $\geq 1843,76$ Newton. - Có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	100
114	BVYTDN114	Vít chốt neo dùng trong phẫu thuật cố định dây chằng chéo, có thể điều chỉnh chiều dài từ 15mm đến 60mm	Vít neo cố định dây chằng, dùng cố định mô mềm vào xương trong phẫu thuật nội soi khớp. - Chất liệu: titanium - Thiết kế 4 lỗ, chống đứt chỉ do ma sát, dài 12-14mm; 2 sợi chỉ siêu bền chất liệu trọng lượng cao phân tử UHMWPE dùng lật và kéo. - Kích cỡ: 15, 20, 25, 30, 35mm - Lực kéo: ≥ 1800 N - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	30
115	BVYTDN115	Vít chốt neo dùng trong phẫu thuật khớp vai, đường kính 1,8mm-3,0mm	Vít neo khớp vai dùng trong phẫu thuật rách chóp xoay, tổn thương Bankart, tổn thương SIAP, khớp cùng đòn và phẫu thuật gối. - Chất liệu: 100% chỉ, kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lượng cao phân tử (UHMWPE), đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 3.0mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	100
116	BVYTDN116	Vít khâu sụn chêm loại cong	Vít khâu sụn chêm sử dụng kỹ thuật All-Inside - Chất liệu: Thép không gỉ, peek và chỉ siêu bền trọng lượng cao phân tử (UHMWPE). - Vít khâu có 2 nút thắt peek cấy chỉ, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt bằng nút điều khiển. - Có thước đo chiều sâu 10-20mm. - Đầu kim điều khiển dễ dàng với khả năng xoay. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	50
117	BVYTDN117	Vít khóa 2,4mm, dài 8-30mm	1. Chất liệu: Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 2,4mm. Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren, đường kính 2,0mm. Phần đuôi vít đường kính 2,4mm có thiết kế 3 lưỡi. Dài 8-30mm với bước tăng 2mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: tự taro. Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. Kích thích sự phát triển của mô can xương. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	180
118	BVYTDN118	Vít khóa 3,5mm	1. Chất liệu: Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 3,5mm. Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren, đường kính 2,5mm. Phần đuôi vít đường kính 3,5mm có thiết kế 3 lưỡi. Dài 10-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: tự taro. Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. Kích thích sự phát triển của mô can xương 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100
119	BVYTDN119	Vít khóa 5,0mm	1. Chất liệu: Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 5,0mm. Thân vít có chiều rộng thay đổi, phần gần đầu vít không có ren, đường kính 3,5mm. Phần đuôi vít đường kính 5,0mm có thiết kế 3 lưỡi. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Tự taro. Đầu vít hình sao chống tuôn, cải thiện chữa lành vết gãy được cố định bằng nẹp. Kích thích sự phát triển của mô can xương. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120

120	BVYTDN120	Vít neo 4.75mm không thắt nút	I. Phần vít neo: - Vật liệu tự tiêu BioComposite (85% PLLA, 15% β-TCP) - Kích thước: 4.75mm x 19.1mm - Thân vít neo được thiết kế rỗng nông và có 7 lỗ trên thân giúp lưu thông máu, kích thích mọc xương - Đầu vít neo có thể giữ được tối đa 2 sợi chỉ dẹt siêu bền 2mm hoặc 4 sợi chỉ tròn siêu bền cỡ số 2 II. Phần chỉ đi kèm, bao gồm: - Sợi chỉ tròn siêu bền cỡ số 2: 01 sợi - Vật liệu: UHMWPE và polyethylene dạng chuỗi dài III. Khác: - Dùng được trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. - Xuất xứ: G7	Cái	100
121	BVYTDN121	Vít neo cố định dây chằng tự điều chỉnh	Vít neo cố định dây chằng có thể điều chỉnh dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside và có thể kết hợp tăng cường chiều rộng lên 5mm, dài lên 15mm - Chất liệu: Bảng titanium, vòng treo chỉ UHMWPE UPS6. - Thiết kế 4 lỗ, dây 1-3mm, rộng 3-6mm, dài 10-14 mm, có thước đo tỷ lệ nhằm tạo thuận lợi cho phẫu thuật. - Lực kéo ≥ 1840 Newton. - Có hai sợi chỉ siêu bền riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	150
122	BVYTDN122	Vít neo khâu chóp xoay khớp vai	Vít neo sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, khâu dây chằng bên khớp gối. - Chất liệu: PeeK, đã tiệt trùng kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lượng cao phân tử (UHMWPE) - Kích cỡ: Đường kính: 5.5 mm - Vít neo dễ dàng đóng với thiết kế mạnh mẽ ở đầu gần và thiết kế ren kép - Thực vật thiết kế rỗng - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	150
123	BVYTDN123	Vít neo tự tiêu 3mm kèm chỉ siêu bền	- Vít sử dụng vật liệu Biocomposite (85% PLLA, 15% β-TCP) kèm 2 sợi chỉ siêu bền chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước ngoài của vít: 3 mm x 14.5 mm - Kích thước trong của vít: 2.4mm x 14.5mm - Lực tải tối đa của neo là 200N - Lực tải của chỉ tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động) - Lực tải của chỉ tối đa đạt 88lb - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. - Xuất xứ: G7	Cái	50
124	BVYTDN124	Vít neo tự tiêu 4.75mm kèm chỉ dẹt siêu bền	I. Phần vít neo: - Vật liệu tự tiêu BioComposite (85% PLLA, 15% β-TCP) - Kích thước: - Kích thước phần vít: - Ngoài: 4.75mm x 15mm (đường kính x chiều dài) - Trong: 3.43 mm x 15 mm (đường kính x chiều dài) - Tổng chiều dài vít neo: 19.1mm - Kích thước phần neo: 1.91 mm x 4.1 mm (đường kính x chiều dài) - Thân vít neo được thiết kế rỗng nông và có 7 lỗ trên thân giúp lưu thông máu, kích thích mọc xương - Đầu vít neo có thể giữ được tối đa 2 sợi chỉ dẹt siêu bền 2mm hoặc 4 sợi chỉ tròn siêu bền cỡ số 2 - Khả năng chịu tải tối đa 710N II. Phần chỉ đi kèm, bao gồm: - Vòng chỉ dẹt siêu bền: 01 sợi - Vật liệu: chuỗi polyethylene dài - Kích thước: vòng chỉ dẹt đường kính 2.0mm siêu bền - Sợi chỉ tròn siêu bền cỡ số 2: 01 sợi - Vật liệu: UHMWPE và polyethylene dạng chuỗi dài III. Khác: - Dùng được trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. - Cán bắt vít đi kèm bằng chất liệu thép không gỉ, vỏ ngoài bằng nhựa ABS - Có dụng cụ xô chỉ kèm theo với chất liệu nhựa nitinol - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA. - Xuất xứ: G7	Cái	100
125	BVYTDN125	Vít neo, cố định chóp xoay khớp	Vít neo dùng trong phẫu thuật rách chóp xoay, tổn thương Bankart, tổn thương SLAP và sửa chữa dây chằng bên. - Chất liệu: PEEK, kèm chỉ siêu bền trọng lượng cao phân tử (UHMWPE) đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 4.5mm - Vít neo dễ dàng đóng với thiết kế mạnh mẽ ở đầu gần và thiết kế ren kép - Thực vật thiết kế rỗng - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	100
126	BVYTDN126	Vít rỗng 4,1 các cỡ	- Chất liệu: Titan Ti6Al4V - Thông số kỹ thuật: Đường kính 4,1mm - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế vít không đầu. Sử dụng cho nhiều vị trí ổ gãy khác nhau. Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. Vít được bắt chìm trong xương. Dài 16-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-75mm với bước tăng 5mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	20
127	BVYTDN127	Vít rỗng, tự nén ép 5,5mm	- Chất liệu: Ti6Al4V - Thông số kỹ thuật: Đường kính 5,5mm. Dài 25-110mm với bước tăng 5mm - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	20
128	BVYTDN128	Vít treo mảnh ghép dây chằng 4 điểm khoá không thắt nút	I. Phần vít treo: - Vật liệu: Titanium - Kích thước: có 3 lỗ luồn chỉ, vít treo (dài x rộng x cao): 13mm x 3.4mm x 1.5mm, khoảng cách giữa 2 lỗ luồn chỉ vòng treo: 3.48mm - Khả năng chịu lực tối đa lên tới 980N, độ cứng lên tới 489 N/mm - Có khả năng kết hợp với vít treo mở rộng (5mmx20mm) trong các ca mổ thay lại II. Phần vòng treo: - Vật liệu: chỉ siêu bền cỡ số 5 chất liệu polyethelen siêu cao phân tử (UHMWPE), nylon, polyester - Kích thước: chiều dài có thể điều chỉnh từ 11mm tới hơn 60mm, đường kính chỉ là 0.5mm - Vòng treo có 4 điểm khoá không thắt nút - Độ di lệch <1mm III. Khác: - Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân ngỗng (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA. - Xuất xứ: G7	Cái	200
129	BVYTDN129	Vít vô titanium dùng trong phẫu thuật, tự taro 3,5 mm	- Chất liệu: Ti6Al4V - Thông số kỹ thuật: Đường kính 3,5mm, tự taro. Đầu vít hình sao, chống trượt - Dài 10-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-55mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	70
130	BVYTDN130	Vít vô titanium dùng trong phẫu thuật, tự taro 4,5 mm	- Chất liệu: Ti6Al4V - Thông số kỹ thuật: Đường kính 4,5mm, tự taro. Đầu vít hình sao, chống trượt. Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-95mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	55

131	BVYTDN131	Vít xỏ đúng trong phẫu thuật, cỡ 4,0 mm	1. Chất liệu: Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 4,0mm, tự taro. Dài 20-60mm với bước tăng 2mm, từ 60-95mm với bước tăng 5mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120
132	BVYTDN132	Vít xỏ rỗng đường kính 3.5mm	1. Chất liệu: titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 3.5mm ứng với chiều dài từ 15 - 55mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. Đường kính đầu vít 5mm. Đường kính thân vít 3.5mm. Đường kính lõi vít 2.6mm. Bước ren 1.25mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sử dụng mũi khoan 2.7/1.25mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE.	Cái	200
133	BVYTDN133	Vít xỏ rỗng đường kính 7.3mm	1. Chất liệu: titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 7.3mm ứng với chiều dài từ 50-110mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. Đường kính đầu vít 8mm. Đường kính thân vít 7.3mm. Đường kính lõi vít 5mm. Bước ren 2.75mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sử dụng mũi khoan 5.0/2.8mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485, CE	Cái	50
134	BVYTDN134	Vít xỏ titanium đúng trong phẫu thuật, cỡ 6,5 mm	1. Chất liệu: Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 6,5mm, tự taro. Dài 30-60mm với bước tăng 2mm, từ 60-120mm với bước tăng 5mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100
135	BVYTDN135	Vít xương thuyền đường kính 2.5mm, chất liệu titanium.	"- Chất liệu titanium alloy - Vít xương thuyền đường kính 2.5mm, dài 8-30 mm, bước tăng 2mm. - Đường kính đầu vít 2.8mm - Đường kính thân vít 2.5-2.8mm - Đường kính lõi vít 1.7mm - Bước ren 0.5-0.75mm - Sử dụng mũi khoan 1.5mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Cái	50
136	BVYTDN136	Xương nhân tạo dạng khối các cỡ 5cc	1. Chất liệu: Gồm hydroxyapatite (HAP, 60wt%) và beta-tricalcium phosphate (β -TCP, 40wt%). 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hydroxyapatite là một thành phần có chứa khoáng chất của chất nền xương và răng; β -TCP là canxi photphat có thể hấp thụ sinh học. Khi được cấy vào chỗ khuyết xương, β -TCP có thể được hấp thụ dần dần và được thay thế bởi mô xương và HAP có thể có liên kết hoạt tính sinh học với xương mới để cuối cùng trở thành một phần của xương. Có độ xốp cao 70%. Ngoài ra các lỗ xỏ được kết nối với nhau với kích thước lỗ 300 ~ 600 μ m, có thể dẫn mô xương phát triển để đạt được mục đích tạo xương và sửa chữa xương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	35
137	BVYTDN137	Xương nhân tạo, dạng hạt 2-3 mm, 2cc hoặc 5cc	1. Chất liệu: Hydroxyapatite (HAP, 60wt%) và beta-tricalcium phosphate (β -TCP, 40wt%) 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hydroxyapatite là một thành phần có chứa khoáng chất của chất nền xương và răng; β -TCP là canxi photphat có thể hấp thụ sinh học. Khi được cấy vào chỗ khuyết xương, β -TCP có thể được hấp thụ dần dần và được thay thế bởi mô xương và HAP có thể có liên kết hoạt tính sinh học với xương mới để cuối cùng trở thành một phần của xương. Có độ xốp cao 70%. Ngoài ra các lỗ xỏ được kết nối với nhau với kích thước lỗ 300 ~ 600 μ m, có thể dẫn mô xương phát triển để đạt được mục đích tạo xương và sửa chữa xương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	35
138	BVYTDN138	Bộ bơm bóng áp lực 30atm	Chất liệu: Polycarbonate. Chất liệu đồng hồ đo áp lực: Brass Nylon. Mặt đồng hồ huỳnh quang cho phép xem trong điều kiện bóng tối, cần khóa xả áp lực, dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360 độ, Có thể tháo rời. Áp lực tối đa 30 Atm, Thể tích 25 ml. Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp đóng mở có màu vàng, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lòi dây dẫn, cây đẩy, dây nối. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: CE, ISO 13485, CFS của các nước thuộc G7 Xuất xứ: G7	Bộ	300
139	BVYTDN139	Bộ bơm bóng áp lực cao	Bộ bơm bóng áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp - Bộ dụng cụ bao gồm: • Thiết bị bơm bóng • Ống nối 13" (33 cm) • Khóa 3-Way Stopcock • MAP gồm: van cầm máu (loại Honor có lớp seal triple-slit với đường kính 7F hoặc loại PhD với đường kính 7.3F), dụng cụ chèn dây kim loại, và thiết bị moment xoắn) - Khóa Prime hỗ trợ kỹ thuật viên sử dụng 1 tay điều khiển trong bơm. - Áp lực 30atm - Thể tích 20ml - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Có khoảng safe space 5 mL giúp giảm thiểu bọt khí khi bơm bóng Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	300
140	BVYTDN140	Bộ bơm bóng với khóa tự động, áp lực 30 atm và khóa 3 cổng	1. Thông số kỹ thuật: - Áp lực tối đa 30 atm, thể tích syringe 20 ml. - Bộ bơm bóng gồm: van cầm máu, dây mở đường, torque, công chia, thiết bị bơm bóng, dây nối. 2. Tính năng, công nghệ: Công nghệ khóa tự động và nhà áp lực đều đặn, áp kế chính xác. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	300
141	BVYTDN141	Bộ dụng cụ dẫn đường vào mạch máu, mini plastic guide wire cỡ 0,025", 0,035"	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	1.000
142	BVYTDN142	Bộ dụng cụ dẫn đường vào mạch máu, mini plastic guide wire cỡ 0,035" hoặc 0,038"	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	20
143	BVYTDN143	Bộ dụng cụ lấy huyết khối động mạch vành cỡ 6F và 7F	- Thiết kế đầu tip hai đầu giúp hút được nhiều huyết khối hơn. - Lốp bên trong PTFE giúp cấu trúc vững chắc, không bị gấp gảy. - Cấu trúc đầu ống hút mềm mại kèm lớp bôi trơn durable hydrophilic hydrax nên thao tác dễ dàng, đi đến tổn thương nhanh hơn. - Chiều dài hữu dụng: 140cm. - Lưu lượng hút lớn: 6F = 0.99 mm ² ; 7F = 1.39mm ² . - 2 điểm đánh dấu cân quang đầu tip giúp định vị tốt.	Cái	20

144	BVYTDN144	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch máu	1. Dùng hút cục máu đông trong mạch vành hoặc mạch máu ngoại biên, loại Rebirth Pro2 2. Là một catheter loại RX bao thân nước, được đánh dấu cân quang ở đầu cuối đoạn xa cách đầu mũi 7mm, đầu catheter được bo tròn, được cấu tạo 3 lớp, lớp ngoài là hỗn hợp Nylon 12 và polyether block amide (Pebax), lớp giữa là các sợi bên bằng kim loại (SUS304), lớp trong cùng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) 3. Catheter cỡ 6F, độ dài catheter 1360mm, độ dài ống dẫn dây dẫn 220mm, tương thích dây dẫn .014" 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 5. Kèm theo Stylet dài 123cm, 2 bơm tiêm 30ml, ống nối dài, dụng cụ đẩy, khoá 3 ngã, khoá 2 ngã, dụng cụ lọc, khay lọc 6. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	30
145	BVYTDN145	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài: 45cm - Đường kính trong: 5Fr; 6Fr; 7Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Hockey-Stick, Multipurpose, RDC, LIMA, Straight - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 5cm - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - 03 điểm đánh dấu cân quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, CFG-FDA	Cái	10
146	BVYTDN146	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, kèm guirewire có đường kính 0,035" hoặc 0,038"	Dụng cụ mở đường dùi Prelude 5F, 6F, 7F, 8F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Đầu các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm - Hub colour: 5F (màu xám), 6F (màu xanh lá), 7F (màu cam), 8F (màu xanh dương) - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm, kèm dây dẫn bằng thép không gỉ đầu cong J, đường kính 0.038", chiều dài 50cm - Có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	500
147	BVYTDN147	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, kèm guirewire đường kính 0,018"	Dụng cụ mở đường quay Prelude 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm) - Hub colour: 4F (màu đỏ), 5F (màu xám), 6F (màu xanh lá) - Có Guirewire kèm theo bằng thép không gỉ, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	700
148	BVYTDN148	Bộ khăn chụp mạch vành	Chất liệu chính: Vải không dệt SMMMS 45(±5) gsm - 43gsm (Nhi Đồng 2 - 2024) 5 lớp chống thấm nước, đạt tiêu chuẩn AAMI level 3, chống côn chống tĩnh điện. Tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt. Băng keo y tế co giãn tốt, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da. Có kiểm nghiệm hàm lượng Formandehyt, Amin thơm, các kim loại nặng Hg, As, Cd, Pb, Se, Sb, Ba, Cr (phiếu kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm có chức năng). "1. Khăn trải bàn 200x260cm: 1 cái 2. Khăn trải chụp mạch vành 220x370cm (2 lỗ đùi và 1 lỗ tay): 1 cái được cấu tạo từ vải không dệt SMMMS không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane. 3. Tã đắp chắn chi 140x150cm: 2 cái. 4. Khăn trải bàn 150x180cm: 1 cái. 5. Túi chụp bóng đèn tròn Ø 55cm: 1 cái. 6. Túi chụp bóng đèn tròn Ø 75cm: 2 cái 7. Bao kính chắn chi 90x95cm: 1 cái" 8. Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 9. TCCL: CE, FDA, ISO 13485	Bộ	2.000
149	BVYTDN149	Bộ máy tái đồng bộ tim 3 buồng có khử rung CRT-D và phụ kiện chuẩn, tương thích MRI 1.5T và 3T toàn thân. Thiết kế sinh lý giảm áp lực lên da. Công nghệ Bluetooth giao tiếp với thiết bị qua ứng dụng. Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn	• Tạo nhịp, tái đồng bộ 3 buồng tim và khử rung tim, điện cực phá rung chuẩn DF1 hoặc DF4. • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp. • Thiết kế kiểu dáng sinh lý giảm tối đa áp lực lên da • Công nghệ BlueSync sử dụng Bluetooth để giao tiếp với ứng dụng quản lý thiết bị, bệnh nhân, kết nối từ xa • Theo dõi nguy cơ tăng dịch trong lồng ngực liên quan đến tình trạng tắc nghẽn phổi • Sốc thông minh kết hợp nhiều tính năng phát hiện VT/VF và liệu pháp điều trị để giảm sốc nhầm • Thuật toán tự kích hoạt ATP cho phép thực hiện các liệu pháp điều trị ATP trên nhĩ không thành công trước đó • Cho phép sốc đồng bộ buồng nhĩ khi ATP không hiệu quả • Phân tích tần số và mẫu để phân biệt giữa SVT với VT • Tạo nhịp đa điểm cung cấp 2 xung LV qua 2 vector cho mỗi lần tạo nhịp, với biên độ và độ rộng xung riêng biệt và độ trễ giữa 2 xung có thể lập trình được • Cho phép lập trình 16 vector tạo nhịp thất trái • Tự động cung cấp thông tin từ tất cả các vector tạo nhịp thất trái giúp lựa chọn liệu pháp tốt nhất cho bệnh nhân • Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến ≥ 8V • Điện cực thất trái 2 cực, chuẩn IS-1 hoặc 4 cực, chuẩn IS-4 • Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch, có 2 cực cách nhau ≤ 1.3mm giúp giảm kích thích thần kinh hoành • Tuổi thọ máy trung bình ≥ 9.5 năm • Năng lượng sốc tối đa ≥ 40J	Bộ	1
150	BVYTDN150	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số. - Tương thích MRI toàn thân 1.5 Tesla và 3 Tesla - Thể tích máy 9.7 cc, trọng lượng 21.5 gram - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Tuổi thọ pin trung bình 10.4 năm - TCCL: CE	Bộ	3

151	BVYTDN151	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, tương thích MRI toàn thân 3T, có đáp ứng tần số, kết nối qua Bluetooth	- Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp - Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp 8V - Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp 3 tháng - Tích hợp kết nối Bluetooth để giao tiếp với thiết bị - Tuổi thọ pin lên tới 18.3 năm - Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực - Chất liệu đầu xoắn: bạch kim. - Chất liệu silicon cách điện bên trong, bên ngoài: silicone/polyurethan - Dây điện cực tương thích MRI toàn thân 3T. - Được phủ steroid	Bộ	3
152	BVYTDN152	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng theo vận động, tương thích MRI toàn thân 3T, tự động chuyển đổi AAIR-DDDR ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái, đường kính dây nhỏ $\leq 4.1F$, với thiết kế dạng không lõi	- Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp - Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp lên tới 8V - Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp 3 tháng - Tự động chuyển đổi AAIR-DDDR ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất - Tính năng phòng ngừa ngắt do nhịp tim rút đột ngột - Chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân - Tuổi thọ pin lên tới 17.9 năm - Dây điện cực HIS/ bó trái đường kính dây nhỏ $\leq 4.1F$ - Đầu xoắn cố định tăng độ ổn định, giảm nguy cơ đứt gãy so với loại dây có đầu lò xo xoắn ra thu vào. - Thiết kế dây không lõi, thân dây có đường kính đồng nhất, cáp giữa thân dây giảm thiểu áp lực cơ học so với dây sử dụng stylet (dây định hình)	Bộ	10
153	BVYTDN153	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, có chức năng kiểm tra máy từ xa, tự động điều chỉnh thông số và chức năng an toàn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng nhịp thích ứng theo thông khí phút (Minute Ventilation) và gia tốc (Accelerometer), MRI 1.5T và 3T, pin >10 năm, thể tích 12.2cc, liên lạc từ xa không dây (Wireless), chip vi xử lý an toàn dự phòng (Safety Core), Tính năng chống rối nhịp đột ngột (SBR), giảm tạo nhịp thất không cần thiết AV+, tự động kiểm tra các thông số hệ thống (POST), điện cực bảo hành trọn đời, công nghệ tri-filar, phù hợp chất iridium oxide, Tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	Bộ	10
154	BVYTDN154	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng CRT-P, tương thích MRI toàn thân 3T với kiểu dáng sinh lý, tuổi thọ máy ≥ 10.6 năm, tạo nhịp vượt tần số cho nhĩ, kèm dây thất trái 4 cực chủ động dạng xoắn vào thành mạch.	- Tạo nhịp 3 buồng. - Tương thích MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. - Điện cực thất trái 4 cực, chuẩn IS-4, có điện cực LV2-LV3 cách nhau $\leq 1.3mm$ giúp giảm nguy cơ xoắn. - Điện cực thất trái 4 cực có định hình chủ động dạng xoắn vào thành mạch. - Tạo nhịp vượt tần số cho buồng nhĩ phá cơn AT/ AF. - Kiểu dáng sinh lý - giảm tổng thể áp lực lên ngực bệnh nhân. - Tự động đánh giá ngưỡng tạo nhịp tụt các các véc-tơ của thất trái. - Cho phép thu thập tín hiệu EGM từ máy như ECG bề mặt. - Tính năng theo dõi dịch trong phổi nhằm giúp chẩn đoán sớm suy tim. - Tính năng cho phép truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth với điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. - Cung cấp dữ liệu về hoạt động của tim ≥ 14 tháng. - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân. - Tuổi thọ máy ≥ 10.6 năm.	Bộ	2
155	BVYTDN155	Bộ máy tạo nhịp phá rung 1 buồng, tương thích MRI 1.5T và 3T toàn thân, 2 lựa chọn lập trình cực tính nhận cảm, tuổi thọ máy ≥ 13.6 năm, sức thông minh	- Tạo nhịp và khử rung tim, 1 buồng, chuẩn DF4/DF1 - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp - Thiết kế kiểu dáng sinh lý giảm tối đa áp lực lên da - Công nghệ BlueSync sử dụng Bluetooth để giao tiếp với ứng dụng quản lý thiết bị, bệnh nhân, kết nối từ xa - Sức thông minh kết hợp nhiều tính năng phát hiện VT/VF và liệu pháp điều trị để giảm sóc nhảm - Cho phép cài đặt vùng phân biệt nhịp nhanh trên thất $\leq 240ms$ trong vùng phát hiện rung thất. - Cài đặt lấy mẫu QRS để phân biệt SVT với VT từ ≥ 6 nguồn khác nhau - Cho phép ≥ 2 lựa chọn lập trình cực tính nhận cảm & tạo nhịp thất phải - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến $\geq 8V$ - Tính năng ổn định nhịp thất khi cường nhĩ/rung nhĩ - Năng lượng sốc tối đa $\geq 40J$ - Tuổi thọ pin ≥ 13.6 năm	Bộ	5
156	BVYTDN156	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng	- Bộ máy Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng tần số. - Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF (Conducted AF response) - Cho phép lập trình khoảng thời gian và tần số tạo nhịp ngay sau cơn AT/AF(PMOP) - Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp - Có tính năng đáp ứng với rối nhịp (Rate drop response) - Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra kênh nhĩ và kênh thất - Có một tính năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết. - Có bốn tính năng can thiệp và điều trị nhịp nhanh nhĩ - SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T. - Tuổi thọ pin trung bình 11.4 năm	Bộ	10
157	BVYTDN157	Bộ phân phối manifold 3 cổng	1 x Bộ phân phối 3 cổng: Được cấu tạo từ polycarbonate trong suốt, cho phép dễ dàng quan sát dòng chất lỏng với 3 cổng kết nối và đầu xoay đuôi khí, đảm bảo độ kín, không cho không khí đi qua. Áp suất 500 PSI. Cổng xoay có thể kết nối với phụ kiện khác 2 x Dây truyền dịch 180: Nhựa dùng trong y tế, trong suốt 1 x Dây đo áp lực 150 cm, luer lock connector, 350psi 150: Nhựa dùng trong y tế, trong suốt	Bộ	1.000
158	BVYTDN158	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần trong can thiệp mạch máu 10ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate, ABS. Bơm tiêm thuốc cân quang Mona, thân bơm làm từ vật liệu Polycarbonate, Cẩn pit-tông làm từ nhựa Acrylonitrile-Butadien-Styrol (ABS), Vòng (Gioăng) đệm ở đầu pit-tông (đầu pit-tông) làm từ cao su silicone. - Thông số: Thể tích 1 ml, 3ml, 6ml, 10ml tương ứng chiều dài 57,45,46,47 (mm). 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kết nối: Cố định hoặc xoay, kết nối luer 6% theo tiêu chuẩn ISO 80369-7, tương thích công dụng/cải. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001	Cái	500
159	BVYTDN159	Bơm tiêm 10 ml vật liệu làm bằng nhựa polycarbonate có đầu xoay (luer), màu xanh dương nhạt, được dùng trong tim mạch can thiệp.	- Bơm tiêm Medallion 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Đầu xoay luer loại Fixed Male - Pit-tông màu xanh da trời - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.000
160	BVYTDN160	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ có 3 dải đánh dấu (15 và 2 mm)	- Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ. Nguyên liệu nhựa tổng hợp (nylon), giãn nở tốt. Bóng có cấu tạo 3 lồng, có 3 điểm đánh dấu cân quang. Khoảng cách bên trong giữa các điểm đánh dấu lần lượt là 0.4mm, 15mm. - Bóng đường kính 18mm có thể nở tối đa 20mm, bóng 24mm nở tối đa 27mm và bóng 34mm nở tối đa 40mm. - Chiều dài bóng: 35, 45, 55 mm. - Dây dẫn tương thích: 0.035" - TCCL: FDA	Cái	10

161	BVYTDN161	Bóng đối xứng động mạch chủ 7.5Fr các cỡ	- Giảm kích cỡ mặt cắt ngang của catheter đi 12% so với catheter cỡ 8 Fr - Kích cỡ catheter nhỏ hơn giúp tăng dòng máu chảy đến các chi xa - Chất liệu: Cả catheter và bộ dụng cụ đi kèm không chứa cao su (latex) - Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường (Guidewire), bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chính, khóa Stopcock ba ngõ (Three – way Stopcock) - Đường kính catheter 7.5Fr - Có ba kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân: + Loại 40cc dùng cho người có chiều cao từ 162cm - 183cm + Loại 34cc dùng cho người có chiều cao từ 152cm - 162cm + Loại 25cc dùng cho người có chiều cao < 152cm	Cái	5
162	BVYTDN162	Bóng nong (balloon) mạch vành áp lực cao	- Bóng nong không dẫn hồi chất liệu nylon - Kích thước đầu bóng 0.016" và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.032"$ - Áp lực trung bình 10 atm, áp lực gây vỡ bóng 18 atm. Chiều dài thân bóng 6mm - Đường kính 2.0 mm - 5.0mm, dài 6 mm - 27mm	Cái	30
163	BVYTDN163	Bóng nong (balloon) mạch vành áp lực thường	- Bóng nong bán dẫn hồi chất liệu nhựa pellethane hoặc pebax - Kích thước đầu bóng 0.41mm và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.024"$ - Đường kính bóng: 1.25 mm - 4.0mm, dài 6 mm -30 mm - Có thể sử dụng 2 bóng đường kính bất kỳ trong kỹ thuật 'kissing balloon' với ống thông can thiệp loại 6F - Tiêu chuẩn CE	Cái	50
164	BVYTDN164	Bóng nong động mạch	- Bóng Semi-compliant polyamide, 3 nếp gấp, Phủ Hydrophyllic từ đầu tip đến trục xa, bao gồm nếp gấp. NP 6 bar, RBP 16 bar (Ø 4.0-14bar). Đầu tip 3 mm kháng xoắn, thuận nhón. - Đường kính: 1.50-4.00 (mm). - Chiều dài: 10 - 30 (mm). 2 marker Platinum/Iridium - Khẩu kính đầu gần bóng 0.63 mm. - Khẩu kính đầu vào tổn thương nhỏ 0.40 mm. - Đầu gần hypotube, nối Luer lock 0.64 mm, đầu xa 0.90 mm. Khẩu kính bằng qua tổn thương ≤ 0.85mm (Ø 1.5mm) - Loại RX. - Tiêu chuẩn chất lượng CE - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	50
165	BVYTDN165	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành không dẫn hồi chất liệu Nylon 3 nếp gấp. - 2 lớp phủ hydrophilic bằng sóng siêu âm bên ngoài và bên trong tăng khả năng trượt, hạn chế thương tổn. - Tip profile 0.016", Crossing profile 0.023". - Hai marker bằng Pt/Ir, bóng giãn nở 0.55%. - Đường kính: 2.0 mm - 5.0 mm. Chiều dài: 6mm - 30 mm. - NP: 12atm; RBP: 22atm (2.0-4.0mm), 20atm (4.5-5.0mm).	Cái	20
166	BVYTDN166	Bóng nong động mạch vành chuyên dụng cho tổn thương tắc hoàn toàn mãn tính	- Ống chất liệu Lumen, Ống thông dài 154 cm - Có công nghệ chống xoắn Bóng 2 nếp gấp, Chất liệu bóng Silky- semi-compliant polyamide. Phủ Hydrophyllic. - NP 4bar, RBP 15 bar, Loại RX - Khẩu kính đầu vào tổn thương - khẩu kính đầu xa bóng trong khoảng 0.4mm đến 0.62 mm. - Thân đầu gần - thân đầu xa 0.64 mm đến 0.9 mm. Đầu tip thuận dẫn 3mm - Đầu gần Luer lock - Đường kính: Có đường kính nhỏ 1.10; 1.25; 1.50 (mm). Chiều dài: 10 - 20 (mm). - Tiêu chuẩn chất lượng CE. Xuất xứ :Châu Âu	Cái	10
167	BVYTDN167	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel nồng độ 3µg/mm², công nghệ phủ Paccocath. - Chất cản quang tia X là Iopromide hoạt động như chất đệm ưa nước trong lớp phủ Paccocath; - Trục gần Hypotube, thép không gỉ; Trục xa Polyamide - Mặt cắt ngang bóng dày 0,033"-0,037" cho đường kính từ 2.00 - 4.00mm. Nếp gấp gói bóng. - Áp suất danh nghĩa (NP) là 6 atm, áp suất nổ (RBP) là 14 atm. - Kích cỡ: đường kính từ 2.0 mm - 4.0 mm; dài từ 10mm - 40mm - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485, Xuất xứ: Châu Âu;	Cái	30
168	BVYTDN168	Bóng nong mạch vành	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm² được phủ bằng công nghệ Nano với chất mang thuốc Phospholipid. - Chất liệu Polyamide - Tiết diện đầu vào tổn thương $\leq 0.016"$. - Đường kính trước bơm bóng $\leq 0.029"$. - Hai điểm đánh dấu cản quang. - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm , chiều dài từ 10mm đến 40mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
169	BVYTDN169	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Thiết kế đầu bóng Z-tip bám sát dây dẫn. Đầu tip thuận sát (Sub-zero tip) dài 1.5-2.5mm - Chất liệu bóng: Nylon - Đường kính thân bóng 0.0336 inch (Ø 3.0 mm) - Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.0172 inch - Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) - Số nếp gấp bóng: 3- 5 - Đường kính bóng: 1.75 – 5 mm - Chiều dài bóng: 8 – 18 mm - Áp lực thường: 12 atm - Áp lực gây vỡ bóng: 18, 20 atm - Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	30
170	BVYTDN170	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Chất liệu: Bóng Nylon Blend giúp bóng chịu áp lực tốt, thành bóng mỏng hơn hỗ trợ tốt trong những trường hợp tổn thương khó can xi hoá, hai marker metallic Platinum Iridium cản quang 2. Thông số kỹ thuật: Đầu Ultra-low tip profile 0,016". Chất liệu đàn hồi (compliance) 7%. Bóng áp lực cao NP 12 atm, RBP (áp lực vỡ bóng) 20 atm.. Đường kính từ 2,0mm đến 5,0mm, chiều dài từ 6,0mm đến 30mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Đầu Ultra-low tip được thiết kế khá mềm mại, có lớp phủ durable hydrophilic coating giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	30
171	BVYTDN171	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu bóng: Grilamid L25/ Pebax 72D (80%/20%) hoặc tương đương. - Bóng 3 nếp gấp - Đầu Tip đúc sẵn, giúp khả năng xuyên qua tổn thương tối ưu - Áp lực định danh ≤ 12 bars tùy kích thước - Áp lực vỡ bóng (RBP) ≥ 22 bars - Độ dài catheter: ≥ 140cm - Chiều dài: từ ≤ 6 đến ≥ 30 mm với tối thiểu 8 kích cỡ lựa chọn - Đường kính: từ ≤ 1.5 đến ≥ 5.0mm với tối thiểu 12 kích cỡ lựa chọn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE, ISO 13485	Cái	30

172	BVYTDN172	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	Bóng nong động mạch vành chịu được áp lực cao; độ giãn nở thấp. Bóng không bị giãn nở theo chiều dọc; Tỷ lệ nở bóng ít hơn 1% giữa NP và RBP Áp lực vỡ bóng (RBP) 19bar - 21 bar tùy đường kính. Chất liệu bóng Non-compliant polyamide. Bóng 3 nếp gấp. Phủ Hydrophilic từ đầu tip đến trục xa, bao gồm nếp gấp. Đường kính: 2.00 mm đến 4.50 mm. Chiều dài: tối đa 20 mm, tối thiểu có loại ngắn 5 mm Đầu Tip thuận dẫn. Khẩu kính đầu vào tổn thương nhỏ 0.40 mm. Đường kính trục gần - Trục xa 0.64 mm - 0.90 mm. 2 marker Platinum/Iridium, Khẩu kính bằng qua tổn thương ≤0.90mm (Ø 2.0mm). Chiều dài catheter 154cm. Loại RX. Tiêu chuẩn chất lượng CE Xuất xứ Châu Âu	Cái	20
173	BVYTDN173	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường - Chất liệu bóng: Grilamid L25/ Pebax 72D (80%/20%) hoặc tương đương. - Bóng 3 nếp gấp - Đầu Tip dúc sẵn, giúp khả năng xuyên qua tổn thương tối ưu - Áp lực định danh ≤6 bars tùy kích thước - Áp lực vỡ bóng (RBP) ≥ 14 bars - Độ dài catheter: ≥ 140cm - Chiều dài: từ ≤5 đến ≥ 30 mm với tối thiểu 8 kích cỡ lựa chọn - Đường kính: từ ≤ 1.5 đến ≥ 5.0mm với tối thiểu 11 kích cỡ lựa chọn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE, ISO 13486	Cái	30
174	BVYTDN174	Bóng nong mạch vành áp lực thường 0,0345 inch	Chất liệu Nylon 12 + Pebax Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy Thiết kế đầu tip thuận sát (Sub-zero tip) dài 1.5-2.5mm Tỷ lệ tăng trưởng theo chu vi thấp hơn đến 68% so với các bóng cùng loại Tỷ lệ tăng trưởng theo chiều dài thấp hơn đến 83% so với các bóng cùng loại Đường kính thân bóng: 0.0345 inch (Ø3.0 mm) - 0.0347 inch Tiết diện thâm nhập đầu tip: 0.0169 inch (Ø3.0 mm) Áp lực thường: 14 atm. Áp lực ngưỡng có thể lên tới 24 atm Đường kính bóng: 1.5 – 5 mm Chiều dài bóng: 8 – 26 mm Số điểm cân quang: 1 (Ø1.5 mm), 2 (Ø1.75 – 5.0 mm) Số nếp gấp bóng: 3-5 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	50
175	BVYTDN175	Bóng nong mạch vành áp lực thường 3 nếp gấp, phủ lớp ái nước, đường kính 1.2 - 5.0mm, dài 6 - 30mm.	1. Chất liệu: - Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic, sử dụng công nghệ bóng Crossflex đa lớp và Slim Seal - Chung loại: Bóng nong mềm (Semi-Compliant) 2. Kích thước: - Đầu vào (Tip): 0.017 inch (3.00 mm Ø) - Tiết diện nong bóng (Crossing Profile): trung bình 0.021 inch (3.00 mm Ø) - Áp lực vỡ bóng tối đa: 14 atm - Đường kính: 1.2, 1.5, 2.0 mm - Chiều dài: 6, 8, 12, 15, 20, 25, 30 mm 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế 3 nếp gấp (Tri-fold design) - Điểm đánh dấu (Markers): tungsten linh hoạt Tiêu chuẩn: CE	Cái	50
176	BVYTDN176	Bóng nong mạch vành áp lực thường bán đàn hồi	1. Chất liệu: Bóng Nylon/Pebax giúp bóng chịu áp lực tốt, hai marker Tungsten 2. Thông số kỹ thuật: Thời gian xả bóng trung bình <3s. Đầu Ultra-low tip profile 0,016" Chiều dài hữu dụng dài 142cm, đường kính nhỏ nhất 2,0F Chất liệu bán đàn hồi 10-15% 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Đầu Ultra-low tip profile được thiết kế khá mềm mại, có lớp phủ durable hydrophilic coating giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	60
177	BVYTDN177	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bán đàn hồi, bóng có 2 nếp gấp (đường kính 1.0mm), 3 nếp gấp (đường kính 1.25 - 4.0mm) và thân ống xoắn kìm, dài 5 - 30mm	- Bóng chất liệu Property pebax 2 nếp gấp (đường kính 1.0mm), 3 nếp gấp (đường kính 1.25-4.0mm). - 2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm bên ngoài và bên trong tăng khả năng trượt hạn chế thương tổn. - Tip profile 0.016", Crossing profile tối thiểu 0.0186" và tối đa 0.0223". - Hai marker bằng Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). - Tương thích ống thông 6F cho kỹ thuật Kissing balloon. - Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm (có đường kính 1.25mm). Chiều dài: 5mm - 30 mm. - NP: 6 atm; RBP: 14atm.	Cái	20
178	BVYTDN178	Bóng nong mạch vành áp lực thường, đường kính 1.0 - 4.0mm. Chiều dài 5 - 40mm	1. Chất liệu: Bóng nong (Polyamide), đầu tip (Elastomer), lõi dây dẫn (thép không gỉ) 2. Thông số kỹ thuật: Áp lực định mức 6atm. Áp lực tối đa 14atm (với cỡ bóng ≤ 3.0mm) Entry profile 0.41mm rất linh hoạt Crossing Profile 0.58mm Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm và dày 25µm Đường kính trục 1.9Fr đoạn gần, 2.4Fr - 2.7Fr đoạn xa Độ dài trục 145 cm Kích thước bóng, đường kính 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm. Chiều dài 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Số điểm cân quang định vị bóng: đơn hoặc đôi, đầu tip được đánh dấu đỏ. Đoạn xa được phủ lớp ái nước M Coat 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	60
179	BVYTDN179	Bóng nong mạch vành đường kính từ 0.85 - 4mm, chiều dài 5 - 30mm	- Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy, chống xoắn vặn - Thiết kế đầu tip thuận sát dài 1.5-2.5mm - Tiết diện thâm nhập đầu tip : 0.0159 inch (Ø0.85 mm), 0.0164 inch (Ø3.0 mm) - Chất liệu bóng: Nylon/Pebax - Đường kính thân bóng nhỏ: 0.0208 inch (Ø0.85 mm), 0.0313 inch (Ø3.0 mm) - Lòng trong ống được mở rộng đến 30 cm tăng độ hỗ trợ & khả năng lần theo dây dẫn - Đường kính bóng: 0.85 – 4 mm - Chiều dài bóng: 5 – 30 mm - Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 atm - 16 atm - Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) - Số nếp gấp bóng: 2-3 - Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm, 145 cm (Ø0.85 – 1.25 mm) * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	50

180	BVYTDN180	Bóng nong mạch vành đường kính từ 1 - 4mm, chiều dài 5 - 30mm	- Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax - Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0216 inch (Ø1 mm), 0.0306 inch (Ø3 mm) - Đầu tip thuận sát (Sub-zero tip) dài 1.5-2.5mm - Tiết diện (tip entry profile): 0.0164 inch (Ø1 mm) - Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy & chống xoắn vặn - Đường kính bóng: 1 - 4 mm - Chiều dài bóng: 5 - 30 mm - Áp lực thường: 6 atm - Áp lực gây vỡ bóng: 14 - 16 atm - Số nếp gấp bóng: 2-3 - Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) - Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	50
181	BVYTDN181	Bóng nong mạch vành loại áp lực cao, loại không đáp ứng	- Bóng nong mạch vành áp lực cao. Chất liệu: Nylon 12. Thiết kế 3 nếp gấp, thiết kế chóp bóng hình nón 30°. Lớp phủ: ái nước lên đến 50cm trên thân ống (không phủ trên bóng và chóp bóng). - Áp lực tròn bóng: 14atm, áp lực vỡ bóng từ 18atm đến 20atm. - Tiết diện đầu vào tổn thương $\leq 0.016"$. - Đường kính trước bơm bóng $\leq 0.044"$. - Hai điểm đánh dấu cân quang. - Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 8mm đến 25mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Cái	30
182	BVYTDN182	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon/ Pebax - Đường kính bóng tối thiểu 11 cỡ, trong đó có cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.5mm, 2.25mm, 2.75mm, 3.25mm, 3.75mm, 4mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 16 atm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	20
183	BVYTDN183	Dầu dò siêu âm IVUS cơ 45 MHZ hoặc tương đương	- "Đầu dò siêu âm cơ chế xoay cơ tần số cao đến 45Mhz, phủ ái nước GlyDx; Đầu tip cách đầu dò (Transducer) 20.5 mm, chiều dài dây dẫn chạy trong lòng 1 trục (monorail) cách đầu tip 15.5 mm; Đường kính xuyên qua thân gần và thân xa 3.0F, thân giữa 3.1 F, chiều dài hữu dụng 135; Tương thích ống thông tối thiểu 5F; Chiều dài kéo về (pullback) 15 cm, hệ thống LED cung cấp vị trí chính xác đến 0.1 mm; dây dẫn đường kính lớn đến 0.026 inch tương thích máy volcano của Bệnh viện	Cái	10
184	BVYTDN184	Dầu dò siêu âm mạch vành, tần số 60MHz, chiều dài ≥ 135 cm	- Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 60MHz - Thân đầu dò có phủ lớp ái nước, 1 vạch đánh dấu cân quang - Chiều dài hoạt động ≥ 135cm - Đường kính đoạn xa 3.15Fr - Đường kính đoạn gần 3.5Fr - Khoảng cách từ điểm đánh dấu đoạn xa đến đầu dò 20$\pm$2mm - Chiều dài kéo lùi tối đa 150mm - Độ phân giải trục $\leq 40\mu$m - Bán kính siêu âm ≥ 4mm - Tương thích ống thông tối thiểu 6Fr - Tiêu chuẩn CE	Cái	50
185	BVYTDN185	Đầu nối chữ Y	- 3 loại: Đẩy-Kéo (Push-Pull), Đẩy-Khóa (Push-Click), Xoay vặn (Screw) - Lòng trong rộng 0.118" cho phép sử dụng các dụng cụ có đường kính tối đa 9F - Thân chữ Y ≥ 7cm - Chiều dài dây 25cm và 50cm - Tương thích với dây dẫn có đường kính từ 0.014". - Van cầm máu được thiết kế theo công nghệ con dấu kép nhằm mục đích kiểm soát hiệu quả tình trạng trào ngược máu và giảm thiểu nguy cơ mất máu tiềm ẩn	Cái	400
186	BVYTDN186	Dây bơm áp lực cao 1200psi, chiều dài từ 25 - 155 cm	- Dây nối áp lực cao chất liệu: Polyurethane (PU), chịu được áp lực cao 1200 PSI. - Chiều dài: 120 cm - Hai đầu dây là khóa luer được dạng xoay và khóa luer cái cố định - Đường kính trong 1 - 5 mm, không bị rò rỉ. - Chịu được một lực kéo tĩnh không nhỏ hơn 15 N trong 15 giây - Giấy chứng nhận: ISO 9001, ISO 13485 - Tiệt trùng: Ethylene oxide	Cái	700
187	BVYTDN187	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh	- Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài giúp tăng khả năng định vị, tạo sự trơn tru, mượt mà. - Có 4 loại đầu tip: 7,5mm J- Tip, 1,5mm J- Tip, 6mm J - Tip. - Đường kính dây dẫn: 0,035 inch. - Chiều dài: 260cm, 300cm. - TCCL: FDA.	Cái	20
188	BVYTDN188	Dây dẫn can thiệp/chẩn đoán mạch máu	- Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) - Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035", 0.025"	Cái	600
189	BVYTDN189	Dây dẫn can thiệp/chẩn đoán mạch máu	- Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat - Hình dạng đầu: đầu cong, đầu thẳng (Angled, Straight) - Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	400
190	BVYTDN190	Dây dẫn chẩn đoán tim mạch đường kính: 0.018-0.065", Chiều dài 80-260cm. Đầu tip Straight, Angled 1.5J, 3.0J, 6.0J, 15J	- Thông số kỹ thuật: - Lõi có chất liệu thép không gỉ dùng trong chẩn đoán và hỗ trợ dẫn đường cho ống thông chụp mạch. - Các dạng lõi gồm: Fixed-Core, Movable-Core, Amplatz, Rosen. - Đường kính: 0.018", 0.025", 0.030", 0.032", 0.035", 0.038", 0.065". - Chiều dài: 80cm, 150cm, 175cm, 180cm, 220cm, 260cm. - Đầu tip dạng: Straight, Angled 1.5J, 3.0J, 6.0J, 15J. - Tính năng, công nghệ: Lớp phủ PTFE loại pre-coated giúp tăng độ hoàn thiện của bề mặt và giảm lực đẩy và kéo dây dẫn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	400

191	BVYTDN191	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi fixed core, chất liệu lõi bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán, - Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) - bề mặt nhẵn, ít ma sát - tăng khả năng kiểm soát dây - Flush Hoop: thiết kế cải tiến, đơn giản hoá việc xả dây - Đầu dây dạng chữ J: 3 mm, bộ nhớ J-tip chính xác, kèm dụng cụ giữ đầu J (J- straighteners) - Kích cỡ 0.035" dài 150cm và 260cm. - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	400
192	BVYTDN192	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi Nitinol phủ lớp ái nước	Dây dẫn ái nước lõi Nitinol có lớp áo Polymer và lớp phủ hydrophilic: + Lớp phủ Polymer có chứa thành phần Tungsten tăng khả năng hiển thị + Lớp phủ Hydrophilic nâng cao khả năng di chuyển khi đi qua sang thương - Có thể dùng kèm dụng cụ xoay để nâng cao khả năng điều hướng của đầu tip - Tỷ lệ moment xoắn 1:1 - Đường kính ngoài: 0.035" (0.89 mm) - Chiều dài: 150 cm và 260 cm - Cấu hình tiêu chuẩn, đầu tip cong - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	500
193	BVYTDN193	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm - Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ - Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating - Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một đầu - Hypercoat: hai đầu	Cái	500
194	BVYTDN194	Dây dẫn đường, đầu J, phủ PTFE, chiều dài 150cm, đường kính 0,035"	1. Dùng dẫn đường cho ống thông chụp chẩn đoán 2. Dây dẫn làm bằng thép không gỉ bao lớp PTFE, loại Fixed Core 3. Đường kính đồng nhất từ đầu đến cuối, đầu dạng chữ J. Đường kính 0.035" độ dài 150cm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE 5. Tiệt trùng bằng EO Xuất xứ: G7	Cái	500
195	BVYTDN195	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng, hình dạng cố định, các cỡ	- Điện cực tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực 5F loại Eledyn - Ống thông: bằng chất liệu Polyurethane (PUR) mềm dẻo, ngăn hình thành huyết khối, không độc tính. - Điện cực và dây ngăn ngừa hình thành xung điện bằng thép không gỉ, chân cắm bằng thép không gỉ và được mạ vàng 2 mm - Điện cực kích thích dài 110 cm. Ống thông có marker cách nhau mỗi 100 mm từ đỉnh để xác định độ sâu và vị trí của điện cực - Chiều dài điện cực: 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực: 10 mm. - Thể tích bơm bóng tối đa 1 cc - Đường kính bơm phồng bóng định mức 8 mm - Tương thích Introducer 6F - Có kèm theo syringe Omnifix Lock 1,5 cc dùng để bơm bóng - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485	Cái	100
196	BVYTDN196	Dây đo áp lực cao 30cm	Dây được làm từ vật liệu PU (Polyurethane) cao cấp có bền xoắn, chịu được áp lực đến 1200 psi, dây dài 30 cm Hai đầu dây là khóa luer dạng xoay và khóa luer cái cố định Đường kính trong 1 – 5 mm, không bị rò rỉ. Chịu được một lực kéo tĩnh không nhỏ hơn 15 N trong 15 giây - Tiệt trùng: Ethylene oxide - Giấy chứng nhận: ISO 9001, ISO 13485	Cái	500
197	BVYTDN197	Dây đo áp lực FFR và đo chỉ số sống tự do tức thời iFR	Dây đo áp lực FFR và đo chỉ số sống tự do tức thời	Cái	10
198	BVYTDN198	Dome đo huyết áp xâm lấn cho DSA	Dome đo huyết áp xâm lấn dùng cho máy DSA Dùng được trong IBP, niệu, lọc máu. Tương thích flush device 3ml/ h Chất liệu không có latex, khớp nối khó rách không có chất lỏng giữa cảm biến và dome. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500
199	BVYTDN199	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nên nhỏ các cỡ	Dụng cụ có cấu tạo gồm 2 đĩa, được làm từ lưới sợi Nitinol và Polyester. Sử dụng phương pháp xử lý ăn mòn hóa học trên dây Nitinol, giúp giảm thiểu đến hơn 95% lượng phồng thích nickel từ dụng cụ. - Đường kính eo (kích thước dụng cụ): 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40 mm. - Chiều dài eo: 3mm (đối với đường kính 4-10), 4mm (đối với đường kính 11-40) - Đường kính đĩa nhĩ phải (đĩa nhỏ): 12-50 mm. - Đường kính đĩa nhĩ trái (đĩa lớn): 16-56 mm. - Kích cỡ dụng cụ thả dù tương thích: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F. - TCCL: FDA	Cái	5
200	BVYTDN200	Dù đóng lỗ Thông liên Nhĩ phủ titanium	- Công nghệ đan bền tối ưu hóa và giảm thiểu vật liệu phần đĩa nhĩ trái, một nửa duy nhất. - Hợp kim Nitinol được phủ lớp Titanium thể hiện tính tương thích sinh học và giảm tối thiểu giải phóng Nikel. - Miếng PET cho phép quá trình nội mạc hoá nhanh. - Điểm kết nối giữa đủ với cáp thả dù dạng viên bi giúp khoá đủ an toàn, phù hợp với giải phẫu học. Thả đủ dễ dàng và nhanh chóng. - Kích cỡ: từ 4 - 40 mm (đặc biệt có các kích cỡ 7.5, 10.5, 13.5, 16.5, 19.5) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận CE và CFS	Cái	5
201	BVYTDN201	Dù đóng ống động mạch loại 1 đĩa với công nghệ xử lý ăn mòn hóa học dây Nitinol giảm thiểu phồng thích Nickel.	Dù có dạng hình nón được thiết kế để đóng các ống động mạch lớn. Phạm vi điều trị cho các ống động mạch có đường kính 3.0-8.0 mm. Dù được làm bằng lưới sợi Nitinol và Polyester thúc đẩy sự bít tắc và tăng sinh mô. - Chiều dài: 5, 7, 8 mm. - Đường kính cánh giữ: 9,10,12,16,18,20,22 mm. - Đường kính dù tại động mạch chủ xuống /đường kính tại động mạch phổi: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14 mm. - Kích cỡ dụng cụ thả dù tương thích: 5F, 6F, 7F. - TCCL: FDA.	Cái	3
202	BVYTDN202	Dù đóng ống động mạch loại 2 đĩa với công nghệ xử lý ăn mòn hóa học dây Nitinol giảm thiểu phồng thích Nickel, đạt tiêu chuẩn FDA	Dù được làm từ lưới sợi Nitinol, có cấu tạo gồm 2 đĩa phù hợp với nhiều loại ống động mạch khác nhau. Công nghệ không chứa vôi giúp dụng cụ có profile nhỏ trong khi vẫn duy trì được khả năng bít tắc cao. Phạm vi điều trị cho các ống động mạch có đường kính 2.5-5.5mm, chiều dài 5-12mm. - Đường kính 2 đĩa bằng nhau, có các kích thước: 9, 10, 11, 12 mm. - Đường kính vòng eo/chiều dài: 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6 mm. - Kích cỡ dụng cụ thả dù tương thích: 4F, 5F. - TCCL: FDA.	Cái	2

203	BVYTDN203	Dù đóng ống động mạch, phủ Titanium	- Dù được phổ biến ở hai loại thân: thân chuẩn và thân dài. - Dù có profile phản động mạch chủ nhỏ, không có núm đầu xa. - Thiết kế thân đủ tránh nguy cơ huyết khối. - Tạo lực bám vào động mạch phổi tại điểm cuối của ống động mạch. - Với cấu trúc đan bên đặc biệt làm khả năng linh hoạt và thích ứng tốt. - Đường kính từ 3.5mm-14mm. - Kích cỡ: + Thân chuẩn có các size: 5,6,7,8,10,12,15,18. Chiều dài: 4.25-16mm + Thân dài có các size: 5,6,7,8,10. Chiều dài: 7-10.50mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE và CFS	Cái	5
204	BVYTDN204	Dụng cụ bung dù có valve vận cầm máu, kết cấu lõi lưới kim loại, loader nên dù trong suốt kiểm soát bóng khí	- Ống nong được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát. Ống nong luồn vào ống thả tạo thành một bộ ống đưa vào mạch máu. Đường ống bên trong tương thích với guide wire 0.035". - Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bên kim loại tạo sự chịu lực và cân quang. Ống thả có đầu gắn kết nối dễ dàng với ống nong hoặc ống chứa dù. - Loader nên dù được làm bằng vật liệu giảm ma sát và trong suốt cho phép kiểm soát bóng khí. - Y- connector có van cầm máu. - Phô biến ở 2 loại đầu cong 45° dài 800mm và 180° dài 800mm. Kích cỡ: 6F-14F. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, EU và CFS	Bộ	10
205	BVYTDN205	Dụng cụ đóng lòng mạch máu kích cỡ 5-7F, chất liệu polyglycolic acid (PGA), hấp thụ từ 60 - 90 ngày	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ đóng mạch (bao gồm Nút bấm triển khai, Cổng quan sát, Hệ thống chỉ báo máu chảy ngược). - Chất liệu nút tắc là sợi polyglycolic acid (PGA). Khả năng phân hủy sinh học, được hấp thụ hoàn toàn từ 60 - 90 ngày. - Kích cỡ: 5F, 6F, 7F (Tương ứng với Sheath 5F, 6F, 7F có chiều dài lên đến 12cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Dây chỉ báo Nitinol cung cấp phản hồi nhẹ nhàng và chính xác để đảm bảo vị trí đặt nút tắc cầm máu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA.	Cái	100
206	BVYTDN206	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ; liên thất, ống động mạch và lỗ tiểu nhĩ	Bộ sản phẩm bao gồm: cáp thả dù, ống thông có đầu cong 180 độ, cây nong, van cầm máu, dụng cụ nạp dù và kẹp cáp bằng nhựa. - Ống thông làm bằng polymer, bên trong được gia cố thêm lớp sợi bên làm bằng thép không gỉ giúp chống xoắn và gấp gãy. Lớp lót trong lòng ống làm bằng PTFE có độ ma sát thấp. - Ống thông có đầu tip mềm. Phía đầu xa có dải đánh dấu cân quang giúp định vị và thả dù chính xác. - Chiều dài: 60 cm, 80 cm. - Kích thước: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F. TCCL: FDA.	Cái	5
207	BVYTDN207	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên thất, liên nhĩ và ống động mạch	Bộ sản phẩm bao gồm: dụng cụ nạp dù, van cầm máu kèm ống nối và khóa ba ngã, ống thông có đầu cong 45 độ, cây nong, cáp thả dù và kẹp cáp bằng nhựa. - Vùng đầu gắn cứng giúp duy trì lực đẩy của hệ thống. Ống thông có đầu tip cân quang. - Chiều dài: 60 cm, 80 cm. - Kích thước: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F. TCCL: FDA	Cái	10
208	BVYTDN208	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch	Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cân quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Vòng Snare được thiết kế 90o giúp bắt dị vật chính xác - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác - Có thể dùng với catheter 6F - Kích cỡ của vòng từ 20, 30 và 35 mm (tùy mã sản phẩm) - Chiều dài: 100 cm - Chiều dài của snare: 120 cm Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	10
209	BVYTDN209	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành	Stent mạch vành Cobalt Chromium, tâm thuốc Biolimus A9 trực tiếp lên bề mặt stent, không phủ polymer. Hàm lượng thuốc: 15.6µg/mm chiều dài stent. - Chiều dài từ 9mm đến 36mm, đường kính các kích cỡ từ 2.25mm đến 4.0mm. Đường kính stent có thể đạt tối đa 5.95mm. - Áp suất định danh bóng stent ≥ 8atm. Áp suất vỡ định mức ≥ 14atm cho đường kính từ 3,5mm đến 4.0mm, áp suất vỡ định mức ≥ 16atm cho đường kính từ 2.25mm đến 3.0mm. - Bề dày thanh giá đỡ ≤ 88µm (thiết kế 9 vành), ≤ 84µm (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: ≤ 2.29%. Độ co lại đàn hồi: ≤ 3.87%. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng. - Đường kính mắt cáo ≥ 1.58mm. - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F. Tính chịu lực xuyên tâm > 0.67bar hay 500mmHg. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	50
210	BVYTDN210	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Novolimus	1. Dùng điều trị cho bệnh nhân hẹp hoặc tắc động mạch vành 2. Nguyên liệu: Cobalt Chromium L605. Loại Durable polymer, phủ thuốc Novolimus, loại DESyNX2. Độ dày mắt cáo 81 µm, thiết kế mở. Lớp phủ thuốc và polymer mỏng 3µm. Liều thuốc: 5microgram/mm độ dày stent. 3. Đường kính: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0mm. Độ dài: 14, 18, 23, 28, 32, 38, 43, 46, 48mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 5. Tiệt trùng bằng EO	Cái	20
211	BVYTDN211	Giá đỡ (Stent) mạch vành có phủ thuốc Everolimus	1. Chất liệu: - Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), độ dày 0.0032", dạng mở, uốn ba cấp độ Multi-link (3-3-3), liên kết không tuyến tính, phủ thuốc Everolimus (1µg/mm2) - Cấu trúc Polymer: Fluorinated Copolymer - Bông trong stent: chất liệu Pebax 72D 2. Kích thước: - Đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0mm - Chiều dài: 8, 12, 15, 18, 23, 28, 33, 38mm - Đường kính giãn nở tối đa: từ size 2.0 -> 3.25mm lên đến 3.75 mm; Từ size 3,5 -> 4mm lên đến 5.5mm - Tiết diện xuyên qua (Crossing profile): 0.039 inch (3.0 x 18mm). Tiết diện đầu tip 0.017" (3.0x18mm), chiều dài làm việc của ống thông 145cm - Áp lực định danh 9atm-12atm, áp lực vỡ bóng tối đa 16atm Tiêu chuẩn: CE	Cái	40
212	BVYTDN212	Giá đỡ can thiệp mạch vành	- Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng (proBIO) - Lớp màng bằng chất liệu electrospun polyurethane - Stent bung bằng bóng, làm trên nền bóng chất liệu semi-crystalline co-polymer - Áp lực định danh (NP) 7-8 atm, áp lực tối đa cho phép (RBP) 14 – 16atm - Thiết kế đơn lớp giúp khâu kính nhỏ - Thanh stent đường kính 2.5, 3.0mm có kích thước 60µm (0.0024"); đường kính 3.5, 4.0mm có kích thước 80µm (0.0031"); đường kính 4.5, 5.0mm có kích thước 120µm (0.0047") - Chiều dài khả dụng 140 cm, loại chuyển giao nhanh (Rx) - Dây dẫn tương thích 0.014" - Dữ kích thước: đường kính: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0mm, chiều dài: 15, 20, 26mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Cái	2
213	BVYTDN213	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Platinum Chromium (PtCr), khung Platinum Chromium (platinum 33%), Phủ thuốc Everolimus dày ~1µg/mm2 - Đường kính: 2,25-5,0mm, chiều dài 8-48mm. Có Polymer (PLGA) - Ống hypotube công nghệ Laser - cắt chiều dài 127mm 2. Tiêu chuẩn: CE và FDA	Cái	40

214	BVYTDN214	Giá đỡ mạch vành có phủ thuốc Everolimus	1. Chất liệu: - Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), bề dày 0.0032" - Phủ thuốc Everolimus (100µg/cm²) 2. Kích thước: - Đầu vào tip (Tip entry profile): 0.017 inch - Áp lực vỡ bóng tối đa: 18 atm - Đường kính 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0 mm - Chiều dài: 8mm; 12mm; 15mm; 18mm; 23mm; 28mm; 33mm; 38mm; 48mm - Crossing profile (Tiết diện ngang bóng): 0.0425 inch (3.0x18mm); 0.0439 inch (3.0x48mm) - Chiều dài làm việc của ống thông: 145 cm 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế Multi-link, 3-3-3, liên kết không tuyến tính. - Cấu trúc polymer: Fluorinated Copolymer - Bóng trong stent bằng Pebax, da lớp	Cái	60
215	BVYTDN215	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc	- Không polymer - Phóng thích thuốc thông qua hồ chứa thuốc thẩm thấu - Vật liệu khung giá đỡ: L605 Hợp kim Cobalt Chromium - Lớp phủ bề mặt thanh giá đỡ: Bề mặt cảm biến sinh học BIS - Độ dày khung giá đỡ = 70 - 80µm - 2 điểm đánh dấu bằng vật liệu Platinum trên đoạn đầu (cuối) của khung giá đỡ - Khung giá đỡ không bị thu ngắn trong suốt quá trình nong - Công thức thuốc Amphilius có chứa Axit béo - Đường kính: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5mm - Chiều dài: 9, 13, 16, 20, 26, 33, 40, 46	Cái	30
216	BVYTDN216	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc các cỡ	1. Dùng điều trị cho bệnh nhân hẹp hoặc tắc động mạch vành, tái cấu trúc dương, phục hồi chức năng cơ giãn, mạch đập và độ giãn mạch máu 2. Nguyên liệu : Cobalt Chromium L605, bao 2 lớp polymer tự tiêu, phủ thuốc Novolimus, loại DynamX. Mỗi vòng được kết nối với vòng liên kế bằng 3 liên kết hình chữ S có chứa 3 đoạn khớp tháo. Độ dày mắt cáo 71 µm. Lớp phủ thuốc và polymer mỏng 3µm. Liều thuốc: 5microgram/mm độ dài stent 3. Đường kính: 2.25;2.5; 2.75;3.0;3.5;4.0mm. Độ dài: 14,18,23,28,32,38,43,46,48mm. Riêng đường kính 4.0 mm có độ dài 15,18,23,28,32,38,41mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	40
217	BVYTDN217	Giá đỡ nong mạch máu ngoại biên bằng bóng (thận)	Chất liệu: Cobalt Chromium (L605). Độ dày thân stent: 120µm (đường kính 4.5mm-5mm), 140µm (đường kính 6mm-7mm). Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 4.5mm, 5mm, 6mm, 7mm. Chiều dài: 12mm, 15mm, 19mm. Chiều dài hệ thống: 140cm. Marker: 2 marker rập khuôn (bóng), bằng vàng ở đầu gần (giá đỡ). Hệ thống dây dẫn: 0.014". Đạt chứng nhận: ISO 13485, CE.	Cái	10
218	BVYTDN218	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus và Probucol	- Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus và Probucol tỷ lệ 50:50 bằng công nghệ phủ chất nền Abluminal (không chứa polymer); Hàm lượng phủ thuốc Sirolimus 1.2µg/mm². Bề dày lớp phủ 4µm - Độ dày thanh chống stent: Đường kính 2.0 -3.0mm là 55µm, đường kính 3.5 - 4.0mm là 65µm. Chiều dài: 9 mm - 38 mm - Stent linh hoạt uốn 150 mN (3.0x19mm) và linh hoạt mở rộng 39 mN (3.0x19mm) - Đường kính thân là 0.031" - 0.038" (0.79mm-0.96mm) - Áp suất danh nghĩa NP là 10 atm; áp suất nổ RBP là 18atm đối với đường kính 2.00-3.5mm và là 15 atm đối với đường kính 4.0mm - Thuốc Probucol làm chậm quá trình phóng thích Sirolimus - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485	Cái	50
219	BVYTDN219	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	- Đầu có khả năng cân quang - Kim chọc mạch cỡ 18G - 7cm (± 5%) tối thiểu tương thích với đường kính dây dẫn qua da 0.038" - Chất liệu: Thép không gỉ 304 - Chứng nhận CE	Cái	225
220	BVYTDN220	Kim chọc mạch đùi	- Kim chọc mạch quay, đùi - Kim 1 phần colour hub, thành mỏng, chất liệu bằng thép không gỉ được thiết kế với tay cầm tối ưu và đầu kim bên để dễ dàng thao tác - Phần hub có động với điểm tham chiếu để xác định hướng góc xiên - Đường kính: 18G, 20G - Chiều dài: 40 mm hoặc 70 mm (Tuỳ mã sản phẩm) - Tương thích với dây dẫn 0.038" (0.97 mm) hoặc 0.025" (0.64 mm) - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	200
221	BVYTDN221	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới loại đặt tạm thời	- Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới đặt tạm thời - Chất liệu: hợp kim Coban Crom (Co-Cr) - Lưới lọc được nạp sẵn trong ống, đường kính: 40 mm và chiều cao: 53 mm - Thanh dây ngăn 183mm, thanh dây dài 657mm, - Phụ kiện kèm theo gồm: dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu và dây nối bên. Ống nong 7F, dây dẫn đường chữ "J" đường kính 0,035" dài 1500 mm phủ PTFE - Tiệt khuẩn từng cái. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	10
222	BVYTDN222	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới loại đặt tạm thời	1. Ngăn ngừa thuyên tắc phổi tái phát, đặt tạm thời hoặc vĩnh viễn 2. Lưới lọc làm bằng nguyên liệu Nitinol trong hộp đựng 3. Cờ sheath 5Fr, độ dài sheath 70cm hoặc 100cm, đường kính lọc tự mở đến 32mm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE 5. Đi kèm dụng cụ phân chia lưới lọc, cây đẩy cong có đánh dấu, nắp ống thông, cây nong mạch 6. Tiệt trùng bằng EO	Cái	10
223	BVYTDN223	Máy tạo nhịp 1 buồng	- Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn. - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Tính năng ngăn ngừa nhịp tim giảm đột ngột. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc	Cái	2

224	BVYTDN224	Máy tạo nhịp 2 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Chuẩn kết nối IS-1 - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Tính năng Ngăn ngừa nhịp tim giảm đột ngột - Bộ tính năng tự động: Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại, Tạo nhịp kiểm nền rung nhĩ và Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc	Cái	20
225	BVYTDN225	Máy tạo nhịp có phá rung cấy vào cơ thể	Bộ máy tạo nhịp có phá rung 1 buồng kích thước Mini, nhịp thích ứng theo gia tốc (Accelerometer), chuẩn DF4, MRI 1.5T, liên lạc từ xa không dây (Wireless), theo dõi nhịp thở (Respiratory Rate Trend), chương trình sốc chính xác (AcuShock), 41J, chip vi xử lý an toàn dự phòng (Safety core), thể tích 26.5 cc, độ dày 9.9mm, điện cực phủ hợp chất iridium oxide. Tiêu chuẩn FDA và CE.	Bộ	2
226	BVYTDN226	Ống thông can thiệp cỡ 5, 6, 7, 8Fr	- Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng polymer vest tech nylon - Có tối thiểu các cỡ 6F, 7F, 8F - Đường kính trong khoảng 0.071"-0.081" - Có từ 20 loại độ cong trở lên, trong đó có các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL - Tiêu chuẩn FDA, CE	Cái	500
227	BVYTDN227	Ống thông can thiệp mạch vành phủ PTFE, dạng thẳng (Straight), đường kính 5Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lợp trong bằng PTFE, lợp lưới thép không gỉ phẳng ở giữa, lớp vỏ ngoài mềm mại. - Chiều dài 120cm; Đường kính: 5Fr 2. Tính năng, công nghệ: Kiểu đầu: Straight	Cái	30
228	BVYTDN228	Ống thông chẩn đoán mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0,043"). Chiều dài 100cm. - Tương thích guidewire 0,038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa) 2. Tính năng, công nghệ - Chất liệu: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lốp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt cân quang, phủ lớp polyamide - Đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	250
229	BVYTDN229	Ống thông chẩn đoán mạch	- Cấu tạo: 3 lớp - Lốp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lốp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng đuôi heo. Chiều dài 110cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	500
230	BVYTDN230	Ống thông chẩn đoán mạch	- Thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bền thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa $\geq 1,200$ psi (8.247kPa) - Đường kính 5Fr (lòng rộng ≥ 1.20mm), chiều dài 100cm và 120cm.	Cái	500
231	BVYTDN231	Ống thông chẩn đoán mạch	- Cấu tạo: 3 lớp - Lốp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lốp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng đuôi heo. Chiều dài 110cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	100
232	BVYTDN232	Ống thông chẩn đoán mạch vành	- Ống thông chẩn đoán mạch vành - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Loại wire - braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái - Đầu tip cân quang - Có các loại JL, JR, AL, AR - Dài các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F - Dùng được với guide wire 0.038" - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200
233	BVYTDN233	Ống thông chẩn đoán mạch vành	- Ống thông chẩn đoán mạch vành dùng qua đường mạch quay để chụp cho cả mạch vành trái và phải: - Chất liệu Nylon Pebax có bên sợi thép không gỉ giúp tối ưu lực xoắn vặn, lực đẩy và độ ổn định theo chiều dọc ống thông. Chịu được áp lực dòng chảy cao, đầu tip nhô hình tốt - Đường kính trong lớn 0.046"/1.17mm loại 5F giúp tối ưu dòng chảy - Đầu bumper tip loại Ultimate 1, có 1 lỗ bên. Chiều dài đầu tip: 2.0 cm - Dùng được với guide wire 0.038" - Chiều dài: 100cm - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	400
234	BVYTDN234	Ống thông chẩn đoán phủ lớp ái nước, đường kính 5Fr, chiều dài 70cm -100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp: lớp ngoài polyurethane, lớp giữa là lớp bện đơn SUS, Lốp trong giàu nylon, đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1,10mm); Chiều dài: 70cm, 100cm. Ái nước tại đầu xa dài 25cm hoặc 40cm 2. Tính năng, công nghệ: Có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) giúp ống thông di chuyển mượt mà ngay cả với những tổn thương xoắn vặn. Kiểu đầu: Yashiro 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - Xuất xứ: G7	Cái	200
235	BVYTDN235	Ống thông chẩn đoán tim mạch chất liệu nylon bền loại thẳng, cong 145o/155o, các cỡ 4F, 5F, 6F	- Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo - Chất liệu Nylon Pebax nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Dài các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 90cm, 110cm - Có các kiểu đầu: pigtail thẳng hoặc pigtail cong 145 độ - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao - Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50
236	BVYTDN236	Ống thông dẫn đường loại cứng, lõi đan dài kim loại, đầu cong 6F (lumen rộng 0,070")	1. Cấu tạo gồm 3 lớp: - Lốp trong: Lốp bằng chất liệu PTFE - Lốp giữa: Lõi đan bằng dài kim loại 2x4 - Lốp ngoài: Lốp bằng hỗn hợp polymer 2. Ống thông loại 6F, đường kính trong 1.7mm, đường kính ngoài 2.2mm, có Lumen rộng 0.070". 3. Đầu cong các loại: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimmy, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR, ... 4. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA	Cái	200
237	BVYTDN237	Ống thông dẫn đường nối dài với thiết kế cổ dạng half-pipe dùng hỗ trợ can thiệp tổn thương khó mạch vành và mạch máu ngoại biên	Ống thông dẫn đường với đoạn nối dài có đường kính trong từ 0.046" (1.17mm) đến 0.071" (1.80mm), đường kính ngoài đầu tip từ 0.053" (1.35mm) đến 0.085" (2.16mm), đường kính ngoài thanh dây từ 0.25mm đến 0.30mm .	Cái	30

238	BVYTDN238	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	Chất liệu đầu tip: Polyamide. Chất liệu trục xa: Polytetrafluoroethylene, polyamide, có chiều dài 25cm. Chất liệu trục gần: Polytetrafluoroethylene, thép không gỉ. Tương thích ống thông 6F, đường kính lòng trong dạng ST là 1.33mm & dạng EL là 1.43mm Độ dài ống thông 145cm, lớp phủ ái nước: 16cm. Có điểm đánh dấu độ sâu 90cm và 100cm tính từ đầu tip, Dây dẫn tương thích: 0.014 inch Tiêu chuẩn nhà sản xuất: ISO 13485, CFS của các nước thuộc G7 Xuất xứ: G7	Bộ	30
239	BVYTDN239	Ống thông mang bóng nong động mạch phổi	- Chất liệu bóng: Thermoplastic Elastomer, không giãn nở. Không chứa DEHP, không chứa Latex. - Có dải đánh dấu bằng Platinum/Iridium. - Chất liệu thân ống thông: Polymeric, không chứa DEHP, không chứa Latex. - Đường kính bóng: 4.0 - 10.0 mm. - Chiều dài bóng: 10 - 40 mm. - Áp lực gây nở: 3.5-6 atm - Kích cỡ dụng cụ mở đường: 3 - 4F. - TCCL: FDA, ISO 13485	Cái	5
240	BVYTDN240	Ống thông phá mảng vôi hóa nội mạch vành	Ống thông phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL) - Ống thông có bóng nong tích hợp điện cực sóng xung kích giúp phá hủy các mảng vôi hóa để điều trị trước và nong mạch bằng bóng các tổn thương vôi hóa động mạch vành nặng. - Chế độ hoạt động: 1 xung/1 giây, tối đa 10 xung liên tiếp trong một chu kỳ, mỗi ống thông tối đa 8 chu kỳ. - Chiều dài hoạt động: 1420 mm - Chất liệu bóng: Pebax và Nylon 12 - Đường kính bóng: 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng: 12mm và 15mm - Áp suất điều trị: 6 atm - Áp suất danh định: 8 atm - Áp suất vỡ danh định: 20 atm - Đầu xa có hai điểm đánh dấu cân quang và lớp phủ ưa nước từ đầu xa đến cổng đối dây dẫn. - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F	Cái	50
241	BVYTDN241	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus 1,25 µg/mm2, chiều dài 8, 13, 16, 19, 24, 29, 32, 37, 40, 44, 48mm	1. Chất liệu: Cobalt Chromium 2. Thông số kỹ thuật: Phủ thuốc Everolimus mật độ 1,25µg/mm2, khung Cobalt Chromium mắt đóng mắt mở dây 50µm (0,002"), cơ chế bung từ giữa thân Stent. Có các chiều dài 8, 13, 16, 19, 24, 29, 32, 37, 40, 44, 48mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	30
242	BVYTDN242	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	- Vật liệu stent bằng Cobalt Chromium trên nền stent thường được phủ lớp Silicon Carbide (proBIO) có tính tương thích sinh học và lớp phủ thuốc Biolute có Polymer tự tiêu Poly-L-Lactic Acid - Chất liệu bóng mang stent là Semi Crystalline Polymer. - Liều lượng thuốc: 1.4µg/mm², Khẩu kính đầu vào: 0.017" - Đường kính từ 2.25 - 3.0mm có độ dày thành stent siêu mỏng: 60µm (0.0024") - Đường kính 3.5 - 4.0mm có độ dày thành stent: 80µm (0.0031") - Ống thông can thiệp tương thích nhỏ nhất 5F (I.D. ≥ 0.056"). Dây dẫn can thiệp tương thích 0.014" - Kích thước: ø 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm; chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40mm. Áp lực định danh (NP): 10 atm, áp lực tối đa cho phép (RBP): 16 atm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA	Cái	20
243	BVYTDN243	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus 1,4 µg/mm2, kích thước từ 2,0 đến 4,5mm, dài 9 đến 39mm	1. Chất liệu: stent (CoCr L605), bóng stent (Nylon và Pebax không chứa latex) 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính từ 2,0mm đến 4,5mm, chiều dài từ 9mm đến 49mm, Stent Strut nhỏ 75µm. Crossing profile 0,043"(1,09mm) - 0,051"(1,3mm) 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: stent phủ thuốc Sirolimus, có công nghệ giúp thời gian giải phóng thuốc lâu hơn. Polymer tự tiêu dạng 3 lớp Biostable fluorinated acrylate giúp tối ưu hoá việc giải phóng thuốc 1,4 µg/mm2. Bóng của stent gấp ba lớp (Trilayer), thời gian xả bóng nhanh trung bình 3s. Định vị bằng 2 marker Platinum Iridium (Pt-Ir). Thiết kế dạng mở (open cell) 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	40
244	BVYTDN244	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus 1,4µg/mm2	- Stent mạch vành chất liệu CoCr, khung stent mỏng 60µm tất cả các đường kính, phủ thuốc Sirolimus 1.4µg/mm2 có liên kết chữ Z kép dài, phủ 3 lớp Polymer: PLLA, PLCL và PVP tự tiêu. - Tỷ lệ co lại <4% & rứt ngắn 0%. - Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. - Đường kính: 2.0-4.5mm, chiều dài: 8-48mm. - NP: 8 atm (2.00-2.25mm), 10 atm (2.50-3.00mm), 11 atm (3.50-4.50mm) và RBP: 16atm. - Giãn nở tối đa: từ size 2.0-2.25mm lên đến 3.25mm, size 2.5-3.5mm lên đến 4.25mm, size 4.0-4.5mm lên đến 5.5mm.	Cái	40
245	BVYTDN245	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus 1,6µg/mm2, đường kính 2,25-4,0; dài 8,9-38mm	- Phủ thuốc Zotarolimus - Lớp phủ Biolink tương thích sinh học - Công nghệ lõi kép - Đường kính 2.0 mm - 5.0 mm, dài 8 mm - 38 mm - Tiêu chuẩn CE	Cái	60
246	BVYTDN246	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Khung stent chất liệu Cobalt Chromium phủ phức hợp thuốc Sirolimus-Probuco-Shellac Resin Công nghệ phủ thuốc áp thành (Abluminal), phóng thích 80% thuốc trong 28 ngày Bề mặt stent nhám với vỏ sò nhỏ li ti phủ toàn thân stent hoặc tương đương về phóng thuốc tối ưu Độ dày thành chống ≤ 68 µm đối với đường kính stent ≤ Ø2.5mm Thiết diện xuyên qua từ ≤ 0.89 đến ≥ 1.10 mm Khẩu kính đầu vào <0.4 mm. Đường kính stent: từ ≤ 2.0 đến ≥ 4.0 mm, tối thiểu 12 lựa chọn Chiều dài stent: từ ≤ 8 đến ≥ 48mm, tối thiểu 7 lựa chọn Thuốc: - Nhóm thuốc: Sirolimus nồng độ ≥ 2.6 µg/mm2 bề mặt stent Xuất xứ: G20 Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE, ISO 13485	Cái	30
247	BVYTDN247	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	1. Thông số kỹ thuật - Trục gần: thép không gỉ, phủ PTFE - Lớp phủ trục xa: phủ ái nước - Stent phủ thuốc sirolimus/ Polymer: PLGA 85/15 polylactide-co-glycolide - Cơ chế phân tán: Thuốc được phân tán thông qua polymer PLGA, phân hủy hoàn toàn trong vòng 10-13 tuần. - Hàm lượng thuốc: 1,4 µg/mm² - Chất liệu: Cobalt chromium L605 - Bề dày stent: 0.0026"/ 65 µm (Ø 2.25-4.0 mm); 0.0042"/ 107 µm (Ø 4.50-5.0 mm) - Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 5.3 mm Đường kính: 2.25 - 5.0 mm. Chiều dài: 8 - 48 mm. Chiều dài khả dụng của ống thông: 138 cm 2. Tính năng, công nghệ - Radial strength (Khả năng chịu nén) 28psi - Foreshortening (Tỷ lệ rút ngắn chiều dài của stent) < 2.5% - Recoil (Tỷ lệ co lại của stent) < 6% 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	30

248	BVYTDN248	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ Dây dẫn đơn lõi/đa lõi theo công nghệ thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phản hồi moment xoắn của dây dẫn Típ load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO Lớp phủ: silicon, ái nước SLIP-COAT hoặc phủ ái nước trên nền polymer Đầu tip: thẳng, J, định hình sẵn Chiều dài: 180, 190, 200, 235, 300, 330 cm * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Cái	30
249	BVYTDN249	Vi dây dẫn đường can thiệp mạch vành có đường kính 0,014 inch, chiều dài: 180 cm / 150, 165 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ - Chất liệu: Lớp phủ ái nước. - Đường kính: 0.014 inch. - Chiều dài: 165, 180, 190, 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Típ load: 0.5 gf, 0.7gf - Dây dẫn đa lõi theo công nghệ thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt hoặc tương đương. - Đầu tip: thẳng, J. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA.	Cái	300
250	BVYTDN250	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp tim mạch	- Ống thông 2 nóng (1 nóng OTW và 1 nóng RX dài 20 cm) thích hợp cho mạch nhánh và tổn thương CTO - Ống thông gồm 2 lõi thép không gỉ chống xoắn - Chiều dài từ đầu tip tới OTW port dài 6.5 mm - Lớp phủ ái nước L coating 380 mm - Thiết kế ống hình bầu dục (oval) 3.3 Fr x 2.5 Fr - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5/ 2.5 - 3.3 F - Chiều dài: 145 cm * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Cái	10
251	BVYTDN251	Vi ống thông can thiệp	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu tip thuận mềm, đường kính 1.3F - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm. - Đường kính ngoài: 2.9, 2.1 F. 2. Tính năng, công nghệ: thiết kế trực tiếp với lõi ống được bền từ 14 dây dẫn và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510K.	Cái	10
252	BVYTDN252	Vi ống thông dẫn đường dùng can thiệp CTO	- Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm. - Cấu trúc lõi là lớp bên bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống giúp tăng độ bền. - Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic. - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm và 150 cm	Cái	20
253	BVYTDN253	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng theo vận động, tương thích MRI toàn thân 3T, tự động chuyển đổi AAIR-DDDR ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất	• Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T không giới hạn vùng chụp • Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp lên tới 8V • Lưu trữ điện tâm đồ trước cơn loạn nhịp 3 tháng • Tự động chuyển đổi AAIR-DDDR ưu tiên dẫn truyền tự nhiên, giảm tạo nhịp thất • Tính năng phòng ngừa ngắt do nhịp tim rất đột ngột • Chức năng gọi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân • Tuổi thọ pin lên tới 17.9 năm • Dây điện cực dạng xoắn, lưỡng cực, phủ steroid, tương thích MRI, điện cực xoắn bạch kim, chất cách điện silicone/polyurethan	Bộ	20
254	BVYTDN254	Bộ dây dẫn siêu lọc cải tiến dành cho người lớn theo tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện	Bộ dây dẫn siêu lọc cải tiến dành cho người lớn theo tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện - Chất liệu nhựa PVC. - Bao gồm Table pack, pump pack đều được đóng gói 2 lớp có khăn gói blue wrap bọc lại. - Dành cho người lớn. - Bản vẽ thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện - Được tiệt trùng bằng khí EO.	Bộ	60
255	BVYTDN255	Bộ dây dùng cho bộ tim phổi nhân tạo phù hợp với thiết bị hiện có của bệnh viện, chất liệu silicone và PVC	Bộ dây dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Chất liệu nhựa PVC và silicone. - Bao gồm Table pack, Machine pack được đóng gói 2 lớp có khăn gói blue wrap bọc lại và connector pack đóng gói riêng biệt (có nối khóa 4 chạc). - Tích hợp bộ lọc, kèm bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của người sử dụng chuyên môn. - Được tiệt trùng bằng khí EO.	Bộ	60
256	BVYTDN256	Bộ dây lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim người lớn, diện tích màng lọc 1.2 ²	Bộ dây dẫn lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim người lớn. - Dung tích mỗi ≤ 75 ml. - Áp lực xuyên màng tối đa 500mmHg. - Diện tích bề mặt màng lọc 1,2 m2. - Đường kính sợi lọc ≤ 200 micron - Vật liệu màng lọc polysulfone/ polyethersulfone - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Bộ	60
257	BVYTDN257	Bộ dây truyền dung dịch liệt tim dạng tĩnh thể, thiết kế theo tiêu chuẩn bệnh viện	Bộ dây dẫn dùng cho liệt tim dạng tĩnh thể, gồm table pack (chiều dài dây tối thiểu 2m) và pump pack, buồng đo áp lực, 2 đầu kim truyền có khóa, chiều dài dây tối thiểu 5m) được đóng gói riêng biệt. Thiết kế theo yêu cầu sử dụng của bệnh viện	Bộ	60
258	BVYTDN258	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu ACT	1. Thông số kỹ thuật: Mỗi ống mẫu chứa 12% Kaolin, 0.05M CaCl2, dung dịch đệm HEPES (hydroxyethyl-piperazine-ethanesulfonic axit) & chất diệt khuẩn Sodium azide. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu nhằm phát hiện Heparin với các mẫu máu tươi hoàn toàn trong phẫu thuật tim mạch, phẫu thuật mạch máu và tạo hình mạch vành (PTCA). Tương thích máy đo độ đông máu ACT-Medtronic 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	400
259	BVYTDN259	Bộ phổi nhân tạo kèm bình chứa 4500ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phổi nhân tạo cấu tạo từ sợi rỗng ruột polypropylene - Thông số: Thể tích bình chứa máu 4500ml, có lọc cardiectomy 30 micromet và màn lọc đường vào tĩnh mạch 105 micromet. Phổi nhân tạo có lưu lượng máu trao đổi 1 - 7 Lit/phút. Áp lực trao đổi nước tối đa lên thành 30psi. Diện tích bề mặt màng trao đổi khí 2,5m ² . Cổng ra động mạch 3/8". Cổng vào tĩnh mạch 3/8". Thể tích mỗi 260 ml. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Hệ thống phổi nhân tạo người lớn có tích hợp pin lọc động mạch, sử dụng công nghệ Mật độ bó sợi từng phần, với chất phủ bề mặt sinh học ưa nước, nhằm làm tăng tính tương thích sinh học và giảm thiểu sự bám dính protein có trong huyết tương, bình chứa có van điều tiết áp lực âm/dương và vạch cảnh báo thể tích thấp nhất. Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30

260	BVYTDN260	Cannula Silicone truyền dung dịch liệt tim ngược dòng có bơm các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, Silicone - Kích thước: 15 Fr (5,0 mm), chiều dài 12,5 in (31,8 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng qua xoang vành, gồm một thân bằng silicone có quần dây chống xoắn và bóng bơm bằng tay kèm đường ống theo dõi áp suất. Tất cả các ống thông đều đi kèm một bóng chèn trơn láng và một ống tiêm để bơm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	5
261	BVYTDN261	Cannula tĩnh mạch thẳng 1 tầng các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Kích thước: Chiều dài tổng cộng 30,5 - 38,1 cm, Các cỡ 12-40Fr, co nối 3/8 in (0,95cm) và 1/4 in (0,64cm) 2. Tính năng, công nghệ: Các cannula này được chỉ định để thu thập máu tĩnh mạch từ bên phải tim thông qua tĩnh mạch chủ trên và dưới - Gồm một thân PVC quần dây với một mũi hình viên đạn đa cổng, thành mỏng, trong suốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	45
262	BVYTDN262	Cannula truyền dung dịch liệt tim lỗ vành lưu lượng cao các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone, thép không gỉ - Kích thước: Chiều dài tổng thể 7,5 in (19,1 cm). Kích cỡ: 12 Fr (4,0 mm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim lỗ vành lưu lượng cao 450, 900, trực bằng thép không gỉ, dễ uốn cong, đầu cân quang dạng lỗ hoặc silicon mềm, cổng kết nối luer cái. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	20
263	BVYTDN263	Cannulan tĩnh mạch đùi loại bi-caval	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Kích thước: 15-29 Fr (5,0 mm-9,7mm), chiều dài đầu tip 23,6 in (60 cm), chiều dài tổng cộng 30 in (72,2 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula tĩnh mạch đùi 2 hoặc đa tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, có thiết kế thành mỏng, chống xoắn, giúp tối đa hóa lưu lượng dòng chảy. Các lỗ bên được định vị trong SVC và IVC gần tĩnh mạch gan cho phép dẫn lưu kiểu bi caval và có lắp tấm nhĩ phải tùy chọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	6
264	BVYTDN264	Ca-nuyn (cannula) động mạch đầu cong cỡ 20 - 22Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 20-22 Fr (6,7 - 7,3 mm), co nối 3/8 (0,95cm) có cổng chiều dài cannula 10 in (25,4 cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula động mạch chủ đầu cong nhựa 90 độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Có đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula, có cổng ở đầu co nối, có cổng Luer-lock. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60
265	BVYTDN265	Ca-nuyn (cannula) động mạch đùi- tĩnh mạch cánh, dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15-17-19-21Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 15-17-19-21Fr (5,0-7,0mm), với chiều dài đầu tip 18 cm, chiều dài tổng cộng 31,8 cm, cổng kết nối 3/8 (9,5mm). 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế wirewound chống xoắn hoặc tương đương, chiều dày thành 0,48 mm cho phép dòng chảy cao, đầu tip với vùng chuyển tiếp không gây thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. - Tính năng: Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	6
266	BVYTDN266	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại, chống xoắn, cỡ 12 - 20Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 12- 20Fr (4,0 - 6,7mm), co nối 1/4 (0,64cm) và 12 - 31Fr (4,0 - 10,3mm) co nối 3/8 (0,95cm) chiều dài cannula 14 in (35,6cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế wirewound chống xoắn hoặc tương đương, chiều dày thành 0,48 mm cho phép dòng chảy cao, đầu tip với vùng chuyển tiếp không gây thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. - Tính năng: Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	45
267	BVYTDN267	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 2 tầng các cỡ 32/40Fr, 36/46Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 32/40Fr (10,7/13,3mm), 36/46Fr (12,0/15,3mm), đầu nối có thông khí 1/2 in (1,27cm), chiều dài cannula 15 in (38,1cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Cannulae tĩnh mạch 2 tầng đặt tại nhĩ phải có nhiều lỗ chia 2 tầng phân biệt, hệ thống dây chống xoắn, thiết kế o-va. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	15
268	BVYTDN268	Ca-nuyn (cannula) truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cannula bằng PVC trong suốt, kim bằng thép không gỉ. - Kích thước: Các cỡ (7-9Fr) chiều dài cannula 12,25 in (31 cm), đầu nối femal - luer. 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn (MIAR). Cannula có đầu chắn bức xạ, đầu tiếp tiêu chuẩn có tính năng flow-guard giúp ngừng chảy máu sau khi rút cannula. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	20
269	BVYTDN269	Ca-nuyn (cannula) truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ. - Kích thước: Chiều dài Ca-nuyn 2,5 in (6,4 cm), cỡ 18G (4Fr) thẳng. Chiều dài Ca-nuyn 5,5 in (14cm) cỡ 12-14Fr (7-9Fr) chữ Y. 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60
270	BVYTDN270	Co nối thẳng có hoặc không có khóa luer các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu nối thẳng có khóa hoặc không khóa Luer Lock các cỡ - Vật liệu Polycarbonate (PC) 2. Tính năng, công nghệ: - Nắp không thông khí vật liệu HDPE (Nắp cho khóa luer lock) - Đóng gói tiệt trùng bằng E.O.	cái	60
271	BVYTDN271	Đầu đo SpO2 (sensor), đường kính đầu nối 1/2", 3/8", 1/4" tương thích máy theo dõi độ bão hòa oxy và hematocrit Biotrend	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC - Thông số: Đường kính đầu nối 1/2", 3/8", 1/4" 2. Tính năng, công nghệ: Ống được phủ lớp heparine chống huyết khối. Tương thích máy theo dõi độ bão hòa oxy và hematocrit Biotrend 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	120
272	BVYTDN272	Ống hút trong tim các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: chất liệu PVC và silicon. - Kích thước: + 12Fr (4mm) với 10 lỗ hút ở đầu hút, chiều dài 12" (30,5cm). + 20Fr (6,7mm) chiều dài 15" (38,1cm). - Đầu nối 1/4" (0,64cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula thân mềm, đầu tiếp hình mũi khoan mềm giúp giảm tổn thương mô, đầu hút nhiều lỗ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60

273	BVYTDN273	Phôi nhân tạo tích hợp đa cấp cho người lớn trên 50kg; có X-coating với màng lọc có lỗ siêu nhỏ	Phôi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate, sợi bằng microporous polypropylene, bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới 47 micromet, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu sâu, chất khử bọt polyurethane. Phôi tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester, lỗ màng lọc 32 micromet, diện tích màng lọc 130 cm ² , 360 cm ² và 600 cm ² . Tráng polymer lưỡng phần tương thích sinh học X-coating. Diện tích màng trao đổi oxy 0,5m ² , 1,5m ² và 2,5m ² . Thể tích mỗi máu 43ml, 144ml và 260ml. Thể tích bình chứa máu 1000ml, 3000ml và 4000ml. Thể tích hoạt động tối thiểu 15ml, 70ml và 200ml. Lưu lượng tối đa, 1,5 lít/phút; 4 lít/phút; 5 lít/phút và 7 lít/phút. Diện tích bộ phận trao đổi nhiệt 0,035m ² ; 0,14m ² và 0,2m ² .	Bộ	30
274	BVYTDN274	Chất nhầy hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sodium Hyaluronate (NaHA); nồng độ ≥1,8% - Kích thước: Thể tích ống syringe ≥1.0 ml; ống tiêm đẩy chứa sẵn . Độ pH 6,8-7,5; độ thẩm thấu từ 250 - 350 (mOsm/ l) 2. Tính năng, công nghệ: Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Không có chứa latex.	Ống	300
275	BVYTDN275	Chất nhầy hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco ống	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sodium Hyaluronate (NaHA); nồng độ ≥1,8%; lên men sinh học. - Kích thước: Dịch nhầy: ống 0.4ml chứa sodium hyaluronate 10mg/ml, Dịch nhầy: Ống 0.35 ml chứa sodium chondroitin sulfate 40mg/ml, sodium hyaluronate 30mg/ml. 2. Tính năng, công nghệ: Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Không có chứa latex. Sản phẩm được khử trùng bằng khí EO.	Ống	200
276	BVYTDN276	Chất nhầy phẫu thuật nhãn khoa	1. Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, dạng cô kết 2. Thành phần Hyaluronate Sodium ≥1,8% (18mg/ml) 3. Dung tích: 0,85 ml 4. Trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton 5. Độ nhớt: 2 triệu mPas 6. Độ thẩm thấu 200-400 mosmol / kg 7. Độ pH 6,8-7,6. 8. Xuất xứ: Châu Âu 9. Đạt tiêu chuẩn FDA	Ống	300
277	BVYTDN277	Dao phẫu thuật nhãn khoa 15 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ thép không gỉ - Kích cỡ: Dao chọc 15 độ, cạnh mài ngang, 2 mặt vát 2. Tính năng, công nghệ: Dao phẫu thuật liên cán có lưỡi sắc bén làm từ thép không gỉ, được thiết kế để tạo đường mổ phụ trong phẫu thuật phaco. Đầu lưỡi dao có hộp bảo 360 độ gắn liền thân dao. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	200
278	BVYTDN278	Dao phẫu thuật nhãn khoa liên cán sử dụng một lần cỡ 2.2-3.2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưỡi thẳng bằng thép không gỉ - Kích cỡ: Size: 2.2mm, 2.4mm, 2.75mm, 2.8mm, 3.0mm, 3.2mm, bề dày 0,14mm 2. Tính năng, công nghệ: - Hai mặt vát, cạnh mài ngang, loại dao này được sử dụng để chọc dò vùng rìa giác mạc trong phẫu thuật điều trị đục thủy tinh thể. - Sự kết hợp các đặc điểm về góc keratome (40,45,50 và 60 độ) và loại cạnh vát cho phép bác sĩ có thể thực hiện nhiều đường cắt khác nhau 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	500
279	BVYTDN279	Thủy tinh thể đơn tiêu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngâm nước ≥25%. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A ≥118.4. Độ sâu tiền phòng ACD ≥ 5.37 - Chỉ số ABBE ≥ 42. - Chỉ số khúc xạ n = 1.46 - Dây diop từ -10 D đến +60 D. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế phi cầu mặt trước. - Lọc tia UV. Góc càng 0°. Càng chữ C. - Vết mổ nhỏ 2.2 mm. Dụng cụ đặt kính đi kèm	Cái	100
280	BVYTDN280	Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh, loại mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Acrylic Hydrophobic giảm sắc sai - Số Abbe: 55; lọc tia UV, bờ sau vuông 360 độ. Chỉ số khúc xạ 1,47; hằng số A: 118,4; càng chữ C, đường kính phản quang học 6mm; chiều dài tổng 13mm; dài công suất từ +6D đến +30D 2. Tính năng, công nghệ: Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, hai mặt cầu,, thiết kế 3 điểm cố định túi bao, dùng kèm Injector và Cartridge.	Cái	20
281	BVYTDN281	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, loại mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 2. Thông số kỹ thuật: Số ABBE -55, mặt sau thấu kính nhiễu xạ 15 vòng, mặt trước phi cầu điều chỉnh cầu sai -0.27 micron; thiết kế 3 điểm cố định; bờ sau vuông liên tục 360 độ; càng chữ C; góc càng 0o; chỉ số khúc xạ 1.47; dài công suất từ +5D đến +34D; được đặt qua vết mổ 2.2mm; Lắp sẵn trong Injector kiểu xoay. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thủy tinh thể mềm đa tiêu cự, kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự, loại 1 mảnh ,màu vàng lọc ánh sáng tím, sắc sai thấp. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. Xuất xứ: G7.	Cái	10
282	BVYTDN282	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu màu vàng nạp sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự không có hiện tượng glistening. Vật liệu: Acrylic không ngâm nước, lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV ≥384nm tại ngưỡng 10%; - Cầu sai tồn dư điều chỉnh về 0. Thiết kế một mảnh đặt trong bao. - Chiều dài tổng: 13.00 mm. - Đường kính optic: 6.00 mm. - Chỉ số khúc xạ: 1.5. - Phi cầu, cầu sai: -0.27um. - Tỷ lệ ngâm nước: <0,5%. - Chỉ số ACD: 5.51; Chỉ số SF: 1.75. - Công suất: từ 0D đến 30D. - Hằng số A: Định danh 118.7; theo công thức SRK/T: 118.9. - Kích thước vết mổ: 2.2mm - 2.4mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế càng chữ C, góc càng 0 độ. - Thiết kế optic hai mặt lồi, bờ cạnh vuông 360 độ vùng quang học và càng. - Thủy tinh thể được nạp sẵn hoàn toàn trong hệ thống đặt kính sử dụng một lần với thao tác một tay.	Cái	100

283	BVYTDN283	Thủy tinh thể nhân tạo kéo dài tiêu cự loại mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: hydrophobic acrylic không có hiện tượng Glistening - Tổng chiều dài kính: từ 10D đến 24.5D: 11.00mm; từ 25D đến 30D: 10.75mm - Đường kính Optic: từ 10D đến 24.5D: 6.00mm; từ 25D đến 30D: 5.75mm. - Chỉ số khúc xạ: 1.53 - Chỉ số Abbe: 42 - Công suất: từ 10D đến 30D bước nhảy 0.5D - Chỉ số pACD: 5.85 (đo bằng giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q) - Hằng số A tính theo công thức SRK/T: 119.40 (đo bằng giao thoa quang học). 2. Tính năng, công nghệ: Thủy tinh thể nhân tạo kéo dài tiêu cự. Thiết kế Polynomial trên bề mặt. - Thiết kế 4 cầng. - TTT lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím. - TTT được lắp sẵn trong cartridge.	Cái	100
284	BVYTDN284	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic, lọc tia UV - Chỉ số khúc xạ: 1.54 - Đường kính tổng thể: 11.78 mm (từ 0.0D đến +9.5D) - Đường kính quang học: 6.15 mm (từ 0.0D đến +9.5D) - Độ sâu tiền phòng: đo sinh trắc học siêu âm: 5.77mm, đo sinh trắc học laser can thiệp: 6,03mm - Hằng số: đo siêu âm A: 119,3, đo sinh trắc học laser can thiệp 119.7 (SRK -T) - Dải công suất: 0.0D - +35D (mức tăng 0.5D) - Kích thước vết mổ dự kiến: 2,0mm 2. Tính năng, công nghệ: Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, một mảnh, màu vàng, đặc điểm phi cầu. Thủy tinh thể đặt sẵn trong súng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	200
285	BVYTDN285	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh đơn tiêu. - Chỉ số sắc sai 55. - Chỉ số khúc xạ 1.47. - Dãy độ từ -10D đến +30D, bước nhảy 0.5D. - Kích thước vết mổ 2.8 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu: Phần quang học Acrylic, phần cầng bằng chất liệu Polymethylmethacrylate (PMMA). - Càng chữ C, bờ sau vuông - Dùng kèm Injector kiểu xoay. - Tiết khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	10
286	BVYTDN286	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự kèm dụng cụ đặt nhân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu chất liệu hydrophobic acrylic không có hiện tượng Glistening. - Tổng chiều dài kính: từ -10D đến 24.5D: 11.00mm; từ 25D đến 35D: 10.75mm - Đường kính Optic: từ -10D đến 24.5D: 6.00mm; từ 25D đến 35D: 5.75mm. - Chỉ số khúc xạ: 1.53 - Chỉ số pACD: 5.85 (Đo bằng giao thoa quang học và 7:7 tính theo công thức Hoffer Q) - Chỉ số Abbe: 42 - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân. - Công suất: từ -10D đến 9D bước nhảy 1D; 10D đến 30D bước nhảy 0.5D & 31D đến 35D bước nhảy 1D - Hằng số A tính theo công thức SRK/T: 119.40 (đo bằng giao thoa quang học) 2. Tính năng, công nghệ: - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím - Thiết kế phi cầu hai mặt lõm. - Thiết kế 4 cầng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 ; CE (Châu Âu)	Chiếc	200
287	BVYTDN287	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, thấu kính phi cầu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Acrylic Hydrophobic giảm sắc sai. 2. Thông số kỹ thuật: - Điều chỉnh cầu sai -0,27 micron; số Abbe: 55; bờ sau vuông 360 độ; chỉ số khúc xạ: 1,47; hằng số A: 118,8; đường kính phần quang học: 6 mm; chiều dài tổng: 13 mm; dài Diop: từ +5D đến +34D. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thủy tinh thể mềm loại 1 mảnh, phi cầu, lọc tia UV, thiết kế 3 điểm cố định túi bao, càng chữ C, Lắp sẵn trong Injector kiểu xoay; Được đặt qua vết mổ: 2.2mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. Xuất xứ: G7.	Cái	100
288	BVYTDN288	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, thấu kính phi cầu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Acrylic không ngấm nước. 2. Thông số kỹ thuật: - Chỉ số ABBE = 55, chỉ số khúc xạ 1,47; Thấu kính phi cầu, điều chỉnh cầu sai -0,27 micron; bờ sau vuông 360 độ liên tục, hỗ trợ ngăn ngừa đục bao sau (PCO); Đường kính thấu kính 6 mm, chiều dài tổng 13 mm.; Dải Diopter: Từ +5,0D đến +34,0D. 3. Đặc tính, tính năng công nghệ: - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, chất liệu Acrylic không ngấm nước, tăng cường thêm tầm nhìn trung gian, sắc sai thấp, thiết kế 3 điểm cố định túi bao; càng chữ C; Lắp sẵn trong Injector kiểu xoay; Đặt qua vết mổ 2,2 mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. Xuất xứ: G7.	Cái	700
289	BVYTDN289	Bộ dẫn lưu thất lưmg ra ngoài	1. Thông số Kỹ Thuật: - Chiều dài catheter là 80cm; có đường kính trong là 0.7mm; đường kính ngoài là 1.5mm - Túi chứa dịch 700ml - Gồm kim 1 kim 14 G, dài ≥ 8 cm và kim ≥ 20 G. Guidewire với nút chặn có thể điều chỉnh 2. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA-CFG.	Bộ	40
290	BVYTDN290	Bộ dụng cụ đồ xi măng thân đốt sống không có bóng	Một bộ gồm: - 02 kim chọc dò, 02 chốt dây, 02 ống dẫn hướng, 02 mũi khoan - 06 ống phân phối và thanh dây xi măng - 01 hộp xi măng xương sinh học Kim chọc dò cán chữ T, 11G Mũi vát 1 bên: Bao gồm kim mũi vát, cán chữ T và nòng (trocar) vật liệu nhựa và thép không gỉ. Xi măng sinh học kèm dung dịch pha Thành phần Xi-măng: Poly-methylmethacrylate: 7,70g; Zirconium dioxide: 12,00g; Benzoyl Peroxide: 0,30g. Đóng gói bao gồm: 20g xi-măng sinh học và 8.5g dung dịch pha. Thời gian đông cứng: từ 7 - 14 phút tùy theo nhiệt độ phòng. Dụng cụ dây Xi - măng vào thân đốt sống. Vật liệu nhựa và thép không gỉ bao gồm: Ống rỗng nòng và dụng cụ đẩy có vạch đo độ sâu để kiểm soát lượng xi măng được đẩy vào. Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	80

291	BVYTDN291	Bộ nẹp vít sọ hình tròn, 6 lỗ vít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Titanium - Gồm 1 nẹp tròn 6 lỗ, đường kính: trong khoảng 20 - 24mm, 2 nẹp thẳng 2 lỗ dài khoảng 15 - 16mm - Đi kèm 10 vít sọ tự khoan, kích thước đường kính: trong khoảng 1.4 - 1.5mm, dài khoảng 3 - 4mm - Sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài khoảng 58 mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài khoảng 180mm. 2. Tính năng: Dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Bộ	150
292	BVYTDN292	Bộ nẹp vít sọ hình tròn, khuyết 1/6, 5 lỗ vít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Titanium - Gồm 1 nẹp tròn khuyết 1/6, 5 lỗ, kích thước: trong khoảng 23 x 18.5 mm - Đi kèm 5 vít sọ tự khoan, kích thước đường kính: trong khoảng 1.4 - 1.6mm, dài khoảng 3 - 4mm - Sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài khoảng 58mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài khoảng 180mm 2. Tính năng: dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não để cố định sọ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Bộ	100
293	BVYTDN293	Dẫn lưu dịch não tủy não thất - ổ bụng kèm catheter dẫn lưu	1. Thông số kỹ thuật: - Buồng chứa kích thước tối đa 20mm - Van điều chỉnh kích thước tối đa 17mm - van trọng lực kích thước tối đa 12mm - Đơn vị điều chỉnh trong các bước 1 cmH₂O trong khoảng từ 0 đến 20 cmH₂O - Đơn vị điều chỉnh d tối đa 4.5mm - Ống thông ổ bụng dài tối thiểu 120cm. - Ống thông não thất tối thiểu 18cm 2. Tính năng: Bộ dẫn lưu dịch não tủy não thất - ổ bụng cảm ứng mềm được sử dụng trong các trường hợp tràn dịch não để loại bỏ dịch não tủy, quản lý cấp thuốc và theo dõi áp lực - Đầu nối do = 1.9mm. Bộ phận điều chỉnh do = 4.5mm Bộ phận trọng lực do = 4.2mm. Ống thông d1 = 1.2mm và do = 2.5mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Bộ	15
294	BVYTDN294	Đĩa đệm cổ nhân tạo có khớp động	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Đĩa đệm cổ nhân tạo có khớp động - CoCrMo và UHMWPE: Vật liệu tương thích sinh học, có bề mặt tiếp xúc được tối ưu hóa, mang lại sự cân bằng hoàn hảo và ma sát tự nhiên giữa bề mặt phẳng và cong. - Đĩa đệm động phun Titan plasma và phủ HA: Thúc đẩy sự phát triển của mô xương để cố định lâu dài. Kích thước: - Độ uốn ±10 độ, góc xoay ±8 độ, góc lệch ±01 độ, giúp kiểm soát được di chuyển - Chiều cao: 4,5mm - 8mm, mỗi bước tăng 1mm. - Chiều dài: 13mm, 15mm, 17mm, 19mm, mỗi bước tăng 2mm. - Chiều sâu: 15mm, 17mm, 19mm, mỗi bước tăng 2mm. - 3 mảnh rời, có gắn kết thành khối, có tính di động - Hình dạng: Hình vòm của đĩa đệm động trên khớp với phần lõm hình vòng cung dưới của thân đốt sống trên, cho phép cấy ghép tiếp xúc chặt chẽ với thân sống. 2. Tính năng, công nghệ: - Đĩa đệm động đốt sống có rãnh cửa nghiêng bên: ngoài vi dây đặc, có ít nhất 4 gai bên trên thân đĩa trên, có ít nhất 6 gai cho thân đĩa dưới mỗi bên đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấy ghép, không cần phải mài và tạo rãnh cho gỗ cao, ngăn ngừa đi lệch và tránh rơi ra ngoài. - Không cần nẹp, vít để cố định, giảm thiểu cho tăng kề cận và ngăn ngừa tình trạng lún và dính. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485; CE	Cái	10
295	BVYTDN295	Đĩa đệm cột sống thắt lưng dạng cong	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PEEK, hợp chất cao phân tử, không cảm quang, tương thích sinh học cơ thể - Kích thước: Dài 27-33 mm, rộng 10mm - 12mm, cao 7-15mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đĩa đệm có thiết kế cong, đầu vào hình viên đạn, có ít nhất 3 vạch cân quang Tantalum để định vị chính xác vị trí của đĩa đệm trong phẫu thuật, dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn, đường TLIF, Cong theo cấu trúc khoang đĩa đệm, mặt trên và mặt dưới của đĩa song song, nghiêng 8°, Có 1 khoang ghép xương, Thể tích nhồi xương từ 0,55 ml đến 1,91 ml, Có thể đặt bất kỳ vị trí nào từ 10° - 65° từ trục của cây đĩa đệm	Cái	45
296	BVYTDN296	Đĩa đệm động cột sống cổ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Kích thước: Chiều cao: 4 - 9 mm - mỗi bước tăng 1 mm. Chiều rộng: 12 mm - 14mm. Chiều dài: 14mm - 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Liên kết nhanh chóng và an toàn giữa xương và bề mặt phục hình của răng sắc nhọn. - Mô hình chuyển động tự nhiên thông qua hình dạng và kiểu inlay/phục hình, sự tương tự giữa mô hình chuyển động của các khớp mặt và chân giả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	5
297	BVYTDN297	Đĩa đệm động cột sống cổ	- Vật liệu: hợp kim Titanium tương thích sinh học - Liên kết nhanh chóng và an toàn giữa xương và bề mặt phục hình của răng sắc nhọn - Mô hình chuyển động tự nhiên thông qua hình dạng và kiểu inlay/phục hình, sự tương tự giữa mô hình chuyển động của các khớp mặt và chân giả - Phù hợp tốt với giải phẫu của thân đốt sống và cải thiện độ ổn định chính nhờ hình dạng giải phẫu của các tấm phục hình - Ứng dụng an toàn và dễ dàng trong các trường hợp có không gian đĩa đệm hẹp với chiều cao phục hình nhỏ - Sử dụng linh hoạt trong các cấp độ thoái hóa khác nhau thông qua các thiết kế cụ thể - Nguy cơ biến chứng thấp nhờ vật liệu an toàn và kỹ thuật phẫu thuật đơn giản Kích thước: - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8, 9 mm - mỗi bước tăng 1 mm - Chiều rộng: 12 mm - 14mm - Chiều dài: 14mm - 16mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Cái	20
298	BVYTDN298	Ghim kẹp sọ não tự tiêu đường kính 16mm	- Chất liệu: Polyester tự tiêu - Tính năng: Ghim kẹp sọ não loại tự tiêu được sử dụng để cố định vật xương sau khi phẫu thuật sọ não, hỗ trợ sự ổn định trong thời gian làm lành, được tái hấp thu và chuyển hóa trong cơ thể. + Không gây chảy máu nên sọ, không ảnh hưởng tới việc phát triển hộp sọ ở bệnh nhân. + Không bị nhiễm từ khi chụp MRI Kích thước: + Gồm 1 trục và 2 đĩa nẹp + Đường kính 16mm + Đóng gói vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	70

299	BVYTDN299	Kẹp túi phình mạch máu não - Clip titanium các cỡ	Kẹp túi phình mạch máu não dùng trong phẫu thuật kẹp túi phình mạch máu não Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Titanium 1. Kẹp túi phình có lỗ cửa sổ - Đường kính lỗ cửa sổ có tối thiểu các cỡ 3.5mm và 5.0mm - Có tối thiểu các loại: mini, tiêu chuẩn, siêu ngắn - Chiều dài lưới có nhiều cỡ trong khoảng 3.0 - 16mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 10mm, có tối thiểu 3.2, 9.1mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 150g 2. Kẹp túi phình không lỗ cửa sổ - Có tối thiểu 2 loại: mini, tiêu chuẩn - Chiều dài lưới trong khoảng 5.0 - 12mm, có tối thiểu các cỡ 5.0, 6.4, 11.0, 12.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 11mm, có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.0, 6.8, 8.8, 10.2mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 180g 3. Kẹp túi phình tạm - Chiều dài lưới có tối thiểu các cỡ 9.0 và 11.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 7.0mm - 8.0mm - Lực đóng trong khoảng 80 - 100g Tiệt trùng EO Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	70
300	BVYTDN300	Lồng titan thay thân đốt sống cổ có tăng đỡ các cỡ	1. Chất liệu: Titanium 2. Thông số kỹ thuật: Hình ô van, size: S,M,L ; Cao: 13mm x 23-60mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lồng titan thay thân đốt sống cổ có tăng đỡ các cỡ - Tự tăng đỡ theo chiều dài thân sống, dễ dàng hơn trong phẫu thuật cắt thân sống - Vận lực để xiết chặt lồng thân sống. - Vận lực để xiết chặt khi điều chỉnh đủ chiều dài với thân sống 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	5
301	BVYTDN301	Lồng titan thay thân đốt sống lưng có tăng đỡ các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: Hợp kim Titanium.. - Hình trụ ô van, có 3 đường kính: - Đường kính 17mm, gồm 3 cỡ: + Size S: chiều cao tối thiểu 23mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 28mm. + Size M: chiều cao tối thiểu 28mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 38mm. + Size L: chiều cao tối thiểu 38mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 60mm. - Đường kính 21mm, gồm 3 cỡ: + Size S: chiều cao tối thiểu 31mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 36mm. + Size M: chiều cao tối thiểu 36mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 47mm. + Size L: chiều cao tối thiểu 47mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 71mm. - Đường kính 27mm, gồm 3 cỡ: + Size S: chiều cao tối thiểu 36mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 41mm. + Size M: chiều cao tối thiểu 41mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 51mm. + Size L: chiều cao tối thiểu 51mm, tăng đỡ chiều cao tối đa 73mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Vận lực bằng ốc khóa để xiết chặt và cố định khi điều chỉnh đủ chiều dài với thân đốt sống lưng. - Thiết kế đơn giản, có khung rỗng để nhồi xương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	5
302	BVYTDN302	Miếng ghép đĩa đệm lõi bên có trục xoay	1. Chất liệu: PEEK 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước: chiều dài 30mm, chiều cao 8,5 mm đến 14,5mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), góc 5 độ 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế: dạng cong có 3 điểm định vị cân quang, có trục xoay đa chiều định vị khi đưa vào khoan đĩa đệm. Dùng trong phẫu thuật TLIF. Khoang nhồi xương lớn với 2 lỗ tròn hỗ trợ lưu thông máu. Tiệt trùng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	80
303	BVYTDN303	Miếng vá tái tạo màng cứng tự tiêu, 10 x 12,5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin - Kích thước 10x12,5cm 2. Tính năng, công nghệ: Miếng vá tái tạo màng cứng. Chống dính với mô não, giảm biến chứng phẫu thuật, khả năng cơ học cao. Tự dính, tự tiêu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	50
304	BVYTDN304	Miếng vá tái tạo màng cứng tự tiêu, 6x6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin - Kích thước 6x6cm 2. Tính năng, công nghệ: Miếng vá tái tạo màng cứng. Chống dính với mô não, giảm biến chứng phẫu thuật, khả năng cơ học cao. Tự dính, tự tiêu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	30
305	BVYTDN305	Miếng vá tái tạo màng cứng tự tiêu, 7,5 x 7,5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin - Kích thước 7,5 x 7,5cm 2. Tính năng, công nghệ: Miếng vá tái tạo màng cứng. Chống dính với mô não, giảm biến chứng phẫu thuật, khả năng cơ học cao. Tự dính, tự tiêu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	30
306	BVYTDN306	Nối khóa thanh dọc đàn hồi	1. Chất liệu: Titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 5,5 dài 15mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Có hai rãnh dọc kết nối tương thích với thanh dọc đàn hồi và lỗ bên trên để bắt vít ốc khóa có chốt. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120
307	BVYTDN307	Ốc khóa thanh dọc đàn hồi	1. Thông số kỹ thuật: Độ cao ốc 5mm. Bước ren xoắn ốc kiểu M9. Có chốt khóa kín hình trụ tương thích thanh dọc đàn hồi. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	240
308	BVYTDN308	Ốc khóa trong, cao 5mm	1. Chất liệu: Titanium Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước: Độ cao ốc 5mm. Bước ren xoắn ốc kiểu M9 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế: Ốc khóa trong tương thích với vít dùng cho hệ thống thanh dọc đàn hồi. Tương thích với mũ vít thiết kế dạng hình vuông thon gọn có 3 rãnh. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	210
309	BVYTDN309	Thanh dọc dùng trong chấn thương - chỉnh hình cột sống lưng dài 71-200 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kiểu đánh hình khối trụ, đường kính 5,5mm, chiều dài 71mm -200mm 2. Tính năng, công nghệ: tương thích với vít đơn trục, đa trục, đa trục đầu dài.	Cái	30
310	BVYTDN310	Thanh dọc Titanium uốn sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, dài 50 - 120 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hợp kim Titanium. - Kích thước: Dài từ 50 đến 120 mm, bước tăng 5 mm. - Uốn cong sẵn, đường kính 5,5 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thanh dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn. - Một đầu thanh dọc nhọn để luồn xuyên qua da và cơ, một đầu lắp dụng cụ để điều chỉnh hướng vào của thanh dọc. - Dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, kỹ thuật bắt vít qua da và bơm xi măng. - Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	30

311	BVYTDN311	Thanh nối dọc dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng, để kết nối với thanh dọc đòn hồi, đường kính 5,5mm, Chiều dài từ 45mm - 80mm	1. Chất liệu: Hợp chất Titanium Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 5,5mm, Chiều dài từ: 45mm - 80mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Một đầu có nối khóa (đường kính 5,5mm, dài 15,5mm) dùng kết nối với thanh dọc đòn hồi 5,0mm. Có lỗ bên trên để bắt ốc khóa có chốt. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120
312	BVYTDN312	Thanh nối dọc dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng, đường kính 5,0mm, dài từ 40mm đến 80mm	1. Chất liệu: PEEK bên ngoài và lõi hợp kim Titanium 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 5,0mm, dài từ 40mm đến 170mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lõi hợp kim Titanium xoắn ốc dạng cấp bên trong. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120
313	BVYTDN313	Thanh nối ngang đa chiều dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, dài 50 - 85 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hợp kim Titanium. - Kích thước: Thanh nối ngang đa chiều dài 50 - 85mm. - Đường kính 5,5 mm. - Chiều dài: 50 - 85 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Xoay đa chiều và chiều dài điều chỉnh được, hai đầu móc hình cong chữ C, giúp đảm bảo ổn định sự kết nối vững chắc. - Có định với thanh dọc bằng 2 vít khóa và 2 vít khóa tự gây. Bao gồm 2 vít khóa và 2 vít khóa tự gây. - Dùng chung với vít, ốc khóa trong và thanh dọc đường kính 5,5 mm và 6,0 mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	5
314	BVYTDN314	Vít chân cung đa trục dùng trong phẫu thuật, loại rồng nòng, đường kính 4,5mm-8,0mm, chiều dài từ 25mm-100mm	1. Chất liệu: Titanium Ti-6Al-4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 4,5mm-8,0mm, chiều dài từ 25mm-100mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Đầu vít có 3 lưỡi giúp vít có thể đi nhanh hơn vào xương. Vít tự taro. Thân vít rồng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100
315	BVYTDN315	Vít chân cung đa trục dùng trong phẫu thuật, loại rồng nòng, ren đôi, kèm vít khóa trong, đường kính 4,5mm-8,0mm, chiều dài từ 25mm-100mm	1. Chất liệu: Titanium Ti-6Al-4V 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính 4,5mm-8,0mm, chiều dài từ 25mm-100mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế vít ren đôi, thích hợp cho bệnh nhân loãng xương, có định hướng nằm trên vít, có khoảng chờ chịu lực trên đầu vít. Thiết kế phù hợp cho kiểu mổ ít xâm lấn. Có thể bơm xi măng vào đốt sống qua thân vít. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	700
316	BVYTDN316	Vít chân cung phủ H.A đa trục các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI, Thân vít được phủ lớp HA (Hydroxylapatite) Kích cỡ: Đường kính thân vít từ 4,0mm đến 7,0mm, bước tăng 0,5 mm. Chiều dài thân vít: từ 20mm đến 60mm mỗi bước tăng 5 mm. Kèm theo ốc khóa trong, đường kính từ 9mm đến 11mm 2. Tính năng, công nghệ: Đầu vít dạng hoa Tulip. Mũi vít nhọn và có 2 rãnh cắt giúp vít tự taro, dễ dàng bắt vào xương. Thân vít có 2 loại ren: 2/3 ren trước là ren bên, bắt vào xương xốp (thân đốt sống); 1/3 ren sau là ren tù, bắt vào vỏ xương (chân cung). Thân vít được phủ lớp HA (Hydroxylapatite) giúp đẩy nhanh quá trình liên kết giữa vít và xương, phù hợp cho bệnh nhân loãng xương. Vít đa trục thay đổi được góc giữa thân và mũi vít. Góc xoay thay đổi từ 0 độ đến 60 độ. Thiết kế của đầu ốc hình ngôi sao/hoa mai, tương thích với các trụ cụ hăng. Ren ốc khóa trong thể hệ mới, giúp chống tháo vít, chống leo ren, giữ chặt thanh nối ROD tạo sự vững chắc cho hệ thống cấy ghép. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	200
317	BVYTDN317	Vít đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống	1. Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V 2. Thông số kỹ thuật: Mũi vít thiết kế dạng hình vuông thon gọn có 3 rãnh, đường kính mũi vít 11,8mm, cao 16mm. Khoảng cách giữa hai ren 1,2mm Thân vít: góc xoay 50 độ, đường kính từ 4,0 đến 8,0mm, chiều dài từ 25 đến 80mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Tương thích với thanh dọc đòn hồi 5,0 mm, và thanh dọc cứng 5,5mm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	450
318	BVYTDN318	Vít đa trục Titanium rồng lồng dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Kích thước: Vít đa trục, độ nghiêng tối thiểu: 25°, góc xoay 60°. - Cấu tạo rồng lồng, đầu vít có ít nhất 4 lỗ để xi măng vào thân sống. - Đường kính: 4,0 mm, 4,5 mm, 5,0 mm, 5,5 mm, 6,0 mm, 6,5 mm, 7,0 mm, 7,5 mm. - Chiều dài từ 25 đến 60 mm, với mỗi bước tăng 0,5 mm. - Dùng với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5,5 mm nếu bắt vít qua da kèm vít khóa trong. - Thân vít xoắn ốc đa hướng tự taro. Cảnh ren đôi trên thân vít, chia làm 2 phần: + Ren lớn cho đầu vít vào dễ dàng. + Ren nhỏ làm bám chắc chân cung. - Công nghệ bước ren đôi (khả năng chống nung nóng và oxy hóa cao), tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. 2. Tính năng, công nghệ: Vít đa trục rồng lồng dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	100
319	BVYTDN319	Vít titanium dùng trong phẫu thuật sọ não	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: ASTM F-136 (Ti-6Al-4V ELI) hoặc Titanium CP1 - Commercially pure 1 và CP3 - Commercially Pure 3 Kích cỡ: 1.6mmx4mm x6. 2. Tính năng, công nghệ: - Vít tự khoan, bước ren đơn. - Khoảng cách giữa các bước ren là 0.97mm, đường kính trong 1.3mm, đường kính ngoài 2.7mm. - Đầu vít hình chữ thập, đầu bắt vít cao 0.94mm, góc vít chìm khi sử dụng với sử dụng tương thích với nẹp sọ não - Độ lệch hướng so với công vào của hệ thống GE signa 3T MR nhỏ hơn 1°. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA	Cái	400
320	BVYTDN320	Dây dẫn đường lối Nitinol phủ ái nước	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Double Angled 90°+150 2. Tính năng, công nghệ: Cấu tạo đồng trục gồm: - Lõi Nitinol siêu dẫn hồi. - Lớp ngoài Polyurethane - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu xa có phần cuộn vàng dài 2cm tăng cường tính cân quang - Đầu xa linh hoạt dài, được vuốt thon 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu) Xuất xứ: G7	Cái	40

321	BVYTDN321	Hạt nhả tải thuốc điều trị ung thư gan	- Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ, không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin và irinotecan lên đến 50mg/ml - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40;75;100 μm. - Tiêu chuẩn: ISO13485, CE - Xuất xứ: G7	Lọ	30
322	BVYTDN322	Hạt nút mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nguồn gốc từ Gelatin. - Kích thước hạt 50 - 150 μm; 150 - 350 μm; 350 - 560 μm; 560 - 710 μm; 710 - 1000 μm; 1000 - 1400 μm; 1400 - 2000 μm; 2000 - 4000 μm. - Thể tích: 20 ml/ống. Mỗi ống chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng. 2. Tính năng, công nghệ: - Các hạt Gelatin có thể tự hấp thụ, dùng để tắc mạch nhằm ngăn hoặc làm giảm lưu lượng máu đi qua. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	lọ	120
323	BVYTDN323	Hạt nút mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần là gồm nhiều hạt hydrogel tương thích sinh học, ái nước, không tái hấp thu, kích thước tùy chỉnh và có thể nạp và rửa giải doxorubicin hoặc irinotecan. Hạt nút mạch được sản xuất từ polyvinyl alcohol (PVA) (1), không bị cơ thể hấp thụ và được hiệu chuẩn chính xác. - Lọ thủy tinh 10 ml chứa 2ml hạt nút mạch được lưu trữ trong 5ml dung dịch vận chuyển - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất kích thước hạt từ 70-150μm; 100-300μm; 300-500μm. - Hạt sau khi tải doxorubicin, Irinotecan bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được tới 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cân quang - Khả năng ngâm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt. - Khả năng ngâm thuốc Irinotecan lên đến 50mg/ml hạt. - Thời gian tải thuốc trong khoảng 30-90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo tải $\geq 98\%$ lượng thuốc tương ứng. Kiểm soát việc phóng thích thuốc trong quá trình điều trị. 2. Tính năng, Công nghệ: - Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Quá trình tải và rửa giải của hạt tải thuốc đạt được thông qua cơ chế trao đổi ion sulfonic thuận nghịch. - Hạt nút mạch được chỉ định để điều trị cục bộ khối u gan ác tính có nhiều mạch máu HVT nguyên phát và thứ phát bao gồm ung thư biểu mô tế bào gan (HCC) khi được nạp doxorubicin và ung thư đại trực tràng di căn gan (mCRC) khi được nạp irinotecan. 3.- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Lọ	30
324	BVYTDN324	Hạt vi cầu nút mạch tải thuốc	Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nhớt và đàn hồi cao - Kích cỡ hạt được hiệu chuẩn chặt chẽ và được đánh dấu nhãn màu giúp dễ nhận diện: 100 $\pm$ 25 μm (đen), 200 $\pm$ 50 μm (vàng), 400 $\pm$ 50 μm (xanh), trình bày dạng ống tiêm nạp sẵn - Thể tích hạt nút mạch 2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch nước muối sinh lý đệm vô trùng (PBS). Mỗi 1ml hạt có thể ngâm 37.5mg Doxorubicin - Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan - Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên 2 phút) - Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Idarubicin, Epirubicin, Irinotecan - Tương thích ống thông đường kính 0.019"	Lọ	100
325	BVYTDN325	Vật liệu nút mạch	- Hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ, không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: 40 μm - 1.300 μm, được mã hóa màu theo kích thước. - Tiêu chuẩn: ISO13485, CE - Xuất xứ: G7	Lọ	30
326	BVYTDN326	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch máu tạng (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận) và mạch máu ngoại biên	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Bọc Tungstent xuyên suốt chiều dài vi ống thông; lớp lót PTFE bên trong, đầu tip Marker Platinum, phủ lớp ái nước Hydrophilic - Kích cỡ: - Phủ lớp ái nước dài: 60cm; 80cm; 110cm. - Đường kính ngoài đầu gần: 2,7F - 2,8F - Đường kính ngoài đầu xa: 1,7F - 1,9F - Tương thích vi dây dẫn: 0,014""; 0,016""; 0,018"" - Chiều dài: 110cm; 125cm; 135cm; 150cm. - Kèm theo vi dây dẫn có đường kính 0,016", chiều dài cân quang 5cm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu chọn lọc.	Bộ	80
327	BVYTDN327	Vi ống thông can thiệp siêu chọn lọc 1.7Fr và 1.9Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: - Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm; 165cm - Progreat λ 1.7Fr: đường kính ngoài 1.7Fr (đầu xa) và 2.8Fr (đầu gần); đường kính trong 0.017" (đầu xa) và 0.023" (đầu gần) - Progreat λ 1.9Fr: đường kính ngoài 1.9Fr (đầu xa) và 2.8Fr (đầu gần); đường kính trong 0.019" (đầu xa) và 0.024" (đầu gần) - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.016" - Kiểu đầu: Angle, Triple Angle, Straight 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp bên không đối xứng cường độ cao - Lớp trong PTFE với lòng ống được vuốt thon - Lớp phủ ái nước hydrophilic M coat, không phủ trên 60cm đoạn gần - Tương thích với: coils 0.018" (1.9Fr); Ethanol; Lipiodol; Vật liệu nút mạch (Epirubicin, Cisplatin, Miriplatin, Doxorubicin); Hạt vi cầu cầu nhỏ hơn 500μm; Vật liệu PVA nhỏ hơn 500μm; DMSO; Các loại chất cản quang thông dụng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	20
328	BVYTDN328	Vi ống thông có lớp trong phủ lớp PTFE, đường kính 2,4 Fr	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cản quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat - Kích cỡ: - Vi ống thông: Kích thước: đường kính: 2,4Fr, chiều dài: 110 cm, 130 cm - Thông số dây dẫn đi kèm: chiều dài 120cm, 140cm. Kích cỡ 0,018" 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểu đầu: 70°; Double angled - Có dây dẫn đi kèm - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Lớp ngoài Polyurethane; - Lớp phủ ái nước hydrophilic 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA - Xuất xứ: G7	Cái	20

329	BVYTDN329	Vi ống thông có lớp trong phủ lớp PTFE, đường kính 2,7 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vi ống thông có lớp trong phủ lớp PTFE, lớp giữa là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang, lớp ngoài phủ lớp ái nước - Vi ống thông loại đồng trục có dây dẫn đi kèm, có đường kính 2,7 Fr. - Chiều dài 110 cm, 130 cm. - Thông số dây dẫn đi kèm kích cỡ 0.021". - Vi ống dẫn có 2 kích cỡ chiều dài 120cm, 140cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có dây dẫn đi kèm - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Lớp ngoài Polyurethane; - Lớp phủ ái nước hydrophilic 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA Xuất xứ: G7	Cái	20
330	BVYTDN330	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại vi	- Bóng được làm từ chất liệu Pebax và được phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đầu tip thuận nhỏ, khẩu kính đầu vào: 0.020" - Có 02 dạng: Monorail và Over-The-Wire - Có điểm cân quang bằng vàng mỗi đầu - Thiết kế thân đồng trục, thời gian xếp (xả) bóng 10 giây - Chiều dài Ống thông (Catheter): 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150cm. - Đường kính bóng: 2-10mm - Chiều dài bóng: 10-220mm - Tương thích dây dẫn: 0.014"/0.018" - Áp lực vỡ bóng tối đa ≤ 14 atm - Tiêu chuẩn: CE, FDA	Cái	20
331	BVYTDN331	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi	- Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Polytetrafluoroethylene (PTFE). - Cấu trúc dây dẫn phẳng để tạo thành một dây dẫn có lõi bên trong lớn hơn. Độ cứng tăng thêm giúp cung cấp thêm lực để đưa vào dễ dàng hơn và tạo ổn định tốt hơn trong quá trình cài đặt và trao đổi ống thông. - Thiết kế đầu tip dạng lò xo - Đầu tip linh hoạt, đầu xa có thể tạo hình 3cm. - Chiều dài: 75cm, 145cm, 180cm và 260 cm. - Loại đầu tip: đầu thẳng, đầu chữ J - Đường kính 0.035", 0.038" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA- CFG, ISO 13485	Cái	10
332	BVYTDN332	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel. - Kích thước: 60x70x150mm; 80x90x150mm; 120x130x150mm. - Đường kính vòng trên lần lượt 60-80-120mm, đường kính vòng dưới lần lượt 70-90-130mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh lần lượt 70-80-120mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 2-10cm. 2. Tính năng, công nghệ: Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rãnh tay trong quá trình phẫu thuật, loại có thể điều chỉnh chiều cao được.	Cái	50
333	BVYTDN333	Bình chứa dung dịch hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: Bình chứa dung dịch hút huyết khối được gắn với máy bơm hút huyết khối, có đầu kết nối với dây nối hút huyết khối. Dung tích bình 1000ml có bộ lọc ngăn chất bẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30
334	BVYTDN334	Bộ cố định thanh nâng lồm ngực	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ ASTM F 138/ ASTM F139. - Kích cỡ: móc cố định có các cỡ 20x12mm, 23x15mm, 25x18mm, 30x18mm 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ gồm miếng cố định dạng clip, móc cố định uốn sẵn, đai ốc, giúp cố định thanh nâng ngực chắc chắn dưới xương ức - Tương thích thanh nâng lồm ngực các cỡ, có thể chụp X-quang, tiệt trùng được bằng hơi nước 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA	Bộ	5
335	BVYTDN335	Bộ dây hút huyết khối ngoại biên 12F	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài 12 Fr. - Chiều dài hoạt động: 100, 115cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	5
336	BVYTDN336	Bộ dây hút huyết khối ngoại biên 7F	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài: 7 Fr. - Chiều dài hoạt động: 130cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	5
337	BVYTDN337	Bộ dụng cụ cố định mạch vành tự bung 3,5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, Silicon, thép không gỉ. - Thông số: Giác hút 30mm, khoảng cách 2 dây giác hút 30mm. 2. Tính năng, công nghệ: Có đặc tính tự bung 3,5mm, giác hút có thể uốn cong linh hoạt, để xoay được 360 độ, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	25
338	BVYTDN338	Bộ dụng cụ vít nội mạch dùng hỗ trợ đặt stent graft	Bộ dụng cụ vít nội mạch cố định khung giá đỡ động mạch chủ được thiết kế giúp cố định và chống di lệch stent graft sau khi đặt, hỗ trợ xử lý rò nội mạch tuỷ 1. - Bộ dụng cụ bao gồm: 01 ống thông điều hướng, 01 bộ điều khiển bắn vít (bao gồm: 01 máy bắn vít và 10 con vít). - Kích thước vít: đường kính 3.0mm, chiều dài 4.5mm. Chất liệu vít: MP35N-LT. - Có 2 loại: + Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ ngực: - Ống thông điều hướng dài 90cm, đường kính ngoài 18Fr. - Điều khiển cầm tay dài 114cm, đường kính ngoài 12Fr. + Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ bụng: - Ống thông điều hướng dài 62cm, đường kính ngoài 16Fr - Điều khiển cầm tay dài 86cm, đường kính ngoài 12Fr. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA.	Bộ	2
339	BVYTDN339	Bộ ống thông (catheter) lấy huyết khối các cỡ 2F-7F, dài 80cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX. - Kích thước: Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F. Dài 80cm. Đường kính bóng lần lượt 4.5mm, 8mm, 10.5mm, 13mm, 13.5mm, 14mm. Thể tích bóng 0.05ml, 0.2ml, 0.75ml, 1.5ml, 1.6ml, 1.75ml. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter lấy huyết khối. Có vạch đánh dấu độ sâu.	Cái	50
340	BVYTDN340	Bộ stent graft cho động mạch chủ bụng và 1 bên động mạch chậu	- Bao gồm 1 miếng chính và tối thiểu 1 miếng phụ để đảm bảo che phủ hết tổn thương trong một lần can thiệp. - Có thiết kế chống gấp gẫy, áp sát thành mạch, hạn chế sự gấp nếp. - Có marker giúp xác định hướng trước- sau của stent. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic, có đường kính ngoài từ 14F đến 20F, bung stent bằng cách xoay tròn. - Đường kính: stent chính: từ 23mm đến 36mm; stent phụ: từ 10mm đến 36mm. - Chiều dài: stent chính: 102mm; stent phụ: từ 49mm đến 199mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA.	Bộ	5

341	BVYTDN341	Bộ van tim động chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò, khung van: Nitinol, chiều cao 50mm → 55mm	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: Nitinol, lá van làm bằng màng ngoài tim bò. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 22mm, 26mm, 30mm - Chiều cao khung khoảng 51mm - 55mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van TCCL: CE.	Cái	2
342	BVYTDN342	Bộ van tim động mạch chủ thay qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ van tim động mạch chủ thay qua da, bao gồm: * Van động mạch chủ: - Khung van: Cobalt-chromium. - Lá van: làm bằng mô của màng ngoài tim bò, được bọc lớp áo bên ngoài bằng Polyetylen Terephthalate (PET). - Đường kính van: 20, 23, 26, 29 mm. - Chiều cao van: 15,5; 18; 20; 22,5 mm. - Thể tích bóng nong van: 11, 17, 23, 33 ml. * Bộ dụng cụ thay van qua đường ống thông kèm trợ cụ: - Ống thông phủ hydrophilic cỡ 14Fr hoặc 16Fr. - Hệ thống nạp van và Commander chuyển van có khả năng uốn cong phía đầu xa giúp đi qua các giải phẫu phức tạp. - Bóng nong: đường kính 16, 20, 23, 25 mm. 2. Tính năng, công nghệ: * Có báo cáo kết quả thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên được đăng trên tạp chí chuyên ngành có uy tín với tổng số ≥ 1000 bệnh nhân, thời gian theo dõi ≥ 5 năm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	1
343	BVYTDN343	Bơm bóng nong mạch máu áp lực cao	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao: - Áp lực tối đa 40 atm. - Thể tích bơm tiêm 30ml. - Bơm bóng với cả áp suất thấp lẫn áp suất cao. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	200
344	BVYTDN344	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Sirolimus	1. Thông số kỹ thuật: Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu bóng: Polyether block amide - Đường kính bóng: 1.50mm -12.00mm - Chiều dài bóng: 20mm - 200mm. - Chiều dài ống thông khả dụng: 45cm - 150cm. - Ống thông tương thích: ≥ 6F - Dây dẫn tương thích: ≤ 0.035". 2. Tính năng, công nghệ: phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm² được phủ bằng công nghệ Nanolute với chất mang thuốc Phospholipid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G20	Cái	20
345	BVYTDN345	Bóng nong cầu nối động tĩnh mạch phủ thuốc Sirolimus	1. Thông số kỹ thuật: Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu bóng: Nylon 12 copolymer - Đường kính bóng: 3mm - 12mm. - Chiều dài bóng tối thiểu 20mm - 200mm. - Chiều dài thân: 45cm - 150cm - Ống thông tương thích: ≥ 7F - Dây dẫn tương thích: 0.035". 2. Tính năng, kỹ thuật: - Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm² được phủ bằng công nghệ Nanolute với chất mang thuốc Phospholipid. 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G20	Cái	20
346	BVYTDN346	Bóng nong động tĩnh mạch	- Bóng nong được thiết kế cho các tĩnh mạch chậu và được sử dụng rộng rãi phạm vi đường kính lớn. Sử dụng dây dẫn 0.035". - Hai điểm đánh dấu cân quang xác định chiều dài làm việc của bóng và hỗ trợ đặt đúng vị trí tổn thương. - Đường kính 14-18mm, chiều dài 2cm, 4cm, 6cm. Đường kính 20-26mm, chiều dài 2cm, 4cm. - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath): 7F/8F/9F/10F/12F - Bóng có áp lực làm việc bình thường 4 - 6atm, Bóng có đường kính nhỏ áp lực tối đa lên tới 18atm - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	30
347	BVYTDN347	Bóng nong động tĩnh mạch chậu đường kính 14-26mm	- Bóng nong được thiết kế cho các tĩnh mạch chậu và được sử dụng rộng rãi phạm vi đường kính lớn. Sử dụng dây dẫn 0.035". - Hai điểm đánh dấu cân quang xác định chiều dài làm việc của bóng và hỗ trợ đặt đúng vị trí tổn thương. - Đường kính 14-18mm, chiều dài 2cm, 4cm, 6cm. Đường kính 20-26mm, chiều dài 2cm, 4cm. - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath): 7F/8F/9F/10F/12F - Bóng có áp lực làm việc bình thường 4 - 6atm, Bóng có đường kính nhỏ áp lực tối đa lên tới 18atm - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	30
348	BVYTDN348	Bóng nong mạch máu các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài khả dụng của catheter: 120cm, 150cm - Đường kính catheter: Đầu xa: 3.1F, đầu gần và giữa: 3.8F - Áp lực thường (NP): 6 atm. - Áp lực tối hạn (RBP): 16 atm cho bóng có Ø 2.0mm - Ø 2.5mm. 14 atm cho bóng có Ø 3.0mm - 4.0mm. - Áp suất vỡ trực tối thiểu: 24 atm - Chất liệu bóng: Nylon Grilamid L25 - Đường kính bóng: 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài bóng: 40mm, 80mm, 120mm, 150mm - Số nếp gấp bóng: 2 nếp gấp với bóng có Ø 2.0mm, 3 nếp gấp với bóng có Ø 2.5mm - 4.0mm, nếp gấp theo chiều kim đồng hồ nhìn từ đầu tip - Tương thích dây dẫn hướng GW ≤ 0.014" - Tương thích với sheath ≥ 4F cho tất cả các cỡ bóng 2. Tính năng, công nghệ: - Bóng có lớp phủ Bioshell công nghệ micropipeting an toàn không tính thể bao gồm Paclitaxel 3.0 µg/mm² và Shellac tỷ lệ (1:1) giúp bảo vệ khỏi sự mài mòn cơ học dẫn đến mất thuốc sớm. - Bóng nong loại bán đàn hồi (semi-compliant) thiết kế dạng trên dây (OTW), thiết kế ống kẹp bilumen đồng trục chống xoắn gấp tốt - Thân catheter chất liệu PA, có ống trục chính làm bằng thép không gỉ để trợ lực đẩy, có lớp phủ ái nước ở đầu xa catheter, giúp bóng dễ dàng vượt qua đoạn mạch gấp khúc, tổn thương khó. - Chiều dài khả dụng của catheter: 120cm, 150cm - Đường kính catheter: Đầu xa: 3.1F, đầu gần và giữa: 3.8F - Áp lực thường (NP): 6 atm. - Áp lực tối hạn (RBP): 16 atm cho bóng có Ø 2.0mm - Ø 2.5mm. 14 atm cho bóng có Ø 3.0mm - 4.0mm. - Áp suất vỡ trực tối thiểu: 24 atm	Cái	20

349	BVYTDN349	Bóng nong mạch máu các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật - Chiều dài khả dụng của catheter: 80cm, 135cm - Áp lực thường (NP): 6 atm. Áp lực tối hạn (RBP): 10 - 16 atm tùy kích thước - Đường kính bóng: 4.0mm - 8.0mm - Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 190mm, 230mm - Chất liệu bóng: Nylon Grilamid L25 - Đường kính ngoài catheter 5.1F - Số nếp gấp bóng: 4 nếp gấp cho Ø 4.0mm và 5.0mm, 5 nếp gấp cho Ø 6.0mm - 8.0mm. Nếp gấp hướng theo chiều kim đồng hồ nhìn từ đầu tip - Tương thích với dây dẫn hướng GW $\leq 0.035"$ - Tương thích với sheath $\geq 5F$ cho bóng có Ø 4.0mm - 6.0 mm. Sheath $\geq 6F$ cho bóng có Ø 6.0mm - 8.0 mm - Hai marker cân quang kích thước làm từ chất liệu Pt/Ir (90/10) cho khả năng cân quang tối ưu - Đầu tip tròn tránh tổn thương dài 5mm ± 0.5mm - Góc vai bóng 22.5 độ 2. Tính năng kỹ thuật, công nghệ - Bóng có lớp phủ Bioshell công nghệ micropipeting an toàn không tinh thể bao gồm Paclitaxel 3.0 µg/mm² và Shellac tỷ lệ (1:1) giúp bảo vệ khỏi sự mài mòn cơ học dẫn đến mất thuốc sớm. - Bóng nong loại bán dẫn hồi (semi-compliant) hệ trên dây OTW có thiết kế ống kép bilumen không đồng trục. Có thể bơm thuốc cân quang hoặc thuốc vào mạch thông qua ống đi dây dẫn. - Thân catheter chất liệu Pebax có lớp phủ ái nước ở đầu xa catheter, giúp bóng dễ dàng vượt qua đoạn mạch gấp khúc, tổn thương khó. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO13485 4. Xuất xứ: EU	Cái	20
350	BVYTDN350	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm ² paclitaxel sử dụng dây dẫn 0,035"	- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm² paclitaxel và chất polysorbate / sorbitol sử dụng dây dẫn 0,035". - Áp suất làm việc bình thường 6 - 7 atm; Bóng có đường kính nhỏ áp lực tối đa lên tới 12 atm. - Đường kính bóng 4 - 10 mm và 12mm - Chiều dài bóng 20 - 150 mm tùy theo kích thước đường kính bóng. - Chiều dài Catheter 75 / 100 / 130 cm. - Được thiết kế trên trục của ống thông khoảng cách 1 cm, làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
351	BVYTDN351	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm ² paclitaxel, dây dẫn 0,014"	- Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc 2 µg/mm² paclitaxel và chất polysorbate/sorbitol, sử dụng dây dẫn 0,014". - Đường kính bóng: 2 - 4 mm; - Chiều dài bóng: 40,80,100,120,150 mm. - Chiều dài Catheter: 100/130/150 cm. - Có điểm đánh dấu cân quang làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
352	BVYTDN352	Bóng nong mạch máu ngoại vi áp lực cao sử dụng dây dẫn 0,035"	- Bóng nong mạch máu ngoại vi áp lực cao, sử dụng dây dẫn 0.035". - Áp suất làm việc bình thường 8 atm. Áp lực vỡ bóng tối đa lên tới 40 atm cho các đường kính từ 4-7mm. - Đường kính bóng: 4 - 10 mm và 12 mm - Chiều dài Catheter 50 / 75 cm. - Chiều dài bóng: 2 - 10 cm tùy theo đường kính bóng. - Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath) có chiều dài 6F/7F/8F tùy theo chiều dài và đường kính bóng. - Bóng làm bằng vật liệu composite với thiết kế dạng sợi bền hơn. - Công nghệ ultra non-compliant (không dẫn hồi) tạo lực căng tối ưu (8 - 40 ATM) để điều trị các vị trí tổn thương khó trị nhưng không làm vỡ bóng. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	30
353	BVYTDN353	Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0,014"	- Bóng nong mạch máu ngoại vi, sử dụng dây dẫn 0.014". - Áp suất làm việc bình thường 6 atm, định mức nổ bóng tối đa 15atm/16atm tùy theo kích thước bóng. - Đường kính bóng: 1.5mm - 5mm - Chiều dài bóng: 2 - 30 cm tùy theo đường kính bóng. - Sử dụng sheath 4F/5F. - Chiều dài Catheter: 150 cm. - Lớp phủ ái nước (Hydrophilic) kép được thiết kế để giảm ma sát. - Thiết kế điểm giúp bóng dễ dàng uốn cong nhẹ nhàng theo hình dạng của tổn thương. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	100
354	BVYTDN354	Bóng nong mạch ngoại vi	- Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.018". - Áp suất làm việc bình thường 6 atm. Bóng có đường kính nhỏ áp suất nổ bóng có thể lên đến 16 atm. - Chiều dài Catheter 75cm/130cm/150cm - Đường kính 2 - 9mm - Chiều dài bóng: 2 - 30 cm tùy theo kích thước bóng. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath) 4F / 5F / 6F. - Lớp phủ ái nước (Hydrophilic) kép được thiết kế để giảm ma sát. - Thiết kế điểm giúp bóng dễ dàng uốn cong nhẹ nhàng theo hình dạng của tổn thương. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	100
355	BVYTDN355	Bóng nong mạch ngoại vi	- Bóng nong mạch máu ngoại vi sử dụng dây dẫn 0.035". - Áp suất làm việc bình thường 8 atm cho đường kính từ 3mm-7mm và 6 atm cho đường kính từ 8mm-12mm. Áp lực vỡ bóng có thể lên tới 21 atm đối với bóng có đường kính nhỏ. - Đường kính 3 - 10mm và 12mm - Chiều dài 20 - 300 mm tùy theo kích thước bóng. - Chiều dài Catheter: 75 / 130 cm. - Sử dụng các dụng cụ mở đường (sheath) 5F / 6F / 7F. - Được thiết kế trên trục của ống thông khoảng cách 1 cm, làm tăng hiệu quả trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	150
356	BVYTDN356	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưới dao nhỏ	- Bóng không giãn nở, có 4 dao cắt xơ vữa gắn dọc theo chiều dài bóng. - Chất liệu bóng polyethylene terephthalate (PET). Thiết kế lưới dao hình chữ T làm từ chất liệu thép (Aermet) - Có 04 lưới dao (dao vi phẫu) gắn trên thân bóng. Lưới dao dài 2cm - Có 02 điểm đánh dấu cân quang bằng Platinum/Iridium dài 0.76mm - Bóng OTW tương thích dây dẫn 0.018" và ống thông 7F - Đường kính: 5,6,7,8 mm - Chiều dài bóng: 20mm - Chiều dài ống thông: 50, 90, 135 cm - Áp suất vỡ: ≤ 10 atm - Tiêu chuẩn: FDA, CE	Cái	10

357	BVYTDN357	Bóng nong ngoại vi	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu bóng: Nylon 12 (Grilamid L25) - Chất liệu Marker: Platinum 10% ± 1% Iridium - Marker cân quang đoạn gần và xa (có marker kép ở đầu xa đối với bóng có chiều dài ≥ 100 mm) - Đường kính bóng: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm. - Chiều dài bóng: 20, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 200, 250, 300 mm. - Áp lực thường: 8-10 atm. - Áp lực gây vỡ bóng: 12-24 atm - Chiều dài khả dụng của ống thông: 40, 80, 135 cm. - Sheath tương thích: 5-7F - Dây dẫn tương thích: 0.035" 2. Tính năng công nghệ - Thiết kế Over-The-Wire (OTW) - Lớp phủ ái nước kép dài 35cm tăng khả năng lần theo dây dẫn (Lớp nền Photo-Polyvinylpyrrolidone Copolymer, Kollidon 90F Polymer Polyvinylpyrrolidone, Photoreactive Phosphoric Acid-Sodium salt + Lớp bọc Photo-Polyvinylpyrrolidone Copolymer, Photo-Polyacrylamide Copolymer, Photoreactive Phosphoric Acid-Sodium salt) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 4. Xuất xứ: OECD	Cái	20
358	BVYTDN358	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da gồm vỏ ngoài và buồng chứa bên trong được làm từ chất liệu Poly Ether Ether Ketone (PEEK) kháng hóa chất cao và độ bền vượt trội, lớp đáy buồng và công ra ống thông làm bằng Titanium, có khả năng chịu được áp lực cao lên đến 325 psi (22,4 bar). Ký hiệu CT giúp xác định port có khả năng bơm thuốc áp lực cao khi quan sát dưới X-quang. + Trọng lượng: 5g, thể tích bên trong buồng: 0,3 ml. Diện tích đáy buồng 29 x 22 mm, chiều cao 11,3 mm đường kính nắp buồng 10,8 mm. - Không chứa Latex, DEHP và PVC. + Hai lỗ khâu lớn tạo điều kiện cố định buồng tiêm + Vòng nối cứng cân quang, tích hợp bảo vệ chống gấp và xoắn ống thông + Ống thông (catheter) bằng vật liệu Silicone/PUR dài 500 mm được đánh dấu laser mỗi cm, đường kính ngoài 6,5 F (2,1mm/2,2 mm), đường kính trong 1,1 - 1,4 mm, luồn theo phương pháp Seldinger + Lưu lượng đạt 10 - 12 ml/phút đối với kim 22 G và 26 - 37 ml/phút với kim 19 G + Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO + Được cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do tại Pháp + Phụ kiện đi kèm buồng tiêm gồm: - Ống thông (catheter) bằng vật liệu Silicone hoặc PUR dài 500 mm - 2 khóa vòng cứng cân quang - 1 kim Surecan thẳng 0.7 mm x 30 mm dùng để xả rửa, hút dịch và gây tê tại chỗ - 1 kim chọc tĩnh mạch 1.3 mm x 1 mm x 70 mm - 1 dây dẫn đường 0.035" x 500 mm đầu J - 1 introducer sheath 9F - 1 syringe Omnifix 10 ml - công xả rửa buồng tiêm - que tạo đường hầm giúp luồn catheter dễ dàng - que nâng tĩnh mạch - kim an toàn không lỗi Surecan Safety II 0.9 mm x 20 mm	Cái	100
359	BVYTDN359	Catheter siêu âm nội mạch	- Ống thông siêu âm nội mạch tần số 30MHz - Chiều dài khả dụng: 135cm - Đường kính ống thông tối đa: 6F - Chiều dài ống kính: 15cm - Đường kính ngoài đoạn thân gần: 3.6F (1.18mm) - Đường kính vùng ảnh được hiển thị: 22mm - Dây dẫn tương thích: 0.018" - Lớp phủ hydrophillic dài 23cm tính từ đầu tip - Dải đánh dấu cân quang được lồng vào trong thân ống thông cách đầu xa 5mm.	Cái	50
360	BVYTDN360	Catheter tiêu huyết khối	- Ống thông tiêu huyết khối các loại, các cỡ: - Kích thước: 4F, 5F - Chiều dài phần mang lỗ thoát dịch, xoắn nghiêng: 5,10,20,30,40,50 cm - Chiều dài ống thông: 45, 90, 135 cm - Có dụng cụ bơm đi kèm - Tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA	Cái	50
361	BVYTDN361	Dây dẫn có lưới lọc dùng can thiệp mạch máu ngoại vi	- Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014", Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm. - Lớp phủ PTFE. Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F - Đầu tip cân quang dạng lò xo xoắn. - Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron giúp lọc tốt mảng xơ vữa nhưng vẫn đảm bảo máu lưu thông liên tục. - Vòng lọc chất liệu Nitinol, cân quang với thiết kế 360 độ. - Chiều dài dây dẫn 190, 300 cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	5
362	BVYTDN362	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.018"	- Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên. Đường kính 0.018 in, chiều dài lý thuyết 110, 150, 200 và 300 cm. - Đầu xa của dây dẫn chứa một dây lõi được bọc một loại polymer có cân quang và được phủ ICE Hydrophillic. - 2 cm đầu xa của dây dẫn có phủ chất cân quang và có thể tạo hình linh hoạt - Chất liệu lõi Scitanium giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng và hỗ trợ đưa thiết bị vào hiệu quả. - Đầu gần của dây dẫn được phủ bằng Polytetrafluoroetylen (PTFE). - Tip load 6gr, 8gr.	Cái	30
363	BVYTDN363	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014"	- Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014", chiều dài 182cm; 300 cm. - Dây dẫn có chiều dài 182 cm có một đoạn đầu gần có từ tính 74 cm, được phủ một lớp polymer fluorin hóa, có thể đạt đường kính ngoài lên tới 0,015 in (0,39 mm). - Dây lõi nhọn đầu phía xa được bọc polymer 10cm hoặc 38cm và phủ Hydrophilic ICE. 2 cm đầu xa của dây dẫn có phủ chất cân quang và có thể tạo hình linh hoạt. Đầu gần của dây dẫn được phủ polymer đã fluorin hóa. - Chất liệu lõi Scitanium giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng và hỗ trợ đưa thiết bị vào hiệu quả. - Tip load 3gr, 6gr. Tùy chọn đầu trơn ngắn và dài để tối ưu hóa độ cứng và khả năng dẫn đường, kết hợp với lõi Scitanium kiểm soát mô men xoắn giúp điều hướng hiệu quả tới tổn thương - Tiêu chuẩn FDA	Cái	30
364	BVYTDN364	Dây dẫn dùng cho ngoại biên, 0,018 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn thông thường dạng lai kết hợp những ưu điểm chính của Nitinol và Thép không gỉ. - Đường kính: 0.018 inch 2. Tính năng, công nghệ: - Loại Long-Tip đầu dài uốn dài - Cuộn lò xo đầu chớp cân quang 3 cm cho khả năng nhìn - Lõi trơn đều được thiết kế với mài lõi không điểm nổi cho kiểm soát xoay siêu việt - Bọc Polymer với phủ ái nước cho khả năng trơn và di chuyển trơn tru - Có hai loại: Dây dẫn đi xuyên với 10 cm Nitinol ở phía xa và Dây Uốn lượn với Nitinol dài 25 cm đầu xa	Cái	50

365	BVYTDN365	Dây dẫn dùng cho ngoại biên, 0,018 inch	1. Thông số kỹ thuật Chất liệu: Dây dẫn thông thường dạng lai kết hợp những ưu điểm chính của Nitinol và Thép không gỉ. Đường kính : 0,018 inch 3. Tính năng công nghệ: - Loại Short-Tip đầu uốn ngắn - Cuộn lò xo đầu chóp cân quang 3 cm cho khả năng nhìn - Lõi thuận đều được thiết kế với lõi không điểm nổi cho kiểm soát xoay siêu việt - Bọc Polymer với phủ ái nước cho khả năng trơn và di chuyển trơn tru - Có hai loại: Dây dẫn đi xuyên với 10 cm Nitinol ở phía xa và Dây Uốn lượn với Nitinol dài 25 cm đầu xa	Cái	50
366	BVYTDN366	Dây nối ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: Dùng kết nối với máy bơm hút huyết khối, có công tắc on/off. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30
367	BVYTDN367	Dù dạng lưới kim loại tự nở thể hệ mới loại 2 cánh, để bít các đường rò bất thường	Thông số kỹ thuật: - Tắc mạch khu vực đặt da dạng. - Tắc mạch nhanh: Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn, đa lớp mang đến tắc mạch nhanh trong lòng mạch. - Chính xác vị trí: Nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch cho chính xác vị trí trong mạch có dòng chảy vừa và mạnh. - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường : Tương thích dụng cụ mở đường 4-7F hoặc ống thông can thiệp 5-9F tùy vào kích thước thiết bị. - Khoảng mạch điều trị được là: 2.0 -17 mm. - Đường kính dù: 3, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22 mm; Chiều dài khi không ép: 6, 7, 9, 10, 12, 14, 16, 18 mm.	Cái	20
368	BVYTDN368	Dụng cụ chọc tách huyết khối có đường kính đầu xa .055in. và .072in.	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu xa: 0,055; 0,072 inch. - Tổng chiều dài: 150, 175 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	5
369	BVYTDN369	Dụng cụ chọc tách huyết khối có đường kính đầu xa .072in. và .110in.	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính đầu chia tách huyết khối 0,072; 0,110 inch. - Chiều dài tương ứng: 150, 190cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2
370	BVYTDN370	Dụng cụ đánh tan huyết khối mạch máu ngoại biên xoay cơ học hình sin cầm tay sử dụng bằng pin	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: Đường kính dây: 0.035", 0.044". Đường kính ngoài ống thông: 6F, 7F. Chiều dài khả dụng: 65cm, 135cm. Biên độ dây hình sin: 9mm, 15mm. - Đặc tính: Dây cân quang với thiết kế dây cong dạng hình sin tương thích với nhiều đường kính lòng mạch máu. Làm tan huyết khối bám trên thành mạch và giảm nguy cơ tổn thương nội mô. Số vòng đánh 4000 vòng/phút. Sử dụng pin lõi kép giúp tăng thời lượng và thời gian hoạt động, duy trì lực xoắn qua các khúc cong. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	2
371	BVYTDN371	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật - Chỉ Monofilament Polypropylene, đường kính 0.0088", chiều dài tối thiểu 20" - Kim: Đồng thép không gỉ 300, đường kính 0.021" - Vỏ: Polyether Block Amide, đường kính 0.113", chiều dài 8.8" 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F - Chỉ định cho lỗ vào động mạch 5-21F 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	200
372	BVYTDN372	Dụng cụ đóng mạch máu cho lỗ chọc từ 12F cho đến 25F.	1. Thông số kỹ thuật Dụng cụ đóng mạch máu cho lỗ chọc từ 12Fr cho đến 25Fr. Một bộ thiết bị bao gồm: - Một sheath 14Fr hoặc 18Fr. - Một dụng cụ đóng mạch 14Fr hoặc 18Fr. - Một dụng cụ mở đường (introducer) 14Fr hoặc 18Fr. - Một thanh thăm dò độ sâu. 2. Tính năng, kỹ thuật Đóng lỗ động mạch bằng phương pháp kẹp giữa bởi mô neo trong lòng động mạch (chất liệu Poly Lactic-co-Glycolic Acid có khả năng hấp thụ sinh học) và miếng collagen ở ngoài động mạch (tự tiêu hoàn toàn sau 90 ngày). Khôa cố định có cân quang được làm bằng thép không gỉ được nối với chỉ polyester giúp cố định và đánh dấu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và FDA. 4. Xuất xứ: G20	Bộ	50
373	BVYTDN373	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo gồm các thành phần sau: Dụng cụ đóng mạch 01 dây dẫn cỡ 0,035" hoặc 0,038" dài 70cm 01 dilator 01 sheath - Thông số: Cỡ 6Fr và 8Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. - Neo tự tiêu sinh học: được thiết kế phù hợp với thành động mạch, không gây xơ trộn dòng chảy mạch máu và hẹp mạch. - Collagen tự tiêu sinh học: thiết kế phù hợp với kỹ thuật chọc mạch. - Chỉ tự tiêu sinh học: kết nối neo và collagen, đảm bảo đóng mạch hiệu quả. - Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA Xuất xứ: G7	Cái	500
374	BVYTDN374	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	1. Thông số kỹ thuật: - Góc 45° liên tục không khác mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360°. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng; - Sử dụng được 25 băng đạn trong một ca phẫu thuật. - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm bằng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm bằng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Thiết kế thuận tiện cho việc sử dụng (ergonomic design). - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Cái	120
375	BVYTDN375	Dụng cụ lấy dị vật 1 vòng trong mạch máu	1. Được thiết kế 1 vòng với góc 90 độ sử dụng trong hệ thống mạch máu hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại HALO 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, vòng xoắn được mạ vàng quan sát tốt dưới huỳnh quang, Dải marker cân quang bằng platinum-iridium. 3. Kích cỡ : 2mmx175/200cm, 4mmx175/200cm, 5 mm x 120cm, 7mmx175/200cm, 10mm x 65/120cm, 15mm x 120cm, 20mm x 120cm, 25mm x 65/120cm, 30mm x 120cm, 35mm x 120cm. Catheter : 3Fr, 4Fr và 6Fr. Chiều dài catheter : 48 cm, 102 cm, 150 cm, 175 cm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque Xuất xứ: G7	Cái	10

376	BVYTDN376	Dụng cụ lấy dị vật 3 vòng trong mạch máu Snare kích thước nhỏ	1. Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cân quang. 3. Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp. Kích thước làm việc: 2-4 mm x 175cm, 4-8mm x 175cm. Catheter 3.2F, chiều dài catheter : 150cm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque Xuất xứ: G7	Cái	10
377	BVYTDN377	Dụng cụ lấy dị vật 3 vòng trong mạch máu Snare kích thước lớn	1. Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cân quang. 3. Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp. Kích thước làm việc: 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Catheter 6F và 7F, chiều dài catheter : 100cm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CE 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque Xuất xứ: G7	Cái	10
378	BVYTDN378	Dụng cụ nút mạch bằng dùi	Thông số kỹ thuật: - Dùng nút mạch cho khu vực ngắn. - Thiết kế nhỏ gọn: Ý tưởng thiết kế lưới Nitinol một cuộn cho khu vực đặt ngắn. - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường: Tương thích với dụng cụ mở đường 4-6F hoặc ống thông can thiệp 5-8F tùy thiết bị. - Khoảng mạch điều trị được là: 2,5-12,5 mm. - Đường kính dùi: 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 mm. - Chiều dài khi không ép: 7, 8 mm.	Cái	10
379	BVYTDN379	Dụng cụ thổi CO2 (blower) có đường bổ sung nước trong mô mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon, đầu ống có thể uốn - Tính năng, công nghệ: Dụng cụ thổi CO2 trong mô mạch vành, có chức năng phun sương áp lực cao giúp bóc lớp mạch vành khi phẫu thuật - Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	50
380	BVYTDN380	Giá đỡ (stent) cho mạch máu ngoại biên, đường kính: 5-10mm, dài 18-58mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Khung stent CoCr (L605) - Dùng được sheath 6F với tất cả các size. Kích thước đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm - Tính năng, công nghệ: Stent dùng cho mạch máu ngoại biên, nong bằng bóng. Khung stent CoCr có đường kính trước khi bung nhỏ nhất, khả năng đẩy và lái qua tổn thương tốt nhất.	Cái	50
381	BVYTDN381	Giá đỡ (stent) động mạch có lớp bao ePTFE bung bằng bóng đường kính 5-12mm, dài 26-58mm	- Giá đỡ động mạch có lớp bao ePTFE, bung bằng bóng (covered Stent), làm bằng vật liệu thép không rỉ mới và được bao phủ bởi hai lớp ePTFE với độ dày 10 – 40 µm; - Lớp ePTFE dạng vi xốp cải tiến giúp hạn chế sự tăng sinh của tầng sinh lớp nội mạc của mạch máu; - Thiết kế nón bóng ngăn để giảm thiểu các nguy cơ của ống thông bị rơi trong kỹ thuật kissing stent; - Chiều dài Cover Stent: 16 - 58mm, thay đổi tùy thuộc vào đường kính Cover Stent - Đường kính Cover Stent: 5 - 10 mm và 12 mm - Chiều dài Catheter: 80 / 135 cm; - Bóng có áp lực làm việc bình thường 8 atm và áp lực vỡ bóng 12 atm; - Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath) 6F / 7F / 8F; - Sử dụng dây dẫn 0.035 - Tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
382	BVYTDN382	Giá đỡ động mạch chủ, mạch máu ngoại vi có màng bọc đường kính 12-24mm, dài 19-58mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Coban - Chrom (L605) được bọc bởi 1 lớp graft ePTFE dày 200µm. - Tương thích với sheath 9Fr - 14Fr. - Đường kính 12 - 24 mm, dài 19 - 58 mm. - Chiều dài ống thông có 2 loại 75cm và 120cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Stent can thiệp mạch máu ngoại biên-chủ có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20
383	BVYTDN383	Giá đỡ mạch máu ngoại vi dùng cho tĩnh mạch đường kính 10-18mm, dài 60-150mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu hợp kim Nitinol - Kích thước: Đường kính 10, 12, 14, 16, 18 mm, dài 60, 80, 100, 120, 150mm. - Tương thích sheath 10Fr với tất cả các size 2. Tính năng, công nghệ: - Giá đỡ mạch máu ngoại vi dùng cho tĩnh mạch được chỉ định cho các trường hợp tắc, nghẽn, huyết khối tĩnh mạch chậu, đùi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20
384	BVYTDN384	Giá đỡ mạch máu ngoại vi tự bung	- Khung giá đỡ mạch máu ngoại vi tự bung tương thích dây dẫn 0.014" hoặc 0.035" - Được làm bằng hợp kim nitinol (nickel, titanium) với thiết kế dạng lưới xoắn ốc tạo khả năng linh động. - Thiết kế đặc biệt 12 marker nằm ở hai đầu, sáu ở mỗi đầu. Ba ở mỗi đầu là các đầu tantalum cân quang và ba được làm từ nitinol (hợp kim nickel-titanium). - Các điểm đánh dấu cách nhau mỗi điểm 1cm và điểm đầu là 5cm - Hệ thống bung stent bằng 3 trục - Tương thích dụng cụ mở đường 5F - Đường kính Stent: 5 - 7mm - Chiều dài Stent: 20 - 170mm với đường kính 5mm - Chiều dài Stent: 20 - 150mm với đường kính 6mm - Chiều dài Stent: 20 - 120mm với đường kính 7mm - Chiều dài catheter: 80cm hoặc 135cm - Tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
385	BVYTDN385	Giá đỡ nong mạch máu ngoại biên bung bằng bóng (chậu), dây dẫn: 0,035"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Stainless Steel. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). - Độ dày thân stent: 160µm (đường kính 5mm-8mm), 180µm (đường kính 9mm-10mm). - Đường kính: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. - Chiều dài: 15mm, 25mm, 38mm, 56mm. - Chiều dài hệ thống: 80cm, 130cm. - Hệ thống dây dẫn: 0,035". 2. Tính năng, công nghệ: - Giá đỡ bung bằng bóng. - Thiết kế hệ thống: Over the Wire. Marker: 2 marker rập khuôn (bóng).	Cái	30
386	BVYTDN386	Guide wire 0.035 - 260	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat Hình dạng đầu: đầu cong, đầu thẳng (Angled, Straight) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035" Đạt chứng nhận CE và FDA	Cái	130

387	BVYTDN387	Guide wire 0.014 - 180	- Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm - Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ - Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating - Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một đầu - Hypercoat: hai đầu	Cái	50
388	BVYTDN388	Hệ thống kim sinh thiết tự động Achieve hoặc tương đương, nhiều kích cỡ.	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm + Độ lớn của kim: 14G, 16G, 18G, 20G. 2. Tính năng, công nghệ: Hệ thống kim sinh thiết tự động dùng trong thủ thuật sinh thiết mô mềm như thận, gan, tuyến tiền liệt, lá lách, hệ bạch huyết và các khối mô mềm khác. Ba chế độ lấy mẫu: Tự động, Bán tự động, Thủ công.	Cái	150
389	BVYTDN389	Khung giá đỡ (stent) tĩnh mạch tự bung đường kính 10-20mm, dài 40-160mm	- Stent tĩnh mạch được thiết kế để điều trị tĩnh mạch chậu đùi không huyết khối và sau huyết khối - Đầu lọc 3 mm được thiết kế để giảm di chuyển stent và tối đa hóa vị trí áp sát thành mạch - Được thiết kế để sử dụng trong tắc nghẽn tĩnh mạch chậu - Kết cấu mở, thiết kế linh hoạt để phù hợp với độ cong của mạch trong khi duy trì đường kính - Đường kính Stent : 10 - 20 mm - Chiều dài Stent: 40 - 160 mm - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm; - Sử dụng dụng cụ mở đường 8F / 9F / 10F tùy thuộc vào đường kính Stent - Tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
390	BVYTDN390	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc tự bung đường kính 6-10mm, dài 30-100mm	- Giá đỡ động mạch có lớp bao ePTFE, tự bung - Làm bằng hợp kim nitinol (nickel, titanium) - Thiết kế nhiều điểm (marker) bằng kim loại (Tantalum) ở đầu xa và gần của stent - Lớp carbon hoạt tính sinh học được thiết kế để giảm kết tập tiểu cầu ở giai đoạn đầu - Đường kính Cover Stent : 6 - 10 mm - Chiều dài Cover Stent: 30 - 100 mm - Chiều dài Catheter: 80 / 120 cm; - Tương thích dây dẫn 0.035" - Sử dụng dụng cụ mở đường (Sheath) 8F / 9F - Tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
391	BVYTDN391	Khung giá đỡ động mạch ngoại vi phủ thuốc	- Giá đỡ mạch ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel (SFA, khoeo gần có đường kính mạch tham chiếu từ 4-6mm) - Chất liệu Nitinol (hợp kim Niken-titan), mật độ phủ thuốc 0.167 µg/mm². Paclitaxel được chứa trong hỗn hợp nền polymer citrate ester - Đầu gần và đầu xa của stent được đánh dấu cân quang bằng Tantalum - Đường kính: 6,7mm - Chiều dài: 40,60,80,100,120,150mm - Chiều dài Catheter: 75cm, 130cm - Sheath tương thích: 6F. Dây dẫn tương thích: 0.035" - TCCL: FDA-CFG	Cái	10
392	BVYTDN392	Khung giá đỡ mạch ngoại vi	- Giá đỡ mạch ngoại vi (SFA, Khoeo gần) - Chất liệu Nitinol (hợp kim niken-titan), thiết kế kết hợp closed cell và open cell. - Ở mỗi đầu của giá đỡ (Stent) có 4 điểm đánh dấu cân quang bằng Tantalum. - Đường kính: 5-8mm - Chiều dài: 20mm - 200mm - Chiều dài ống thông (Catheter): 75cm, 130cm - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Ống thông tương thích: 6F - TCCL: FDA-CFG	Cái	10
393	BVYTDN393	Kim chọc mạch siêu nhỏ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chọc siêu âm: thép không gỉ. Các điểm cân quang bằng Palladium hay Platinum. Dây dẫn làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc nitinol mềm dẻo, đầu tip bọc vàng. - Kích cỡ kim: 21 gage. Chiều dài kim: 7cm, 4cm. Sheath có kích cỡ: 4,0Fr, 5,0Fr, dài 7cm hoặc 10cm và Guide Wire có đường kính 0,018 inch và chiều dài 40cm. 2. Tính năng, công nghệ: Kim có kích cỡ nhỏ có thể mở đường vào các động mạch như động mạch đùi, động mạch quay, động mạch khoeo, động mạch mu bàn chân cũng như các động mạch kích cỡ nhỏ khác dễ dàng. Chọc siêu âm giúp bác sĩ dễ thao tác và chắc chắn, bền bỉ. Ống thông nòng có cấu tạo mềm, mảnh do đó không gây phản ứng co mạch khi tiến hành chọc mạch máu để mở đường	Bộ	100
394	BVYTDN394	Mạch máu nhân tạo chữ Y dài 45cm có ngấm tẩm gelatin (các cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: 14mm x 7mm x 45cm, 16mm x 8mm x 45cm, 18mm x 9mm x 45cm, 20mm x 10mm x 45cm 2. Tính năng, công nghệ: Mạch máu nhân tạo chữ Y với công nghệ ngấm tẩm gelatin thủy phân độc đáo, không bị tình trạng thủng tổ ong, bền chặt với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũi khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng.	Cái	20
395	BVYTDN395	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, công nghệ dệt kim, cấu trúc nhung đôi, tẩm Gelatin, đường kính 26 đến 36 mm, dài 30 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi polyester (polyethylene terephthalate) - Được ngấm tẩm với Gelatin bò biến tính có thể hấp thụ được. - Mật độ gelatin (Polygelin): 3,4-6,5 mg/cm² thành mạch. - Độ xốp ban đầu bằng 0 ml/min/cm². - Kích cỡ: đường kính 26 - 36 mm, chiều dài 30 cm 2. Tính năng, công nghệ: Mạch máu nhân tạo loại thẳng được sản xuất từ công nghệ dệt kim sợi cuộn, cấu trúc nhung đôi - Dùng trong thủ thuật tái cấu trúc động mạch chủ. - Không bị rỉ/ lỗ trên bề mặt, kỹ thuật tẩm không chứa aldehydes, tương thích sinh học. - Lực giữ vết khâu cao 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	5
396	BVYTDN396	Mạch máu nhân tạo thẳng có ngấm tẩm gelatin (các cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: tẩm gelatin - Kích thước: (08-32)mm x (20-30)cm 2. Tính năng, công nghệ: Mạch máu nhân tạo thẳng với công nghệ tẩm gelatin có thể thủy phân độc đáo, chống nhiễm trùng, chống chảy máu, không bị tình trạng thủng tổ ong, bền chặt với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũi khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng	Cái	5

397	BVYTDN397	Miếng và sinh học tự tiêu Polyglycolic acid	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Polyglycolic acid (PGA) 2. Tính năng, công nghệ: - Có khả năng tự tiêu hủy sinh học, tự tiêu trong 15 tuần, tương thích sinh học cao, dễ dàng nhận biết với các mô xung quanh khi sử dụng.	Cái	50
398	BVYTDN398	Miếng và sinh học và tim, và mạch máu và sọ não cỡ 4 x 6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao - Độ dày 0,55mm +/- 0,2mm. Cỡ 4x6cm 2. Tính năng, công nghệ: để khôi phục lại mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc động mạch chính xác. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim. - Tương thích sinh học, độ bền kéo tuyệt vời và duy trì đường khâu chắc chắn, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, độ dày Collagen đồng nhất để khâu dễ dàng hơn	Miếng	15
399	BVYTDN399	Nẹp xương sườn 13 lỗ	Mô tả: - Chất liệu: Hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Chiều dài nẹp: 98mm - Số lỗ bắt vít: 13 lỗ - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: OECD	Cái	140
400	BVYTDN400	Nẹp xương sườn 17 lỗ	Mô tả: - Chất liệu: Hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Chiều dài nẹp: 128mm - Số lỗ bắt vít: 17 lỗ - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: OECD	Cái	280
401	BVYTDN401	Nẹp xương sườn 9 lỗ	Mô tả: - Chất liệu: Hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Chiều dài nẹp: 68mm - Số lỗ bắt vít: 9 lỗ - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: OECD	Cái	140
402	BVYTDN402	Ống thông (Catheter) hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên	- Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, sử dụng dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035". - Chiều dài catheter 65/90/135/150 cm. - Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath): 4F, 5F - Tối ưu hóa khả năng đẩy và khả năng đo chiều dài tổn thương một cách độc đáo. Mỗi vạch trắng và đen trên trục của ống thông cách nhau 1 cm, mỗi 10 cm có 1 vạch kép. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA-CFG	Cái	200
403	BVYTDN403	Ống thông (dây đốt) laser	1. Thông số kỹ thuật: - Phát xạ một dải tỏa tròn xuyên tâm chiều dài đến 4 mm. - Chiều dài dây: 2,5 m. - Đường kính dây 400 µm và 600 µm. - Đường kính đầu phát tia 1,3 mm; 1,6 mm và 1,8 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông (dây đốt) dùng trong điều trị suy giãn tĩnh mạch.	Cái	100
404	BVYTDN404	Ống thông (dây đốt) tĩnh mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu tip phát quang phóng tia tỏa tròn 360° góc lệch 60 độ so với trục sợi quang. - Chiều dài tiêu chuẩn: 2.5m - Đường kính lõi sợi quang: 400 µm và 600 µm. - Đường kính ngoài (đầu sợi): 1,3 mm; 1,6 mm và 1,8 mm. - Bước sóng 1470 nm 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông (dây đốt) dùng trong điều trị suy giãn nội tĩnh mạch cho tĩnh mạch hiển lớn và tĩnh mạch hiển bé. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	100
405	BVYTDN405	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch đường kính: 4F, 5F, 6F, chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE - Đường kính: 4F, 5F, 6F, chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm, Dây dẫn: 0.035" 2. Tính năng, công nghệ: Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng, lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chỉ 5F và 6F), Marker thấy rõ dưới cân quang) - Lớp phủ ái nước tĩnh từ đầu tip giúp tăng độ trơn láng. - Đầu tip màu tím, thon dần. - Vật liệu: Nylon - Có 3 điểm đánh dấu cân quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu xa. - Dây dẫn tương thích: 0.014", 0.018", 0.035" - Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm.	Cái	100
406	BVYTDN406	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên	- Lớp phủ ái nước tĩnh từ đầu tip giúp tăng độ trơn láng. - Đầu tip màu tím, thon dần. - Vật liệu: Nylon - Có 3 điểm đánh dấu cân quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu xa. - Dây dẫn tương thích: 0.014", 0.018", 0.035" - Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm.	Cái	20
407	BVYTDN407	Ống thông hút huyết khối	Ống thông hút huyết khối dùng để loại bỏ qua da các huyết khối và huyết khối xơ vữa từ các tắc nghẽn cấp, bán cấp và mạn tính của các động mạch. - Được chỉ định cho các mạch máu tự nhiên hoặc mạch máu có lắp giá đỡ, đoạn ghép giá đỡ hoặc bắc cầu tự nhiên hoặc nhân tạo. Chống chỉ định cho các mạch máu thuộc hệ thống tuần hoàn tim phổi, mạch vành và não - Chiều dài ống thông: 85/110/135 cm - Được thiết kế để điều trị các đường kính mạch máu: 3-12 mm - Đường kính ngoài của ống thông: 2 mm, 2 ½ mm, 3 ½ mm - Số vòng quay: 40.000 - 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa (lượng máu mất tối đa): 45-130 ml/phút. - Cỡ: 6F/8F/10F - Một bộ bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn bọc vô trùng và túi gom - Tốc độ bóc tách vật chất gây tắc khối lòng mạch lên đến 1cm/giây - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	30
408	BVYTDN408	Ống thông hút huyết khối 6F	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu gần/xạ: 6F/6F. - Chiều dài 135 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	5
409	BVYTDN409	Ống thông hút huyết khối 8F	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu gần/xạ: 8F/8F. - Chiều dài 85 cm và 115 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	20
410	BVYTDN410	Ống thông hút mảng xơ vữa và huyết khối	- Ống thông bao gồm nằm lưới cắt phía trước tác động trực tiếp vào vùng tổn thương và hỗ trợ điều trị các mạch máu bị hẹp nghiêm trọng hoặc tắc nghẽn - Chức năng hút liên tục và linh hoạt giúp loại bỏ cơ học các mảnh vụn, hỗ trợ giảm nguy cơ huyết khối tái phát và làm giảm khối tổn thương - Đường kính đầu ống thông: 1.6mm, 1.85mm. - Chiều dài ống thông 145cm - Ống thông tương thích: 7F - Dây dẫn tương thích: 0.014" (0.36mm), chiều dài dây dẫn trao đổi 300cm	Cái	5

411	BVYTDN411	Ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối	- Hệ thống ống thông bao gồm năm lưỡi cắt phía trước tác động trực tiếp vào vùng tổn thương và hỗ trợ điều trị các mạch máu bị hẹp nghiêm trọng hoặc tắc nghẽn - Chức năng hút liên tục và linh hoạt giúp loại bỏ cơ học các mảnh vụn, hỗ trợ giảm nguy cơ thrombus tắc xa và làm giảm khối tổn thương - Đường kính đầu ống thông: 2.1mm, 2.4mm - Các lưỡi dao có thể bung tới đường kính 3.0mm (đường kính ban đầu 2.1mm) và 3.4mm (đường kính ban đầu 2.4mm) - Chiều dài ống thông 135cm (đường kính 2.1mm), 120cm (đường kính 2.4mm) - Ống thông tương thích: 7F - Dây dẫn tương thích: 0.014" (0.36mm), chiều dài dây dẫn trao đổi 300cm	Cái	5
412	BVYTDN412	Ống thông khoan cắt màng xơ vữa bằng laser	- Thông số kỹ thuật: Ống thông khoan cắt màng xơ vữa bằng laser Kích cỡ từ 0.9mm đến 2.35mm. Ống thông kích cỡ 2.0mm và 2.35mm có tích hợp ống hút huyết khối để hút huyết khối ở vùng lân cận. Chiều dài khả dụng ≥ 110cm, có phủ lớp ái nước - Tính năng, công nghệ: Ống thông khoan cắt màng xơ vữa bằng laser có bước sóng 355nm và mức năng lượng laser từ 50 - 60 mJ/mm² - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và FDA (Hoa Kỳ) - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
413	BVYTDN413	Sheath mở đường	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PTFE (sheath), dây dẫn kim loại với lõi lò xo thép không gỉ - Kích thước: 5, 6, 7, 8F - Chiều dài sheath: 8cm, 11cm - Kích cỡ kim: 21G (loại dành cho mạch quay), 18G (loại dành cho mạch đùi) - Tính năng công nghệ: - Đầu tip thiết kế thuận lợi giúp giảm thiểu tổn thương mạch máu. - Lòng trong ống rộng giúp chuyển tiếp mượt mà giữa que nong và sheath - Lớp phủ ưa nước (hydrophilic) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE - Xuất xứ: G20	Cái	100
414	BVYTDN414	Shunt tạm trong bắc cầu mạch vành	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone - Kích thước: Đường kính từ 1.0-3.0mm chiều dài 14mm - Tính năng, công nghệ: Ống dẫn nội mạch dùng trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành, 2 đầu ống được thiết kế thuận lợi được đánh dấu cân quang. Thân ống được buộc bằng 2 sợi chỉ với thể đánh dấu cân quang ghi cỡ ống dẫn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CPG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50
415	BVYTDN415	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có màng bọc, đường kính 5 đến 10 mm, dài 18-58mm	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu Coban - Crom (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày 203$\pm$25μm - Tương thích với sheath 6Fr - 7Fr, đường kính 5 - 10 mm, dài 18 - 58 mm - Tính năng, công nghệ: Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	30
416	BVYTDN416	Stent graft động mạch chủ bụng	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Stent (Nitinol), Graft (Polyester đa sợi mật độ cao) - Kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F - 20F (phần thân chính) 16F (phần nối dài). Đường kính của Stent từ 23mm đến 36mm đối với thân chính và từ 13mm đến 19mm đối với thân nối dài. - Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho phình và bóc tách ĐMC Bụng Châu E-tegra. Thiết kế giúp chống gấp gẫy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. Phần Sheath phủ Hydrophilic giúp đi đến tổn thương tối hơn nhất là đối với những trường hợp mạch máu gấp khúc lớn & thiết kế lớp phủ stent đang dệt giúp chống gấp gẫy. Có khóa an toàn giúp giảm rủi ro trong thủ thuật. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	20
417	BVYTDN417	Stent graft động mạch chủ bụng	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: hợp kim Nitinol với lớp phủ bằng polyester - Đường kính stent chính: 23 đến 36 mm, chiều dài: 103 mm - Đường kính stent nhánh: đầu gần 16 mm, đầu xa từ 10 đến 28 mm, chiều dài: 82, 93, 124, 156 và 199 mm - Đường kính dụng cụ: 18 đến 20Fr, - Tính năng, công nghệ: Stent graft động mạch chủ bụng được thiết kế giúp áp sát vào thành mạch và tránh tạo nếp gấp. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	15
418	BVYTDN418	Stent graft động mạch chủ bụng bổ sung	- Chất liệu: Stent (Nitinol), Graft (Polyester đa sợi mật độ cao) - Thông số kỹ thuật: Đường kính của Stent từ 13mm đến 27mm - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Phù hợp với bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng phía trên để sử dụng khi cần ghép thêm cho bệnh nhân. Có thiết kế giúp chống gấp gẫy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	15
419	BVYTDN419	Stent graft động mạch chủ bụng loại bổ sung	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hợp kim Nitinol với lớp phủ bằng polyester - Đường kính khung giá đỡ: đầu gần 16 mm, đầu xa từ 10 đến 28 mm, chiều dài 82, 93, 124, 156 và 199 mm. Đường kính dụng cụ 14 đến 18Fr. - Tính năng, công nghệ: Stent được thiết kế giúp áp sát vào thành mạch và tránh tạo nếp gấp - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	10
420	BVYTDN420	Stent graft động mạch chủ ngực	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Khung giá đỡ bằng hợp kim Nitinol. Lớp phủ bằng polyester đa sợi mật độ cao - Đường kính khung giá đỡ: 22 - 46 mm, chiều dài stent từ 107 - 212mm. Đường kính dụng cụ: 22 - 25F - Tính năng, công nghệ: Bộ stent graft cho động mạch chủ ngực có 8 mắt stent ở đầu gần không có lớp phủ, dài 12 mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	5
421	BVYTDN421	Stent graft động mạch chủ ngực các loại, các cỡ	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao - Đường kính của Stent từ 24mm đến 44mm dài 80mm đến 230mm. - Tính năng, công nghệ: Mô tả: Stent graft sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	15
422	BVYTDN422	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung	- Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic có đường kính ngoài từ 22F đến 25F - Đường kính stent: từ 22mm đến 46mm. - Chiều dài bao phủ của stent: từ 100mm đến 205mm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA-CFG.	Cái	10
423	BVYTDN423	Thanh nâng lổm ngực	- Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ ASTM F 138/ ASTM F139. - Chiều dài: có các cỡ 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 inches và 8,5; 9,5; 10,5; 11,5; 12,5; 13,5; 14,5; 15,5; 16,5 inches - Độ dày 2.8mm - Tính năng, công nghệ: - Hai đầu thanh được bo tròn, có lỗ hình chữ nhật để đặt miếng cố định. Chính giữa thanh có đường đánh dấu. - Tương thích với miếng cố định, có thể chụp X-quang, tiệt trùng được bằng hơi nước. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA 510	Cái	5

424	BVYTDN424	Van động mạch chủ sinh học nhân tạo	Bộ thay van động mạch chủ qua da Chất liệu khung van bằng hợp kim Cobalt, 3 lá van làm bằng màng ngoài tim bò, có lớp áo ngoài và lớp phủ trong bằng vật liệu Polyetylen Terephthalate (PET) Có 9 cỡ đường kính từ 20mm - 32mm (20mm, 21.5mm, 23mm, 24.5mm, 26mm, 27.5mm, 29mm, 30.5mm, 32mm), bước tăng 1.5mm. Chiều cao khung van: 17mm - 21 mm. Thể tích bóng nong: 12ml - 40ml. Có công nghệ xử lý chống vôi hóa trên các lá van Bộ nạp van và hệ thống chuyển van tương thích sheath 14Fr Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Bộ	1
425	BVYTDN425	Van động mạch chủ sinh học thay qua da kèm hệ thống chuyển van, nạp van	"- Có khung van làm bằng chất liệu Nitinol, chiều cao 45mm, có khả năng ghi nhớ hình dạng và có thể tự giãn, có đánh dấu cân quang, lá van làm bằng màng ngoài tim heo cho khả năng chịu lực tốt. - Kích thước van 23, 26, 29, 34 mm. Kích thước hệ thống catheter chuyển van 14F, 18F. - Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bao gồm 01 bộ nạp van và 01 hệ thống catheter chuyển van và 01 van động mạch chủ tự bung. - Van được xử lý với dung dịch Alpha-amoni Oleic Acid (AOATM) hoặc tương đương chống vôi hóa, tiết khuẩn. - Van có 2 lớp với lớp màng tim heo bao bên ngoài khung van, hạn chế tối thiểu việc rò rỉ quanh chân van. - Hệ thống van động mạch chủ tự bung. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA.	Cái	1
426	BVYTDN426	Van tim nhân tạo sinh học hai lá (các cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ 25-33mm, đường kính vòng van 25-33mm. Đường kính trong 23-31mm, độ nhỏ tám thất 9-11mm, tổng chiều cao 16-20mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Van sinh học 2 lá được thiết kế để cải thiện huyết động lâu dài và độ bền của van. - Ba lá van riêng lẻ làm bằng màng ngoài tim heo được kết hợp với nhau nhằm tối ưu sự đồng hóa và giảm sự căng thẳng trên chúng. - Rìa ngoài được phủ một lớp chắn ngoài màng tim, cung cấp một giao diện từ mô đến mô giảm nguy cơ mài mòn cơ van. - Sự kết hợp giữa độ thấp của van và giá giữ van phù hợp cho phẫu thuật xâm lấn tối thiểu. - Van thấp giảm sự rò rỉ ro tắc nghẽn dòng chảy ở thất trái. - Giá đỡ giảm áp lực lên lá van, dễ dàng thích nghi với vòng van giúp dễ gút chỉ khâu và trả lại hình dạng ban đầu sau khi bị đẩy lệch. - Thời gian rửa nước ngắn 2x10 giây. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA (Hoa Kỳ).	Cái	30
427	BVYTDN427	Ví dây dẫn can thiệp ngoại biên 0,014" & 0,018"	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Lớp phủ: hydrophilic/hydrophilic trên nền polymer. Kích cỡ: - Đường kính dây 0,014inch; 0,018inch - Chiều dài 180cm, 190cm, 200cm, 235cm, 300cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn có tip load từ 1,0 - 40gf, đầu tip nhọn hoặc tù - Dây dẫn đơn lõi one-piece core. - Dây dẫn đa lõi có tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	100
428	BVYTDN428	Vít cố định	Mô tả: - Vít không cần khoan mô, được làm từ hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Đường kính: 3.4mm. - Chiều dài: Có các loại 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18 và 20mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: OECD	Cái	7.300
429	BVYTDN429	Vớ y khoa	Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch	Hộp	40
430	BVYTDN430	Vớ y khoa	Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch	Hộp	60